Ngày soạn:
Ngày dạy:
Lớp dạy:

CHƯƠNG I :KHÁI NIỆM VỀ HỆ CƠ SỞ DỮ LIỆU
§1. MỘT SỐ KHÁI NIỆM CƠ BẢN

I. Mục tiêu

1. Về kiến thức:

- Biết các vấn đề cần giải quyết trong một bài tóan quản lí và sự cần thiết phải có CSDL.
- Biết vai trò của CSDL trong học tập và cuộc sống.

2. Về kĩ năng:

- Bước đầu hình thành kĩ năng khảo sát thực tế cho ứng dụng CSDL.

3. Về thái độ:

- Có ý thức sử dụng máy tính để khai thác thông tin, phục vụ công việc hàng ngày.

II. Chuẩn bị

- Giáo viên: SGK, bài soạn
- Học sinh: SGK, vở ghi.

III. Tổ chức các hoạt động dạy và học

1. Ổn định lớp, kiểm tra sĩ số:

2. Nội dung bài mới

Hoạt động 1:Xuất phát
Phương pháp: Thuyết trình
GV: Trong xã hội công việc quản lí rất phổ biến, mọi tổ chức đều có sự quản lí, như công ty thì quản lí sản phẩm, quản lí nhân viên, trường học thì quản lí học sinh, giáo viên, sổ sách…Vậy trong công việc quản lí đó bao gồm những gì, ta sẽ đi tìm hiểu ở bài đầu của chương.
Hoạt động 2,3: Hình thành kiến thức, luyện tập
Phương pháp: Vấn đáo, thảo luận nhóm, Thuyết trình

Nội dung	***Hoạt động của thầy***	***Hoạt động của trò***

1. **Bài toán quản lí:** - Bài toán quản lí là bài toán phổ biến trong mọi hoạt động kinh tế - xã hội. Để quản lí thì các tổ chức quản lí phải có hồ sơ quản lí để lưu trữ các thông tin. - Hồ sơ quản lí có thể cập nhập thông tin (bổ sung, sửa đổi, xóa thông tin) hoặc có thể khai thác thông tin như tìm kiếm, sắp xếp, tổng hợp, thông kê thông tin theo định kỳ.	GV: Giới thiệu về bài toán quản lí, minh họa bằng bài toán quản lí học sinh trong nhà trường. Sau đó yêu cầu hs lấy một số ví dụ về bài toán quản lí - GV nhận xét và bổ sung	- Hs thảo luận và lấy ví dụ về bài toán quản lí
2. Các công việc thường gặp khi xử lí thông tin của một tổ chức. Công việc thường gặp khi xử lí thông tin bao gồm: tạo lập, cập nhật và khai thác hồ sơ. **a) Tạo lập hồ sơ:** Để tạo lập hồ sơ, cần thực hiện các công việc sau: - Xác định chủ thể cần quản lí - Xác định cấu trúc hồ sơ. - Thu thập, tập hợp thông tin cần thiết cho hồ sơ từ nhiều nguồn khác nhau và lưu trữ chúng theo đúng cấu trúc đã xác định. **b) Cập nhật hồ sơ:** Thông tin lưu trữ trong hồ sơ cần được cập nhật để đảm bảo phản ánh kịp thời, đúng với thực tế. Một số việc thường làm để cập nhật hồ sơ: - *Sửa chữa hồ sơ;* - *Bổ sung thêm hồ sơ;;* - *Xóa hồ sơ.* **c) Khai thác hồ sơ:** Khai thác hồ sơ bao gồm các công việc chính sau: - Sắp xếp hồ	GV: Lấy ví dụ về cập nhập, khai thác thông tin trong hồ sơ quản lí: Trong bài toán quản lí học sinh: - hs mới chuyển đến trường thì phải chuyển học bạ đến trường mới, hs chuyển đi thì phải rút học bạ đi, học sinh thay đổi chỗ ở thì phải sửa thông tin mới… GV: Yêu cầu 4 nhóm, mỗi nhóm lấy 1 ví dụ về cập nhập và khai thác với một bài toán quản lí khác GV lấy ví dụ trong bt quản lí học sinh - Chủ thể là học sinh - Mỗi thông tin về hs là một hàng gồm các	- HS thảo luận rồi lấy ví dụ minh họa về các công việc khi xử lí thông tin của bài toán quản lí của mình đã lấy ví dụ ở phần trước

- Tìm kiếm... - Thống kê - Lập báo cáo Việc cuối cùng của việc tạo lập, cập nhập, khai thác hồ sơ là phục vụ, hỗ trợ cho quá trình lập kế hoạch, ra quyết định xử lí công việc của người có trách nhiệm	cột: họ tên, gt,ntns,địa chỉ, điểm các môn - Lấy từ học bạ, kết quả sau các kì thi GV: Yêu cầu hs minh họa lại trong bt quản lí phòng cho thuê của 1 khách sạn GV lấy ví dụ minh họa trong bt quản lí hs sau đó yêu cầu hs minh họa trong bt quản lí phòng cho thuê của 1 khách sạn GV lấy ví dụ: - Sắp xếp dshs theo chiều giảm dần của điểm toán… - Tìm những hs được tổng điểm thi >25 - Đưa ra dshs đạt hs tiên tiến Yêu cầu hs minh họa lại trong bt quản lí phòng cho thuê của 1 khách sạn HS: Suy nghĩ và trả lời câu hỏi	
3. Hệ cơ sở liệu **a) Khái niệm CSDL và hệ quản trị CSDL** **CSDL**: (SGK)	- Yêu cầu học sinh đọc sách giáo khoa và thảo luận cho biết: + CSDL là gì, ví dụ minh họa? + Hệ quản trị CSDL là gì, ví dụ minh họa? - Sau đó nhận xét và bổ sung kiến thức.	- Hs đọc sách và thảo luận đưa ra câu trả lời

Hệ QTCSDL: *Là phần mềm cung cấp mi trường thuận lợi và hiệu quả để tạo lập, lưu trữ và khai thác thông tin của CSDL được gọi là hệ quản trị CSDL (Database Management System).* **Chú ý:** - Người ta thường dùng thuật ngữ ***hệ cơ sở dữ liệu*** để chỉ một CSDL cùng với hệ QTCSDL và khai thác CSDL đó.		
b) Một số ứng dụng: - Cơ sở giáo dục và đào tạo cần quản lí thông tin người học, môn học, kết quả học tập,…	GV: Yêu cầu hs thảo luận và tìm ra ví dụ ứng dụng GV: Sau mỗi ví dụ của hs thì gv nhận xét, bổ sung và cho điểm miệng	HS: Thảo luận và trả lời
Hoạt động 4,5: Vận dụng, tìm tòi và mở rộng Phương pháp: hs tự nghiên cứu sgk để hoàn thiện Nội dung: Hãy tìm hiểu về CSDL bán hàng mà chúng ta thường thấy trong các ícửa hàng lớn. Tìm hiểu về: CSDL quản lí cái gì, hệ quản trị csdl tạo ra nó là gì? Các công việc cần xử lí ?....		

3. Cũng cố bài học

Nhắc lại 1 số kiến thức

- bài toán quản lí
- CSDL và hệ QTCSDL
- Các ví dụ CSDL gần hs nhất

IV. Bổ sung và rút kinh nghiệm

.....
.....
.....
.....

Bài soạn tiết:
Ngày soạn:
Ngày dạy:
Lớp dạy:

BÀI TẬP

I. Mục tiêu

1. Về kiến thức:

- Củng cố các khái niệm đã học: CSDL, hệ QTCSDL, hệ CSDL;
- Sự cần thiết phải có CSDL lưu trên máy tính, mối tương tác giữa các thành phần của hệ CSDL;
- Các yêu cầu cơ bản của hệ CSDL qua hệ thống câu hỏi trắc nghiệm khách quan và tự luận.

2. Về kĩ năng:

- Bước đầu hình thành kĩ năng khảo sát thực tế cho ứng dụng CSDL.

3. Về thái độ:

- Có ý thức sử dụng máy tính để khai thác thông tin, phục vụ công việc hàng ngày.

II. Chuẩn bị

- Giáo viên: SGK, bài soạn
- Học sinh: SGK, vở ghi.

III Tổ chức các hoạt động

1. Ổn định lớp, kiểm tra sĩ số:

2. Kiểm tra bài cũ: Lồng vào trong các hoạt động của giờ học

3. Các hoạt động

<table>
<tr><td colspan="3">Hoạt động 1: Xuất phát, hình thành kiến thức, luyện tập
Phương pháp: Vấn đáp</td></tr>
<tr><td>Nội dung</td><td>Hoạt động của thầy</td><td>Hoạt động của trò</td></tr>
<tr><td>Bài 1. Nêu một ứng dụng CSDL của 1 tổ chức dữ liệu mà em biết.
Đáp án:
Trong 1 xí nghiệp hoặc 1 công ty thường có 1 csdl quản lí lương của nhân viên, csdl đó lưu trữ các thông tin:
Họ tên, tuổi, năm công tác, bậc lương, lương cơ bản, địa chỉ, trợ cấp..
Bài 2. Hãy phân biệt CSDL và hệ</td><td>GV có thể gợi ý hs thông qua các câu hỏi?
- Tổ chức nào thường có việc quản lí mà có thể tạo nên 1 csdl?
- CSDL đó có những thông tin gì?
- Phục vụ đối tượng nào?về vấn đề gì?

GV gọi hs đứng tại chổ trả</td><td>HS thảo luận cùng nhau rồi trả lời gv

Hs trả lời</td></tr>
</table>

QTCSDL - CSDL là tập hợp các dữ liệu có liên quan với nhau được lưu trữ ở thiết bị nhớ của máy tính còn hệ QTCSDL là các chương trình phục vụ tạo lập, cập nhập và khai thác csdl	lời	
<u>Bài 3:</u> <u>Đáp án:</u> Thường trong 1 csdl thư viện có thể có các đối tượng là người mượn, sách, tác giả, hóa đơn nhập, biên bản thanh lí sách, biên bản giải quyết sự cố mất sách, đền bù sách…. **Thông tin về từng đối tượng có thể như sau:** - Người mượn (HS): số thẻ, họ và tên, ngày sinh, giới tính, lớp, địa chỉ, ngày cấp thẻ, ghi chú, ... - Sách: Mã sách, tên sách, loại sách, nhà XB, năm XB, giá tiền, mã tác giả; - Tác giả: Mã tác giả, họ và tên tác giả, ngày sinh, ngày mất, ... - Đền bù: Số hiệu biên bản đền bù, mã sách, số lượng đền bù, tiền đền bù, ... - Phiếu mượn (quản lí việc mượn sách): Mã thẻ, số phiếu, ngày mượn, ngày cần trả, mã sách, số lượng sách mượn, ... *** Những việc phải làm để đáp ứng nhu cầu quản lí của người thủ thư:** - Cho mượn: Kiểm tra thẻ đọc, phiếu mượn, tìm sách trong kho, ghi sổ trả/ mượn và trao sách cho học sinh mượn; - Nhận sách trả: Kiểm tra thẻ đọc, phiếu mượn, đối chiếu sách trả và	GV: yêu cầu hs thảo luận tìm hiểu để biết hoạt động của 1 thư viện và người thủ thư, từ đó xác định trong thư viện thì cần có những đt nào phải quản lí?với mỗi đt phải quản lí thông tin gì? GV: gợi ý Để phục vụ bạn đọc: - Người thủ thư cần kiểm tra để biết người đó có phải là bạn đọc của thư viện không? - Có tra cứu xem sách mà bạn đọc cần có còn hay không? - Có phải vào sổ trước khi	HS: Suy nghỉ và trả lời HS: Dựa vào gợi ý, suy

phiếu mượn, ghi sổ mượn/ trả, ghi sự cố sách trả quá hạn hoặc hư hỏng (nếu có), nhập sách về kho, ...	đưa sách cho bạn đọc không?	ghỉ và làm bài
Hoạt động 4,5 : Vận dụng,tìm tòi và mở rộng Phương pháp : HS tự nghiên cứu Nội dung : Nghiên cứ về CSDL quản lí điểm trong từng kỳ học của học sinh tại trường mình, và cho biết các hoạt động cần làm khi xử lí thông tin trong csdl đó		

4. Cũng cố

IV. Những bổ sung và rút kinh nghiệm

.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....

Ngày soạn:
Ngày dạy:
Lớp dạy:
Bài soạn tiết: 4,5 bài 2 - HỆ QUẢN TRỊ CƠ SỞ DỮ LIỆU

I. Mục tiêu

1. Về kiến thức:

- Biết khái niệm hệ QTCSDL;
- Biết các chức năng của hệ QTCSDL: Tạo lập CSDL, cập nhật dữ liệu, tìm kiếm, kết xuất thông tin;
- Biết được hoạt động tương tác của các thành phần trong một hệ quản trị cơ sở dữ liệu.

II. Chuẩn bị

- Giáo viên: SGK, bài soạn
- Học sinh: SGK, vở ghi.

III. Tổ chức các hoạt động lên lớp

1. Ổn định lớp, kiểm tra sĩ số:

2. Các hoạt động

Hoạt động 1,2,3: Xuất phát, hình thành kiến thức, luyện tập *Phương pháp: Thảo luận nhóm, vấn đáp*		
Nội dung	*Hoạt động của thầy*	*Hoạt động của trò*
1. Các chức năng của hệ QTCSDL a. Cung cấp môi trường tạo lập CSDL Mỗi hệ QTCSDL cung cấp cho người dùng một *ngôn ngữ định nghĩa dữ liệu* – là hệ thống các kí hiệu mô tả CSDL **b.** Cung cấp môi trường cập nhật và khai thác dữ liệu Ngôn ngữ để người dùng diễn tả yêu cầu cập nhật hay tìm kiếm, kết xuất thông tin được gọi là *ngôn ngữ thao tác dữ liệu.* Thao tác dữ liệu gồm: • Cập nhật (nhập, sửa, xoá dữ liệu); • Khai thác (tìm kiếm, kết xuất dl).	GV: Yêu cầu học sinh chia làm 3 nhóm, mỗi nhóm tìm hiểu về một chức năng của hệ quản trị cơ sở dữ liệu, sau đó mỗi nhóm cử 1 đại diện trình bầy những hiểu biết về chức năng đó? GV: Tổng kết lại và lấy ví dụ minh họa.	HS: Suy nghĩ, thảo luận theo nhóm để trình bầy

c. Cung cấp công cụ kiểm soát, điều khiển việc truy cập vào dữ liệu Để góp phần đảm bảo được các yêu cầu đặt ra cho một hệ CSDL, hệ QTCSDL phải có các bộ chương trình thực hiện những nhiệm vụ sau: • Đảm bảo an ninh, phát hiện và ngăn chặn sự truy cập không được phép. • Duy trì tính nhất quán của dữ liệu; • Tổ chức và điều khiển các truy cập đồng thời để bảo vệ các ràng buộc toàn vẹn và tính nhất quán; • Khôi phục CSDL khi có sự cố ở phần cứng hay phần mềm; Quản lí các mô tả dữ liệu.	GV: Đặt ra câu hỏi: Trong các chức năng trên theo em chức năng nào là quan trọng nhất? vì sao? GV nhận xét và kết luận	HS: Suy nghĩ và trả lới
3. Vai trò của con người khi làm việc với hệ cơ sở dữ liệu a) Người quản trị cơ sở dữ liệu Là một người hay nhóm người được trao quyền điều hành CSDL. Nhiệm vụ của người quản trị CSDL: • Quản lí các tài nguyên của CSDL, hệ QTCSDL, và các phần mềm có liên quan. • Tổ chức hệ thống: phân quyền truy cập cho người dùng, đảm bảo an ninh cho hệ CSDL. Nâng cấp hệ CSDL: bổ sung, sửa đổi để cải tiến chế độ khai thác, nâng cao hiệu quả sử dụng. • Bảo trì CSDL: thực hiện các công việc bảo vệ và khôi phục hệ CSDL b) Người lập trình ứng dụng: Là người có nhiệm vụ xây dựng các chương trình ứng dụng hỗ trợ khai thác thông tin từ CSDL trên cơ sở các công cụ mà hệ quản trị CSDL cung cấp.	GV: Yêu cầu hs chia làm 3 nhóm, mỗi nhóm tìm hiểu về 1 vai trò, sau đó cử đại diện trình bầy về vai trò đó của mình, trong vai trò em trình bầy em có thích vai trò đó không? Vì sao? GV: Nhận xét phần trình bầy của từng nhóm sau đó tổng kết lại GV: Trong ba vai trò trên vai trò nào quan trong nhất? vì sao? GV: Nhận xét và kết luận	HS: Đọc sách và suy nghĩ, thảo luận và trả lời. HS: Suy nghĩ và trả lời.

c) Người dùng Là người có nhu cầu khai thác thông tin từ CSDL. **4. Các bước xây dựng cơ sở dữ liệu** Bước 1: Khảo sát Bước 2: Thiết kế Bước 3: Kiểm thử	GV: Nêu các bước xây dựng một CSDL , trong các bước đó bước nào quan trong nhất? vì sao? Minh họa trong bài toán quản lí học sinh. GV: Nhận xét và tổng kết lại	HS: Suy nghĩ và trả lời
Hoạt động 4,5: Vận dụng, tìm tòi và mở rộng Phương pháp: HS tự nghiên cứu để hoàn thiện Nội dung: Hãy minh họa 3 bước xây dựng CSDL trong việc xây dựng CSDL quản lí điểm thi tốt nghiệp		

3. Cũng cố.

Tổng kết lại các nội dung chính:

- Chức năng của hệ QTCSDL, chức năng quan trọng nhất
- Vai trò của con người khi làm việc với hệ CSDL
- Các bước xây dựng CSDL

IV. Những bổ sung và rút kinh nghiệm

.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....

Ngày soạn: *Lớp dạy:*
Bài soạn tiết: *Ngày dạy:*

BÀI TẬP

I. Mục tiêu

Kiến thức

- Chức năng của hệ QTCSDL: Tạo lập CSDL, cập nhật dữ liệu, tìm kiếm, kết xuất thông tin;
- Biết được hoạt động tương tác của các thành phần trong một hệ quản trị cơ sở dữ liệu.
- Biết vai trò của con người khi làm việc với hệ CSDL;
- Biết các bước xây dựng CSDL

Kỹ năng

- Bước đầu xây dựng csdl ở mức đơn giản

Thái độ

- Nghiêm túc học hỏi trong giờ, làm việc khoa học thông qua các bước nhỏ

II. Chuẩn bị

- Giáo viên: SGK, bài soạn
- Học sinh: SGK, vở ghi.

III . Tổ chức các hoạt động dạy và học

1. Ổn định lớp, kiểm tra sỉ số:
2. Kiểm tra bài cũ: Lồng vào trong quá trình hoạt động của giờ học
3. Các hoạt động

Hoạt động 1,2,3: Xuất phát, hình thành kiến thức, luyện tập Phương pháp: Vấn đáp		
Nội dung	Hoạt động của thầy	Hoạt động của trò
Bài tập trong SGK *Câu 1, câu 2 (SGK)* *Câu 3: Vì sao hệ QTCSDL lại phải có khả năng kiểm soát và điều khiển các truy cập đến CSDL? Hãy nêu ví dụ minh họa* *Đáp án:* Vì: - Đảm bảo an ninh hệ thong, ngăn ngừa các truy cập và xử lí không được phép. Ví dụ, trong hệ thống quản lí kết quả học tập, chỉ có các gv mới được định kì	GV: Gọi HS lên kiểm tra và lấy điểm miệng GV: Yêu cầu hs suy nghỉ trả lời	HS: Trả lời câu hỏi HS: lên bảng trả lời lấy điểm

bổ sung điểm ở môn và lớp mình phụ trách. Ngoài các thời điểm này, mọi dung có thể xem, tìm kiếm, tra cứu chứ không được bổ sung, sửa đổi - Đảm bảo tính nhất quán khi có thao tác cập nhật		
Câu 4: Khi làm việc với các hệ CSDL, em muốn giữ vai trò gì? Vì sao *Đáp án:* Đây là câu hỏi tự luận, hs chọn vai trò nào cũng được nhưng phải lia giải được vì sao chọn vai trò đó	GV: Gọi 3 hs trả lời câu hỏi này	Hs: Trả lời lấy điểm miệng Hs khác nhận xét
Câu 5: Trong các chức năng của hệ QTCSDL, theo em chức năng nào là quan trọng nhất? vì sao? Đáp án: Trong 3 chức năng của hệ QTCSDL thì chức năng nào cũng quan trọng tuy nhiên chức năng quan trọng nhất là cung cấp các dịch vụ cần thiết để khai thác thông tin từ CSDL, bởi vì CSDL được xây dựng để đáp ứng nhu cầu khai thác thông tin của nhiều người dùng với nhiều mục đích khác nhau	GV: Gọi 3 hs trả lời câu hỏi này	Hs: Trả lời lấy điểm miệng Hs khác nhận xét
Bài tập thêm: *Câu 1. Câu nào sau đây về hoạt động của một hệ QTCSDL là sai?* A. Trình ứng dụng tương tác với hệ QTCSDL thông qua bộ xử lí truy vấn; B. Có thể tạo các truy vấn trên CSDL dựa vào bộ xử lí truy vấn; C. Bộ quản lí dữ liệu của hệ QTCSDL tương tác với bộ quản lí tệp của hệ điều hành để quản lí, điều khiển việc tạo lập, cập nhật, lưu trữ và khai thác dữ liệu trên các tệp của CSDL; D. Bộ quản lí tệp nhận các yêu cầu truy xuất từ bộ xử lí truy vấn và nó cung cấp dữ liệu cho bộ truy vấn theo yêu cầu;	GV đọc đề bài và cho hs suy nghĩ chuẩn bị trong 5 phút rồi gọi hs lên trả lời lấy điểm miệng	Hs suy nghĩ rồi trả lời

E. Bộ quản lí dữ liệu của hệ QTCSDL quản lí trực tiếp các tệp CSDL. **ĐÁp án: E** Bộ quản lí dữ liệu của hệ QTCSDL không trực tiếp quản lí các tệp CSDL mà tương tác với bộ quản lí tệp của hệ điều hành để quản lí, điều khiển việc tạo lập, cập nhật, lưu trữ và khai thác dữ liệu trên các tệp CSDL. *Câu 2. Qui trình nào trong các qui trình dưới đây là hợp lí khi tạo lập hồ sơ cho bài toán quản lí?* A. Tìm hiểu bài toán -> Tìm hiểu thực tế -> xác định dữ liệu -> tổ chức dữ liệu -> nhập dữ liệu ban đầu; B. Tìm hiểu thực tế -> tìm hiểu bài toán -> xác định dữ liệu -> tổ chức dữ liệu -> nhập dữ liệu ban đầu; C. Tìm hiểu bài toán -> tìm hiểu thực tế -> xác định dữ liệu -> nhập dữ liệu ban đầu -> tổ chức dữ liệu; D. Các thứ tự trên đều sai. **Đáp án: B** Cần đảm bảo đi từ mức khung nhìn sang mức khái niệm sau đó mới tới mức vật lí.	GV đọc đề bài và cho hs suy nghĩ chuẩn bị trong 5 phút rồi gọi hs lên trả lời lấy điểm miệng	- Suy nghĩ rồi trả lời
Hoạt động 4,5: Vận dụng, tìm tòi và mở rộng Phương pháp: Hs tự nghiên cứu		

3. Củng cố

IV. Những bổ sung và rút kinh nghiệm

.....
.....
.....
.....

Ngày soạn: *Lớp dạy:*
Bài soạn tiết: *Ngày dạy:*

BÀI TẬP VÀ THỰC HÀNH 1
TÌM HIỂU HỆ CƠ SỞ DỮ LIỆU

I. Mục tiêu

1. Về kiến thức:

- Biết một số công việc cơ bản khi xây dựng một CSDL đơn giản;

2. Về kỹ năng

- Biết xác định những việc cần làm trong hoạt động quản lí một công việc đơn giản.

II. Chuẩn bị

- Giáo viên: SGK, bài soạn
- Học sinh: SGK, vở ghi.

III. Tổ chức các hoạt động dạy học

1. Ổn định lớp, kiểm tra sĩ số

2. Các hoạt động

Hoạt động 1,2,3: Xuất phát, hình thành kiến thức, luyện tập
Phương pháp: Vấn đáp

Nội dung	Hoạt động của thầy	HĐ của trò
Bài 1 : Tìm hiểu nội quy thư viện, thẻ thư viện, phiếu mượn,trả sách, sổ quản lí sách cua thư viện trường thpt: - Nội quy thư viện: + vào thư viện phải có người hướng dẫn. + khi mượn sách phải xuất trình thẻ thư viện + Mượn trả sách phải đúng quy định + Nếu trả chậm ngày phải phạt 2000d/1 ngày chậm + nếu làm mất sách hoặc rách sách phải đền bù sách mới hoặc đền bù tiền theo giá sách mới ….. - Thẻ thư viện có các thông tin sau: + họ tên, ngày sinh, địa chỉ, lớp, mã thẻ.. - Khi đến thư viện, người đọc xuất trình thẻ mượn, người quản lí kiểm tra thẻ, sách, nếu còn thì cho người đọc mượn và ghi phiếu mượn, và ghi vào sổ theo dõi, phiếu mượn có các thông tin: số phiếu, mã thẻ, mã sách, số lượng, ngày mượn, ngày phải trả, chữ kí người mượn - Người thủ thư quan lí sách theo số: Mã	GV: Yêu cầu lớp chia làm 2 nhóm, nhóm 1 làm bài 1, nhóm 2 làm bài 2, dánh thời gian các nhóm chuẩn bị nội dung của mình để trình bầy là 15 phút, sau đó mỗi nhóm cử đại diện lên trình bầy nội dung của mình, sau đó cá nhóm khác có thể bổ sung thêm các nhóm thảo luận theo các vấn đề sau: Nhóm 1: - Nội quy của thư viện như thế nào? - Giờ phục vụ (giờ cho mượn, giờ thu hồi)? Quy định mượn/trả sách? Quy ước một số sự cố (Sách bị cắt xén, sách trả quá hạn, làm mất sách) khi vi phạm nội quy thì xử lý như thế nào?	Hs hoạt động theo nhóm theo hướng dẫn của giáo viên

sách, tên sách, số lượng, đơn giá, tác giả.. - Nếu người mượn làm mất sách phải đền bù và ghi biên bản sự cố (mã sách, mã bbđb, số lượng, đơn giá, lí do…) - Hàng năm sách được nhập vào và thanh lí, khi nhập có hóa đơn nhập (mã sách, đơn giá, số lượng, tổng số tiền…), khi thanh lí có biên bản thanh lí (mã sách, số lượng, lí do, đơn giá...) Bài 2 : * Quản lí sách gồm các hoạt động như nhập/ xuất sách vào/ ra kho (theo hóa đơn mua hoặc theo biên lai giải quyết sự cố vi phạm nội quy), thanh lí sách (do sách lạc hậu nội dung hoặc theo biên lai giải quyết sự cố mất sách), đền bù sách hoặc tiền (do mất sách)… * Quản lí mượn/trả sách gồm các hoạt động như : - Cho mượn: kiểm tra thẻ đọc, phiếu mượn, tìm sách trong kho, ghi sổ mượn/trả và trao sách cho học sinh mượn . - Nhận sách trả: Kiểm tra thẻ đọc, phiếu mượn, đối chiếu sách trả và thẻ mượn, ghi sổ mượn/trả, ghi sự cố sách trả quá hạn và hư hỏng (nếu có), nhập sách về kho. - Tổ chức thông tin về sách và tác giả: giới thiệu sách theo chủ đề, chuyên đề, tác giả, sách mới…	- Hoạt động mượn/trả sách cần phải có các loại phiếu, thẻ, sổ sách gì? Nhóm 2: - Trong thư viện có những hoạt động nào xảy ra, các hoạt động này có thể phân chia thành những nhóm hđ chính nào? Ví dụ: mượn sách, trả sách, nhập sách, thanh lí sách.., có thể chia thánh 2 nhóm là quản lí sách (nhập sách, thanh lí sách…) và mượn/trả sách (mượn sách, trả sách..) - Trong mỗi hoạt động các đối tượng tham gia phải thực hiện những nhiệm vụ nào? Ví dụ khâu mượn sách được tiến hành ra sao? Hs đến mượn cần làm thủ tục gì? Nhân viên thư viện làm việc gì?... GV: Nhận xét, tổng kết lại	
Bài 3: Một thư viện cần quản lý các đối tượng và thông tin về các đối tượng đó như sau : * NGƯỜI MƯỢN : - Số thẻ - Họ và tên - Ngày sinh - Giới tính - Lớp - Địa chỉ - Ngày cấp thẻ	GV: Gợi ý - Mọi hoạt động cần được lưu lại, do đó phải có dối tượng cần quản lí lại, ví dụ mượn sách thì phải quản lí đối tượng thẻ thư viện (người đọc), phiếu mượn…, quản lí sách thì phải quản lí đối tượng hóa đơn nhập, xuất sách…. Vậy dựa vào các hoạt	- Hs cùng trao đổi để tìm ra các đối tượng, thảo luận rồi trình bầy

- Ghi chú * SÁCH: - Mã sách - Tên sách - Loại sách - Nhà xuất bản - Năm xuất bản - Giá tiền - Mã tác giả -Tóm tắt nội dung * TÁC GIẢ : - Mã tác giả - Họ và tên tác giả - Ngày sinh - Ngày mất (nếu có) - Tóm tắt tiểu sử **Bài 4** CSDL trên gồm 8 bảng sau: TACGIA (matg, hoten, ngsinh, ngmat, tieusu) SACH (masach, ten sach,nxb, nxb,gia, matg) PHIEUMUON(sophieu,mathe,masach,ngay muon, ngay tra, so luong) HOCSINH (mathe, ho ten, dia chi, ngaycap) TRASACH (sophieu, ngày tra, so biên bản ghi sự cố) Bảng HOADON (số hóa đơn, mã sách, số lượng nhập) Bảng THANHLI (số bbtl, mã sách, sl) Bảng DENBU(masach, sl, tiền)	động chính hãy xác định các đối tượng cần quản lí trong thư viện, GV: Tổng kết lại các đối tượng cần quản lí. GV: Chia lớp thành 6 nhóm để xác định các thong tin cần có trong các đối tượng: Nhóm 1: SÁCH, TÁC GIẢ Nhóm 2: người mượn Nhóm 3: Phiếu mượn, phiếu trả Nhóm 4: biên bản thanh lí sách Nhóm 5: Biên bản xử lí sự cố sách Nhóm 6: hóa đơn nhập sách Gv: Dựa vào bài 3, GV hướng dẫn Hs xây dựng csdl và trả lời các câu hỏi sau:	
Hoạt động 4,5: Vận dụng, tìm tòi và mở rộng Phương pháp: hs tự nghiên cứu Nội dung: Yêu cầu tương tự nội dung bài thực hành với CSDL quản lí học sinh trong nhà trường.		

3. Cũng cố

Tổng kết lại nội dung 4 bài, yêu cầu hs tìm hiểu thêm về bài toán quản lí học sinh trong nhà trường, và chuẩn bị bài 3

IV. Những bổ sung và rút kinh nghiệm

.....

Ngày soạn: *Lớp dạy:*
Bài soạn tiết: 9 *Ngày dạy:*

CHƯƠNG II : HỆ QUẢN TRỊ CƠ SỞ DỮ LIỆU MICROSOFT ACCESS

Bài 3. GIỚI THIỆU MICROSOFT ACCESS

I. Mục tiêu

1. Kiến thức:
   - Biết được các khả năng của M.Access
   - Biết 4 loại đối tượng chính: Tables, Forms, Queries, Reports.
   - Vận dụng, thực hiện được các thao tác cơ bản trong M. Access
   - Biết được tác dụng của 2 chế độ làm việc trong các đối tượng.
   - Hiểu khái niệm thuật sĩ
2. Kỹ năng:
   - Nắm được cách khởi động access
3. Thái độ
   - Thái độ nghiêm túc trong giờ học bộ môn

II. Chuẩn bị

- Giáo viên: SGK, bài soạn
- Học sinh: SGK, vở ghi.

III. Tổ chức các hoạt động dạy và học

1. Ổn định lớp, kiểm tra sỉ số

2. Các hoạt động

Hoạt động 1: Xuất phát
Phương pháp: Thuyết trình
GV: Ở chương trước ta đã nắm được khái niệm về CSDL và hệ QTCSDL, sang tiết này ta bắt tay vào làm quen với việc tạo CSDL từ một hệ QTCSDL, mà cụ thể là làm quen với hệ QTCSDL access.
Hoạt động 2: Hình thành kiến thức
Phương pháp: Vấn đáp, thảo luận nhóm

Nội dung	Hoạt động của thầy	HĐ của trò
1. Phần mềm Microsoft Access • Phần mềm Microsoft Access là hệ quản trị CSDL nằm trong bộ phần mềm Microsoft Office, biểu tượng:	GV: Hãy cho biết trong bộ phần mềm Microsoft Office của hãng Microsoft dành cho máy tính, gồm có những phần mềm nào? Kể tên?	HS: Suy nghĩ và trả lời

2. Khả năng của Access ***Access có những khả năng nào?*** • Tạo lập và lưu trữ các cơ sở dữ liệu gồm các bảng, mối quan hệ giữa các bảng trên các thiết bị nhớ. • Tạo biểu mẫu để cập nhật dữ liệu, tạo báo cáo thông kê, tổng kết hay những mẫu hỏi để khai thác dữ liệu trong CSDL. • Tạo chương trình giải bài toán quản lí.	*GV:* yêu cầu hs đọc sách và cho biết các khả năng của access, sau đó minh họa cho hs thấy qua ví dụ quản lí học sinh	HS: Chú ý lăng nghe
3. Các loại đối tượng chính của Access **a) Các loại đối tượng.** **+ Bảng (Table):** Là đt cơ sở, dùng để lưu trữ dữ liệu. **+ Mẫu hỏi (Query):** Là đt cho phép tìm kiếm, sắp xếp, kết xuất dữ liệu xác định từ 1 hoặc nhiều bảng. **+ Biểu mẫu (Form):** Là đối tượng giúp tạo giao diện thuận tiện cho việc nhập hoặc hiển thị thông tin **+ Báo cáo (Report) :** Là đối tượng được thiết kế để định dạng, tính toán, tổng hợp các dữ liệu được chọn và in ra. *VD: SGK trang 27*	GV: Yêu cầu hs đọc sách gk và trả lời các câu hỏi sau: - *Access có những đối tượng nào?* - *Bảng (Table) là gì?* - *Mẫu hỏi (Query) là gì?* - *Biểu mẫu (Form) là gì?* - *Báo cáo (Report) là gì?* GV: Dùng 1 CSDL có đầy đủ 4 đối tượng trên để minh họa	HS: Đọc sách gk và suy nghĩ trả lời câu hỏi của gv
4. Một số thao tác cơ bản **a) Khởi động Access** **Có 2 cách để khởi động Access** Cách 1: Start/ chọn Programs/ Microsoft Office/ chọn Microsoft Access Cách 2: Nháy đúp vào biểu tượng Access trên màn hình. **b) Tạo CSDL mới** **Thực hiện các bước sau:**	GV: Hướng dẫn học sinh thực hiện thao tác trước sau đó gọi một học sinh lên bảng thực hiện lại thao tác trên và nhắc lại các bước thực hiện	HS: thực hiện và trả lời

B1: Chọn lệnh File -> New B2: Chọn Blank Database, xuất hiện hộp thoại File New Database B3: Chọn vị trí lưu tệp và nhập tên tệp -> chọn Create **c) Mở CSDL đã có** **Thực hiện 1 trong 2 cách sau:** C1: Nháy chuột lên tên của CSDL (nếu có) C2: Chọn lệnh File/ Open, tìm và nháy đúp vào tên CSDL cần mở. **d) Kết thúc phiên làm việc với Access:** **Thực hiện 1 trong 2 cách sau:** Cách 1: Chọn File/ Exit Cách 2: Nháy nút ở góc trên bên phải màn hình.	GV: Việc kết thúc phiên làm việc với Access tương tự như word, vậy ta làm như thế nào? GV: nhắc lại kiến thức	HS: Ghi lại và thoát.
5. Làm việc với các đối tượng ***a. Chế độ làm việc với các đối tượng*** - ***Chế độ thiết kế (Design view)*** Dùng để tạo mới hoặc thay đổi cấu trúc bảng, mẫu hỏi, biểu mẫu, báo cáo Để chọn*: View->design view* - ***Chế độ trang dữ liệu (datasheet view):*** Dùng để hiển thị dữ liệu Để chọn: *View->datasheet view* ***b. Tạo đối tượng mới*** có 3 cách: - Dùng các mẫu dựng sẵn - Người dung tự thiết kê - Kết hợp cả 2 cách trên ***c. Mở đối tượng*** trong cửa sổ của các loại đối tượng tương ứng, muốn mở đối tượng nào thì nháy đúp vào đối tượng đó	GV: Hướng dẫn học sinh các cách làm viêc với các đối tượng của Access. GV: Thực hiện trên máy tính hướng dẫn học sinh thực hiện các thao tác. GV: Giải thích thêm cho học sinh hiểu chế độ thuật sĩ	HS: Theo dõi và thực hiện theo sự hướng dẫn của giáo viên. HS: Chú ý quan sát lắng nghe
Hoạt động 3,4: Luyện tập, vận dụng Phương pháp: Vấn đáp		
- Hãy khởi động access và tạo một csdl mới có tên là quản lí học sinh, sau đó	- Đưa yêu cầu cho hs thực hiện	- Luyện tập lại các thao tác thông qua

đóng lại rồi thực hiện thao tác mở lại csdl vừa tạo		ví dụ gv yeu cầu
Hoạt động 5: Tìm tòi và mở rộng Phương pháp: Học sinh tự nghiên cứu Nội dung: Làm lại tất cả các thao tác đã học trong tiết với access 2007 trở lên		

3. Cũng cố

Dùng máy chiếu thực hiện lại một số nội dung chính như khởi động, kết thúc.

- Sau khi học sinh bài HS có thể trả lời được các câu hỏi:
- Access là gì? Các chức năng chính của Access?

Thực hiện được các thao tác với các đối tượng của Access, cách khởi động và thoát khỏi Access?

IV. Rút kinh nghiệm và bổ sung

.....
.....
.....
.....

Ngày soạn: Lớp dạy
Bài soạn tiết : Ngày dạy:

Bài 4: CẤU TRÚC BẢNG

I. Mục tiêu

1. Kiến thức
   - Biết được khi xây dựng cấu trúc bảng phải ở chế độ thiết kế.
   - Hiểu và vận dụng được các kiểu dữ liệu khi khai báo các trường của bảng.
2. Kỹ năng
   - Vận dụng được các thao tác tạo và chỉnh sửa cấu trúc bảng
   - Biết chỉ định khoá chính của bảng
   - Làm được các bài tập
3. Thái độ
   - Nghiên túc và có tinh thần ham học trong giờ

II Chuẩn bị

- Giáo viên: SGK, bài soạn
- Học sinh: SGK, vở ghi.

III. Tổ chức các hoạt động dạy và học

1. Ổn định lớp, kiểm tra sỉ số

2. Kiểm tra bài cũ:

- M.Access là gì? Kể tên các chức năng chính của M.Access.
- Kể tên các đối tượng chính trong M.Access. Mỗi đối tượng có những chế độ làm việc nào?

3. Các hoạt động

Nội dung	Hoạt động của thầy	HĐ của trò
Hoạt động 1,2: Xuất phát, hình thành kiến thức Phương pháp: Vấn đáp, thảo luận nhóm		
1. Các khái niệm chính Dữ liệu trong Access được lưu trữ dưới dạng các bảng, gồm có các cột và các hàng. Bảng là thành phần cơ sở tạo nên CSDL. Các bảng chứa toàn bộ dữ liệu mà người dùng cần để khai thác. ***Trường*** (field): Mỗi trường là một cột của bảng thể hiện một thuộc tính chủ thể cần quản lí. ***Bản ghi*** (record): Mỗi bản ghi là một hàng của bảng gồm dữ liệu về các thuộc tính của	GV: Cho hs đọc sách và sau đó đứng dạy trình bầy: - Trường là gì? - Bản ghi là gì? - Kiểu dữ liệu tệp là gì? Sau đó áp dụng trong bảng sau: GV: Nhận xét và tổng kết	**HS:** Đọc sách, suy nghĩ và trả lời

chủ thể được quản lí. ***Kiểu dữ liệu*** (Data Type): Là kiểu của dữ liệu lưu trong một trường. Mỗi trường có một kiểu dữ liệu. Một số kiểu dữ liệu: text, number, date/time, curency, autonumber, yes/no,memo. **2. Tạo và sửa cấu trúc bảng.** **a) Tạo cấu trúc bảng** - Để tạo cấu trúc bảng trong chế độ thiết kế, thực hiện một trong các cách sau: *Cách 1: Nháy đúp* ***Create table in Design view****.* *Cách 2: Nháy nút lệnh* *, rồi nháy đúp* ***Design View****.* *Xuất hiện thanh công cụ thiết kế bảng* ***Table Design*** *và cửa sổ cấu trúc bảng.* Trong cửa số thiết kế gồm 2 phần: Định nghĩa trường và các tính chất của trường Phần định nghĩa trường gồm: + Field name: cho ta gõ tên trường cần tạo + Data type: cho ta chọn kiểu dữ liệu tương ứng của trường + Description: Cho ta mô tả trường *** Cách tạo một trường.** *1- Gõ tên trường vào cột* ***Field Name*** ***2-*** *Chọn kiểu dữ liệu trong cột* ***Data Type*** *bằng cách nháy chuột vào mũi tên xuống ở bên phải ô thuộc cột* ***Data Type*** *của một trường rồi chọn một kiểu trong danh sách mở ra (h. 23).* *3- Mô tả nội dung trường trong cột* ***Description*** *(không nhất thiết phải có).* *4- Lựa chọn tính chất của trường trong phần* ***Field Properties****.* *** Chỉ định khoá chính** • Khóa chinh là 1 hoặc nhiều trường	lại - GV: Hãy cho biết thế nào là khóa chính và cách xác định khóa chính khi tạo bảng? - GV: Nhận xét và giới thiệu các bước làm đồng thời làm mẫu lại trên máy chiếu cho hs quan sát sau đó yêu câu hs lên làm lại các thao tác đó	- Hs: Thảo luận, đọc sách và trả lời, có thể minh họa trên máy chiếu - HS: Chú ý lắng nghe và quan sát rồi thực hiện lại Trên máy chiếu

giúp phân biệt giữa các bản ghi với nhau *** Để chỉ định khoá chính, ta thực hiện:** 1. Chọn trường làm khoá chính; 2. Nháy nút hoặc chọn lệnh **Edit→Primary Key**. *** Lưu cấu trúc bảng** 1. Chọn lệnh **File→Save** hoặc nháy nút lệnh ; 2. Gõ tên bảng vào ô **Table Name** trong hộp thoại **Save As**; 3. Nháy nút **OK** hoặc nhấn phím **Enter**. **b) Thay đổi cấu trúc bảng** **** Thay đổi thứ tự các trường*** 1. Chọn trường muốn thay đổi vị trí, nhấn chuột và giữ. Khi đó Access sẽ hiển thị một đường nhỏ nằm ngang ngay trên trường được chọn; 2. Di chuyển chuột, đường nằm ngang đó sẽ cho biết vị trí mới của trường; 3. Thả chuột khi đã di chuyển trường đến vị trí mong muốn. **** Thêm trường*** Để thêm một trường vào bên trên (trái) trường hiện tại, thực hiện: **1.** Chọn **Insert→Rows** hoặc nháy nút ; **2.** Gõ tên trường, chọn kiểu dữ liệu, mô tả và xác định các tính chất của trường (nếu có). **** Xoá trường*** **1.** Chọn trường muốn xoá; **2.** Chọn **Edit→Delete Row** hoặc nháy nút . **** Thay đổi khoá chính*** **1.** Chọn trường muốn chỉ định là khoá chính; **2.** Nháy nút hoặc chọn lệnh	- Để các thao tác vừa thực hiện không bị mất đi, ta cần lưu lại, hãy cho biết thao tác lưu cấu trúc bảng ntn, minh họa trên máy chiếu GV: Cho hs đọc sách và tìm hiểu cách thực hiện: - Thay đổi thứ tự các trường - Thêm trường - Xóa trường - Thay đổi khóa chính - Xóa và đổi tên bảng Sau đó áp dụng trong bài toán: Tạo bảng hocsinh (sbd, hoten,ntns,gt,diachi,doanvien) 1. Tạo bảng trên 2. Thêm vào trường lop 3. xóa trường doanvien 4. Đổi tên bảng thành bảng	- HS: Tham khảo SGK và suy nghĩ thực hiện

Edit→Primary Key. **c) Xoá và đổi tên bảng** **** Xoá bảng*** **1.** Chọn tên bảng trong trang bảng; **2.** Nháy nút lệnh (**Delete**) hoặc chọn lệnh **Edit→Delete**. **** Đổi tên bảng*** 1. Chọn bảng; 2. Chọn lệnh **Edit→Rename**; Khi tên bảng có viền khung là đường nét liền (ví dụ DONG_NAM_A), gõ tên mới cho bảng, rồi nhấn **Enter**.	BANG HOC SING 5. Xóa bảng vừa thực hiện GV: Nhận xét và tổng kết lại	
Hoạt động 3,4: Luyện tập, vận dụng Phương pháp: Vấn đáp		
Tạo CSDL quản lí nhân viên gồm 1 bảng danh sách nhân viên với các trường sau: MANV, HOTEN, GT, NTNS,COGĐ, NGAYCONG, PHUCAP	- GV đưa yêu cầu cho hs thực hiện trên máy chiêu	- HS tự thảo luận rồi thực hiện
Hoạt đông 5: Tìm tòi mở rộng Phương pháp: Nội dung: Thực hiện các thao tác đã học trong tiết này, vân dụng để thực hiện trên 2017		

3. Củng cố

Tổng kết lại kiến thức:

- Khái niệm: trường, bản ghi, kiểu dữ liệu
- Khóa chính và cách xác định khóa chính
- Cách tạo 1 bảng và cách thay đổi cấu trúc bảng

IV.Những bổ sung và rút kinh nghiệm

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

Ngày soạn: *Lớp dạy:*

Bài soạn tiết: *Ngày dạy:*

BÀI TẬP VÀ THỰC HÀNH 2
TẠO CẤU TRÚC BẢNG

I. MỤC TIÊU

1.Về kiến thức:

Củng cố lại các kiên thức đã học.

Biết các quy tắc đặt tên đúng trong Access.

2.Về kỹ năng:

- Thực hiện được các thao tác cơ bản: khởi động và kết thúc Access, tạo CSDL mới;
- Có kỹ năng cơ bản về tạo cấu trúc bảng theo mẫu, chỉ định khóa chính;
- Biết sửa cấu trúc bảng.

3.Về thái độ:

Có thái độ nghiêm túc trong giờ học.

II. CHUẨN BỊ

- Giáo viên: SGK, bài soạn, máy chiếu
- Học sinh: SGK, vở ghi, máy tính

III. TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC:

1. Ổn định tổ chức***:*** Kiểm diện hs, kiểm tra máy thực hành, giao máy cho hs.
2. Kiểm tra bài cũ: (lồng trong giờ thực hành)
3. Các hoạt động

Hoạt động 1: Xuất phát

Nội dung	**Hoạt động của thầy**	**HĐ của trò**
1. Khởi động	- Cho học sinh nhận máy và khởi động máy, khởi động acess - Thực hiện thao tác tạo mới csdl lấy tên là Quanli_HS - Phổ biến nội dung thực hành của tiết	- Thực hiện theo yêu cầu của giáo viên
Hoạt động 2: Hình thành kiến thức, luyện tập Phương pháp: Vấn đáp, hs tự thực hành dưới sự hướng dẫn của giáo viên		
2. Bài tập **Bài 1.** Khởi động Access, tạo CSDL với tên QuanLi_HS. Trong CSDL này tạo bảng HOC_SINH có cấu trúc được mô tả như sau: HOC_SINH	**GV:** Đưa bảng HOC_SINH và yêu cầu hs xác định: - Kiểu dữ liệu từng trường - Khóa chính GV: Yêu cầu hs đứng tại chỗ nhắc lại cách: - Khởi động access	- HS suy nghĩ trả lời rồi thực hiện theo hướng dẫn của giáo viên

Tên trường	Kiểu dữ liệu
MaSo	AutoNumber
HoDem	ext
Ten	T xt
GT	Text
Doanvien	Yes/No
NgSinh	te/ T me
DiaChi	Text
To	Number
Toan	Number
Van	Number

Bài 2. Chỉ định khoá chính:

Chỉ định trường MaSo là khoá chính.

Bài 3.

- Chuyển trường DoanVien xuống dưới trường NgSinh và trên trường DiaChi.
- Thêm các trường sau:

Tên trường	Mô tả
Li	Điể rung bình m n Lí
Hoa	Điểm trung bình môn Hóa
Tin	Điểm trung bình môn Tin

- di chuyển các trường điểm để có thứ tự là: Toán, lí, hóa, văn, tin
- Lưu lại bảng và thoát khỏi Access.

Chú ý

- Đặt tên trong Access:

- Không đặt tên bảng hay mẫu hỏi cùng tên.
- Tên trường không quá 64 kí tự.
- Những kí tự không dùng trong tên đối trượng: .; !; `; [].

- Tạo CSDL mới

GV: Yêu cầu hs nhắc lại cách tạo bảng, GV hướng dẫn hs dựa vào phần lí thuyết hs nhắc lại để hướng dẫn hs thực hiện tạo bảng trên

GV: Yêu cầu hs bắt đầu thực hành trên máy của mình

GV: Quan sát hs thực hành và nhắc nhở những điểm hs còn mắc

GV: Chú ý hs: đối với những những điểm trung bình môn , để nhập được và hiển thị số thập phân có 1 chữ số sau dấu phẩy ta cần đạt một số tính chất của trường này như sau:

Field size: decimal (kiểu thập phân)

Scale:1

Decimal places (số chữ sau dấu phẩy): 1

Input mask (kiểu định dạng):9.9

GV: Nhắc lại lý thuyết và làm mẫu thao tác sau đó yêu cầu hs thực hành lại các nội dung

HS: Cùng quan sát

HS: Thực hành

HS: Chú ý quan sát và thực hành theo hướng dẫn

HS: Chú ý quan sát gv làm mẫu rồi thực hành các nội dung

- Tránh dùng tên trùng với tên các hàm có sẵn trong Access hoặc tên các tính chất của trường. • Trong chế độ thiết kế để tạo/sửa đổi cấu trúc bảng: - Nhấn phím **Tab** hoặc **Enter** để chuyển qua lại giữa các ô; - Nhấn phím **F6** để chuyển qua lại giữa hai phần của cửa sổ cấu trúc bảng; - Để chọn một trường, ta nháy chuột vào ô bên trái tên trường (con trỏ chuột có hình mũi tên ➡), khi được chọn, toàn bộ dòng định nghĩa trường được bôi đen. Chú ý: Khi đã chỉ định khoá chính cho bảng, thì Access sẽ không cho phép nhập giá trị trùng hoặc để trống giá trị trong trường khoá chính.		
Hoạt động 4,5: Vận dụng, tìm tòi và mở rộng Phương pháp: HS tự nghiên cứu Nội dung:		

4.Củng cố

- Nhắc lại những lỗi hs còn mắc trong từng tiết thực hành
- Kiểm diện lại hs và máy. Yêu cầu hs tắt máy, điện và về lớp

IV. NHỮNG BỔ SUNG VÀ RÚT KINH NGHIỆM:

.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....

.....
.....
.....

Ngày soạn: *Lớp dạy:*
Bài soạn tiết: *Ngày dạy:*

BÀI 5: CÁC THAO TÁC CƠ BẢN TRÊN BẢNG

I. MỤC TIÊU

1. Kiến thức

- Biết được chế độ làm việc khi thao thực hiện các thao tác cơ bản.
- Biết và vận dụng được các thao tác cập nhật, sắp xếp, lọc, tìm kiếm dữ liệu vào trong quá trình thao thực hành

2. Kỹ năng

- Thao tác tạo và làm việc với bảng nhanh hơn
- Kỹ năng lọc dữ liệu khoa học

3. Thái độ

- Nghiêm túc trong giờ học

II. CHUẨN BI

- Giáo viên: SGK, bài soạn
- Học sinh: SGK, vở ghi.

III. TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY VÀ HỌC

1. Ổn định lớp và kiểm tra sĩ số.
2. Kiểm tra bài cũ: (5 phút) học sinh lên máy GV thực hiện các thao tác tạo bảng theo yêu cầu GV
3. Các hoạt động

Nội dung	**Hoạt động của thầy**	**HĐ của HS**
Hoạt động 1: Xuất phát Phương pháp: Khi nhập dữ liệu trong bảng, ta còn có nhu cầu lọc dữ liệu hay tìm kiếm dữ liệu thỏa mãn yêu cầu, access cho phép thực hiện các thao tác đó một cách nhanh và khoa học . Tiết này ta sẽ học các thao tác đó Hoạt động 2: Hình thành kiến thức, luyện tập Phương pháp: Vấn đáp,thảo luận nhóm		
1. Cập nhập dữ liệu a) Thêm bản ghi mới (Record) - Chọn Insert→New Record hoặc nháy nút (New Record) trên thanh công cụ rồi gõ dữ liệu tương ứng vào mỗi trường. b) Chỉnh sửa. Để chỉnh sửa giá trị một trường của một	GV: Đưa ra bài tập trên máy chiếu Yêu cầu: 1. Thêm bản ghi (6, lê an, nữ, 1/1/91,thanh hà,3, 9,8,7)	HS hoạt động theo nhóm Nhóm 1: thực hiện yêu cầu 1,2,3 và nêu các bước khi thực hiện

bản ghi chỉ cần nháy chuột vào ô chứa dữ liệu tương ứng và thực hiện các thay đổi cần thiết. c) Xóa bản ghi. **1.** Chọn bản ghi cần xoá. **2.** Nháy nút (Delete Record) hoặc nhấn phím Delete. **3.** Trong hộp thoại khẳng định xoá (h. 26), chọn Yes. 2. Sắp xếp và lọc a) Sắp xếp **1.** Chọn trường cần sắp xếp trong chế độ hiển thị trang dữ liệu; **2.** Dùng các nút lệnh (tăng dần) hay (giảm dần) để sắp xếp các bản ghi của bảng dựa trên giá trị của trường được chọn; **3.** Lưu lại kết quả sắp xếp b) Lọc Access cho phép lọc ra những bản ghi thoả mãn điều kiện nào đó bằng cách sử dụng các nút lệnh sau đây trên thanh công cụ Table Datasheet (h. 25): + *Lọc theo ô dữ liệu đang chọn*: Chọn ô rồi nháy nút , Access sẽ lọc ra tất cả các bản ghi có giá trị của trường tương ứng bằng với giá trị trong ô được chọn. + *Lọc theo mẫu*: Nháy nút , rồi nhập điều kiện lọc vào từng trường tương ứng theo mẫu, sau đó nháy nút để lọc ra tất cả các bản ghi thoả mãn điều kiện 3. Tìm kiếm đơn giản. Thực hiện theo một trong các cách sau: *Cách 1:* Chọn Edit→Find... *Cách 2:* Nháy nút (Find).	2. Sửa ngày sinh của hs vừa them vào là 11/1/91 3. Xóa bản ghi thứ 5 trong bảng trên 4. Hãy sắp xếp trường điểm toán theo chiều tăng dần, điểm văn theo chiều giảm dần 5, Hãy lọc ra các học sinh là nữ 6. Hãy lọc ra những học sinh ở liêm túc mà là nam 7.tìm những học sinh ở tổ 5 và thay thế bằng tổ 3. 8. In toàn bộ kết quả bảng thu được sau 7 yêu cầu trên GV: Chia lớp làm 4 nhóm đọc sách giáo khoa và suy nghĩ để làm từng yêu cầu trên GV: Nhận xét và tổng hợp lại các kiến thức và ghi lên bảng	Nhóm 2: Thực hiện yêu cầu 3 Nhóm 3: Thực hiện yêu cầu 5,6 Nhóm 4: thực hiện yêu cầu 7,8 HS: Suy nghĩ và đọc sách gk để làm, sau đó mời đại diện các nhóm lên trình bầy

Cách 3: Nhấn tổ hợp phím Ctrl+F. Khi đó hộp thoại *Find and Replace* (h. 32) mở ra. Có thể cung cấp thêm thông tin cho việc tìm kiếm: - Ô Find What gõ cụm từ cần tìm. - Ô Look In o Chọn tên bảng (nếu muốn tìm cụm từ đó ở tất cả các trường); o Hoặc chọn tên trường hiện tại chứa con trỏ. - Ô Match, chọn cách thức tìm kiếm: o Any Part of Field (tìm tất cả các cụm từ chứa cụm từ cần tìm); o Whole Field (cụm từ cần tìm là nội dung một ô); o Start of Field (cụm từ cần tìm phải nằm ở đầu các cụm từ kết quả). Nháy nút Find Next để đến vị trí tiếp theo thoả mãn điều kiện tìm kiếm. 4. In dữ liệu a. Xem trước khi in - Chọn lệnh File→Print Preview để xem trước các dữ liệu định in trên trang. b) Thiết đặt trang và in - Xác định kích thước trang giấy và đặt lề bằng lệnh File→Page Setup... - Chọn File→Print... để chọn máy in, số bản in và các tham số in khác.		
Hoạt động 4,5: Vận dụng, tìm tòi và mở rộng Phương pháp: HS nghiên cứu Nội dung : Hs nghiên cứu tất cả thao tác với bảng được học trong tiết này thực hiện trên access 2017		

4. Cũng cố.

Giáo viên tổng hợp lại toàn bộ kiến thức của bài:

- Các thao tác: thêm bản ghi, sửa bản ghi, xóa bản ghi.
- Sắp xếp bản ghi
- Lọc bản ghi
- Tìm kiếm thay thế bản ghi
- In bản ghi

IV. NHỮNG BỔ SUNG VÀ RÚT KINH NGHIỆM

.....
.....
.....
.....
.....

Ngày soạn: *Lớp dạy:*
Bài soạn tiết: *Ngày dạy:*

BÀI TẬP VÀ THỰC HÀNH 3
THAO TÁC TRÊN BẢNG

I. MỤC TIÊU

a. Về kiến thức:

- Thực hiện được các thao tác trên bảng, làm việc với bảng trong cả hai chế độ;

b. Về kĩ năng

- Luyện kĩ năng thao tác trên bảng;
- Sử dụng các công cụ lọc, sắp xếp để kết xuất thông tin từ bảng.

c. Về thái độ

- GV động viên HS tìm thêm các tài liệu tham khảo để hiểu biết thêm và tự nâng cao kĩ năng sử dụng Access..

II. CHUẨN BỊ

- Giáo viên: SGK, bài soạn
- Học sinh: SGK, vở ghi.

III . TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY VÀ HỌC

1.Ổn định lớp:

- Kiểm diện hs .
- Kiểm diện số máy tính trong phòng thực hành, giao cho hs

2. Kiểm tra bài cũ:

Câu 1. Trong bảng HOC_SINH (h. 25), hãy chỉ ra các thao tác sắp xếp các bản ghi tăng dần theo trường MaSo.

Câu 2. Trong bảng HOC_SINH (h. 25), hãy chỉ ra các thao tác để lọc các học sinh nữ, sinh sau ngày 1/9/1991.

3. Các hoạt động

Hoạt động 1,2,3: Xuất phát, hình thành kiến thức, luyện tập Phương pháp: Vấn đáp		
Nội dung	Hoạt đông của GV	HĐ của HS
1. Khởi động máy và chương trình 2. Làm bài tập Bài tập 1. Sử dụng bảng HOC_SINH đã được tạo cấu	- Cho học sinh khởi động máy và khởi động access GV: Yêu cầu HS mở	- Nhận mays, khởi động máy và khởi động access. - HS: Thực hiện

trúc trong bài thực hành 2. HOC_SINH : Table MaSo | HoDem | Ten | GT | NgSinh | DoanVien | DiaChi | To | Toan | Li | Hoa | Van | Tin 1 Nguyễn An Nam 08/12/91 ☑ Nghĩa Tân 1 7.2 8.5 10 7.0 8.4 2 Trần Văn Giang Nam 21/03/90 ☐ Dịch Vọng 2 10 9.6 9.6 8.7 8.0 3 Lê Minh Thu Nu 05/03/91 ☑ Mai Dịch 2 8.3 9.0 8.3 8.2 9.3 4 Doãn Mai Chi Nu 14/02/90 ☐ Liễu Giai 1 7.4 8.7 9.4 9.3 8.0 5 Hồ Minh Ba Nam 30/07/91 ☑ Cầu Giấy 3 8.0 8.0 6.3 9.0 9.0 7 Nguyễn Xuân Minh Nam 12/06/91 ☑ Lê Hồng Phong 4 8.0 7.0 9.5 7.0 9.5 8 Trần Thanh Mai Nu 12/06/91 ☑ Giảng Võ 1 9.0 8.0 8.9 7.3 5.0 9 Nguyễn Minh Nam Nam 14/02/90 ☑ Hào Nam 2 7.0 6.1 6.4 8.2 9.4 10 Hoàng Xuân Thanh Nu 27/12/91 ☑ Giảng Võ 0 8.3 8.9 9.0 7.8 6.3 umber) ☐ 0 0.0 0.0 0.0 0.0 0.0 Sử dụng các cách di chuyển trong bảng (được cho cuối bài thực hành) để: - Chỉnh sửa các lỗi trong các trường (nếu có); - Xoá hoặc thêm bản ghi mới.	bảng HOC_SINH đã được tạo cấu trúc trong bài thực hành 2. GV: Thực hiện mẫu thao tác trên máy chiếu. GV. Quan sát, giải đáp khi có thắc mắc của học sinh.	thao tác mở bảng HOC_SINH. HS: Quan sát GV thực hiện các thao tác và thực hành trên máy của mình.
Bài 2. Sử dụng bảng HOC_SINH đã tạo trong bài thực hành 2. Hãy thực hiện các nội dung sau: • Hiển thị các học sinh nam trong lớp. • Lọc ra danh sách các bạn chưa là đoàn viên. Tìm các học sinh có điểm ba môn Toán, Lí, Hóa đều trên 8.	GV: Yêu cầu HS tự thảo luận và làm bài thực hành Để hiển thị danh sách các học sinh nam trong lớp: **1.** Nháy nút ; **2.** Trong hộp thoại *Filter by Form*, nhập điều kiện lọc: nhập "Nam" trong cột GT (h. 30); **3.** Nháy nút để thực hiện lọc (h. 31). Hình 1. Kết quả lọc theo mẫu GV: Quan sát học sinh thực hiện và hướng dẫn khi cần thiết. GV: Yêu cầu HS làm các ý tiếp theo:	HS: Tự nghiên cứu và thảo luận để làm bài tập. HS: Thực hiện trên máy của mình.

. Bài 3 a. Sắp xếp tên học sinh trong bảng HOC_SINH theo thứ tự bảng chữ cái. - Chọn trường Ten; - Nháy nút . Các bản ghi sẽ được sắp xếp tên tăng dần theo bảng chữ cái. b. Sắp xếp điểm Toán theo thứ tự giảm dần để biết bạn nào có điểm Toán cao nhất. - Chọn trường Toan; - Nháy nút . Các bản ghi sẽ được sắp xếp theo điểm giảm dần. c. Tương tự như vậy sắp xếp điểm Văn theo thứ tự tăng dần.	GV: Yêu cầu HS mở bảng HOC_SINH đã được tạo cấu trúc trong bài thực hành 2. HS: Thực hiện thao tác mở bảng HOC_SINH. GV: Thực hiện mẫu thao tác trên máy chiếu. GV: Yêu cầu hs thực hành tương tự cá ý còn lại của câu	HS: Quan sát GV thực hiện các thao tác và thực hành trên máy của mình.
Bài 4: Tìm trong bảng những học sinh có điểm trung bình một môn nào đó là 10. *Chú ý* - Có thể chọn rồi xoá nhiều bản ghi cùng lúc. - Trong chế độ trang dữ liệu, Access *tự động lưu* những thay đổi trên bản ghi và người dùng không cần phải dùng lệnh Save. Trong khi làm việc, một biểu tượng hình bút chì ( ) chỉ ra rằng ta đang thực hiện thay đổi tại bản ghi nào đó và những thay đổi hiện chưa được lưu. Khi chuyển sang một bản ghi khác, biểu tượng này chuyển thành hình tam giác ( ) cho biết những thay đổi trên bản ghi đã được lưu.	GV: Yêu cầu hs nhắc lại thao tac tìm kiêm rồi yêu cầu hs thực hành tiếp bài 4 - GV quan sát hs thực hành và nhắc nhở	HS: Nhớ lại lý thuyết và tự thực hành

Di chuyển trong bảng - Có thể dùng chuột để chuyển tới một bản ghi hoặc một trường bất kì. - Các nút lệnh trên thanh di chuyển (h. 34) ở góc dưới bên trái cửa sổ cho phép di chuyển qua lại giữa các bản ghi. 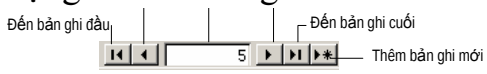 *Hình 2. Thanh di chuyển* *Một số cách di chuyển khác* - Nhấn phím Tab hoặc Shift+Tab để chuyển tới hoặc lùi lại giữa các trường trong bảng. (SGK)	- Nhắc lại những thao tác mà hs còn mắc trong giờ thực hành.	
Hoạt đông 4,5 : Vận dụng, tìm tòi và mở rộng Phương pháp : HS tự nghiên cứu Nội dung : Nghiên cứu và tự thực hành các thao tác trong bài đọc thêm trang SGK		

4. Củng cố

- Cho hs kiểm tra lại csvc phòng máy rồi tắt máy, điện , rồi về lớp

IV.NHỮNG BỔ SUNG VÀ RÚT KINH NGHIỆM.

.....

Ngày soạn: Lớp dạy:
Tiết số : Ngày dạy:

Kiểm tra thực hành

Cho CSDl QUẢN LÍ NHÂN VIÊN có bảng NHÂN VIÊN sau:

MaNV	HoNV	TenNV	GioiTinh	NgaySinh	DiaChi	DienThoai
1	Lê văn	Tám	Nam	12/10/1965	45 Trần Phú	0986452345
2	Trần thị	Lan	Nữ	20/10/1970	15 Nguyễn Trãi Q5	
3	Tạ thành	Tâm	Nam	10/12/1965	20 Võ thị Sáu	0985656666
4	Ngô Thanh	Sơn	Nam	20/12/1950	122 Trần Phú	
5	Lê thị	Thủy	Nữ	10/10/1970	25 Ngô Quyền	0917654123
6	Hà thanh	bình	nam	13/4/1987	20 Võ thị Sáu	0976443956
7	Ngô Trung	Hiếu	nam	1/9/1984	20 Võ thị Sáu	0984952748

Yêu cầu:
1. Hãy tạo bảng trên và xác định khóa chính
2. Hãy lọc ra những nhân viên nam có địa chỉ tại 20 Võ thị Sáu
3. Hãy tìm những người có giới tính nam sau đó thay tất cả nam bằng giá trị nữ

Biểu điểm

Câu	Yêu cầu	Điểm
1	- Xác định đúng khóa chính	1
	- Tạo bảng và nhập đúng dữ liệu như trên	4
2	B1: Nháy chuột vào biểu tượng B2: ghi đk lọc: gioitinh : "nam" Diachi: "20 Võ thị Sáu" B3: nháy chuột vào bt:	2
3	B1: nhấn ctrl+f Find what: nam Replate: nữ Lookin: NHÂN VIÊN Match: whole field Seach: all B2: nhấn replate all B3: nhấn ok	3

Ma trận đề kiểm tra

Chủ đề	Nhận biết Thông hiểu	Vận dụng thấp	Vận dụng cao	Tổng
Dựa vào dữ liệu để xác định kiểu dữ liệu và khóa chính Điểm	1 2			2
Tạo được bảng và nhập dữ liệu Điểm		1 3		3
Lọc dữ liệu Điểm		2 2		2
Lọc và thay thế Điểm			3 3	3
Tổng	2	5	3	10

Ngày soạn: Lớp dạy:
Tiết số: Ngày dạy:

ÔN TẬP

I. Mục tiêu
1. Kiến thức:
Tổng hợp lại các nội dung chính trong chương I và chương II
2. Kỹ năng:
- HS lấy ví dụ về các csdl trong thực tế một cách thông thạo
- Hs tạo bảng và thực hiện các thao tác trên bảng một cách thông thạo
3. Thái độ
- Thái độ nghiêm túc khi học bộ môn có thực hành
II. Chuẩn bị
- GV: SGK, SBT, bài soạn
- HS: SGK
III. Tổ chức các hoạt động dạy và học
1. Kiểm tra bài cũ
Câu hỏi: Hãy nhắc lại các thao tác chính trên bảng
2. Các hoạt động

Nội dung	Hoạt động của thầy	Hoạt động của trò
Hoạt động 1,2,3: Xuất phát, hình thành kiến thức, luyện tập Phương pháp: Vấn đáp		
1. Kiến thức chương 1. - CSDL, hệ quản trị CSDL Câu 1: CSDL là gì? Lấy ví dụ về 1 CSDL trong thực tế Câu 2: Hệ QTCSDL là gì? Nêu các vai trò của hệ QTCSDL? Câu 3: Con người khi làm việc với hệ CSDL thì có những vai trò nào? **2. Chương 2:** Cho CSDL quản lí thư viện gồm 3 bảng như sau: Bảng 1: NGƯỜI MƯỢN gồm các trường: MATHE, HOTEN, GT, LOP, DIACHI Bảng 2: SÁCH gồm các trường: MASACH, TENSACH, NAMXB, NXB,GIASACH Bảng 3: PHIẾU MƯỢN	- GV: Nhắc lại 1 số nội dung của chướng 1 và 2 rồi đưa ra câu hỏi để hs trả lời - GV: Yêu cầu hs nhắc lại các bước tạo bảng, hãy xác định các kiểu dữ liệu trong từng bảng - Yêu cầu hs làm các câu hỏi ôn tập - Cuối cùng gv nhận xét kết quả làm bài của hs	- HS: chú ý lắng nghe - Hs: trả lời - Hs tự suy nghĩ rồi lên làm bài tập

MATHE,MASACH,SOLUONG,NGAYMUON, NGAYTRA Yêu cầu: a. Hãy xác định khóa chính và xác định các kiểu dữ liệu tương ứng trong các bảng b. Hãy chỉ ra thao tác sắp xếp bảng NGƯỜI MƯỢN theo trường MATHE tăng dần, và sx bảng SÁCH theo bảng MASACH giảm dần c. Hãy lọc ra những sách mượn sau ngày 1/5/2010 và trả trước ngày 1/6/2010 d. Hãy thực hiện tìm kiếm những cuốn sách của nhà xuất bản giáo dục và thay thế những bản ghi tìm được có nhà xb giáo dục thay bằng nxb Quốc gia hà nội	a. Bảng 1: NGƯỜI MƯỢN: MATHE Bảng 2: SÁCH: MASACH Bảng 3: PHIẾU MƯỢN: MATHE,MASACH,SOLUONG,NGAYMUON b. - Nháy chuột vào trường MATHE rồi nháy vào nút lệnh $^{a}_{z}$ - Nháy chuột vào trường MASACH rồi chọn nút lệnh $^{z}_{a}$ c. b1: nháy chuột vào biểu tượng lọc theo mẫu điều kiện b2: ghi đk (>1/5/2010) and (<1/6/2010) tại trường NGAYMUON B3: nháy vào biểu tượng lọc d. Yêu cầu hs nhắc lại thao tác tìm kiếm và thay thế rồi hướng dẫn hs thực hiện	Hs ghi nhớ đáp án của gv
Hoạt động 4,5: Vận dụng , tìm tòi và mở rộng Phương pháp: HS tự nghiên cứu Nội dung: Tự thực hành lại nội dung ôn tập phần bài tập trên access.		

3. Củng cố

IV. Những bổ sung và rút kinh nghiệm

.....

.....

.....

.....

Ngày soạn | Lớp dạy:
Tiết số: 17 | Ngày kt

KIỂM TRA HỌC KỲ 1

Câu 1: Cho csdl quản lí điểm thi nghề của thpt chứa bảng sau:
Bảng 1: danh sách học sinh (sbd, hoten, gioitinh, diachi,lop, diemut, lithuyet, thuchanh)

a. Hãy xác định khóa chính, kiểu dữ liệu của các trường trong bảng
b. Hãy nêu các bước sắp xếp trường điểm thuchanh theo chiều tăng dần
c. Nêu các bước lọc ra những học sinh có điểm lt và th đều trên 8
d. Nêu các bước lọc ra những hs nư
e. Nêu các bước lọc ra những học sinh họ trần ở lớp 12a2

ĐÁP ÁN VÀ BIỂU ĐIỂM

<table>
<tr><th>Câu</th><th>Đáp án</th><th>Điểm</th></tr>
<tr><td>2a</td><td>Khóa chính: SBD</td><td>2</td></tr>
<tr><td>2b</td><td>Chọn trường thuchanh rồi nháy vào Nút lệnh </td><td>1</td></tr>
<tr><td>2c</td><td>B1: Nháy chuột vào nút lệnh lọc theo mẫu điều kiện
B2: Ghi đk:
<table><tr><td>Lithuyet</td><td>Thuchanh</td></tr><tr><td>>8</td><td>>8</td></tr></table>B3: nháy vào nút lọc</td><td>1.5</td></tr>
<tr><td>2d</td><td>Chọn giá trị nữ tại trường giới tính rồi nháy chọn vào nút lọc theo đk đã chọn</td><td>1.5</td></tr>
<tr><td>2e</td><td>B1: Nháy chuột vào nút lệnh lọc theo mẫu điều kiện
B2: Ghi đk:
<table><tr><td>Hoten</td><td>Lop</td></tr><tr><td>Trần *</td><td>12a2</td></tr></table>B3: nháy vào nút lọc</td><td>1</td></tr>
</table>

Ma trận đề kiểm tra

Chủ đề	Nhận biết Thơng hiểu	Vận dụng thấp	Vận dụng cao	Tổng
CSDL, bảng, kiểu dữ liệu, khĩa chính Điểm	2a 2			 2
Sắp xếp dữ liệu Điểm		2b 1		 1
Lọc theo điều kiện chọn Điểm		2c 2		 2
Lọc theo mẫu điều kiện Điểm		2d 2	2e 3	 5
Tổng	2	5	3	10

Tổ trưởng kí duyệt:

Lại Thị Tuyết Lan

Ngày soạn: 16/12/2017 Lớp dạy: 12A1,A2,A7,A9
Ngày dạy: 18/12/2017

ÔN TẬP

I. Mục tiêu
1. Kiến thức:
Tổng hợp lại các nội dung chính của kỳ 1
2. Kỹ năng:
- HS lấy ví dụ về các csdl trong thực tế một cách thông thạo
- Hs tạo bảng và thực hiện các thao tác trên bảng một cách thông thạo
3. Thái độ
- Thái độ nghiêm túc khi học bộ môn có thực hành
II. Chuẩn bị
- GV: SGK, SBT, bài soạn
- HS: SGK
III. Tổ chức các hoạt động dạy và học
1. Các hoạt động

Nội dung	Hoạt động của thầy	Hoạt động của trò
Hoạt động 1,2,3: Xuất phát, hình thành kiến thức, luyện tập Phương pháp: Vấn đáp		
<u>Bài tập luyện tập</u> Cho CSDL quản lí thư viện gồm 3 bảng như sau: Bảng 1: NGƯỜI MƯỢN gồm các trường: MATHE, HOTEN, GT, LOP, DIACHI Bảng 2: SÁCH gồm các trường: MASACH, TENSACH, NAMXB, NXB,GIASACH Bảng 3: PHIẾU MƯỢN MATHE,MASACH,SOLUONG,NGAYMUON, NGAYTRA Yêu cầu: a. Hãy xác định khóa chính và xác định các kiểu dữ liệu tương ứng trong các bảng	- GV: Nhắc lại 1 số nội dung của chướng 1 và 2 rồi đưa ra câu hỏi để hs trả - GV: Yêu cầu hs nhắc lại các bước tạo bảng, hãy xác định các kiểu dữ liệu trong từng bảng - Yêu cầu hs làm các câu hỏi ôn tập - Cuối cùng gv nhận xét kết quả làm bài của hs a. Bảng 1: NGƯỜI MƯỢN: MATHE Bảng 2: SÁCH: MASACH Bảng 3: PHIẾU MƯỢN: MATHE,MASACH,SOLUONG,NGAYMUON	- HS: chú ý lắng nghe - Hs: trả lời - Hs tự suy nghĩ rồi lên làm bài tập

b. Hãy chỉ ra thao tác sắp xếp bảng NGƯỜI MƯỢN theo trường MATHE tăng dần, và sx bảng SÁCH theo bảng MASACH giảm dần c. Hãy lọc ra những sách mượn sau ngày 1/5/2010 và trả trước ngày 1/6/2010 d. Hãy thực hiện tìm kiếm những cuốn sách của nhà xuất bản giáo dục và thay thế những bản ghi tìm được có nhà xb giáo dục thay bằng nxb Quốc gia hà nội	b. - Nháy chuột vào trường MATHE rồi nháy vào nút lệnh $^{a|}_{z}$ - Nháy chuột vào trường MASACH rồi chọn nút lệnh $^{z|}_{a}$ c. b1: nháy chuột vào biểu tượng lọc theo mẫu điều kiện b2: ghi đk (>1/5/2010) and (<1/6/2010) tại trường NGAYMUON B3: nháy vào biểu tượng lọc d. Yêu cầu hs nhắc lại thao tác tìm kiếm và thay thế rồi hướng dẫn hs thực hiện	Hs ghi nhớ đáp án của gv

Hoạt động 4,5: Vận dụng , tìm tòi và mở rộng
Phương pháp: HS tự nghiên cứu
Bài 2: Cho CSDL gồm bảng sau. Hãy nhìn vào csdl và thực hiện yêu cầu sau:

DANH MUC NHAN VIEN : Table

MANV	HOTEN	PHAI	NGAYSINH	HSLUONG	TRINHDO
A01	Nguyễn Triết	☑	3/7/1971	4.5	tiến sĩ
A02	Lê Thu Dung	☐	2/5/1970	2	Thạc sĩ
A03	Lê Anh	☐	10/2/1960	2	Phổ thông TH
B02	Trần văn Tân	☑	8/9/1950	1	Thạc sĩ

a. Hãy tạo và nhập dữ liệu bảng trên
b. Sắp xếp NGAYSINH tăng dần
c. Lọc ra những nhân viên là thạc sĩ hoặc tiến sĩ

3. Củng cố
IV. Những bổ sung và rút kinh nghiệm
.....
.....
.....
.....

Ngày soạn: Lớp dạy:
Tiết số: Ngày dạy:

§6: **BIỂU MẪU**

I. Mục tiêu:

1. Kiến thức:
   - Hiểu khái niệm biểu mẫu, công dụng của biểu mẫu.
   - Biết cách tạo biểu mẫu đơn giản và dùng chế độ thiết kế để chỉnh sửa thiết kế biểu mẫu.
   - Biết các chế độ làm việc với biểu mẫu: chế độ trang dữ liệu, chế độ thiết kế, chế độ biểu mẫu;
   - Biết sử dụng biểu mẫu để cập nhật dữ liệu.
2. Kĩ năng:
   - Rèn luyện kỹ năng sử dụng biểu mẫu để cập nhật dữ liệu.
3. Thái độ:
   - Có thái độ nghiêm túc trong tiết học bộ môn.

II. Chuẩn bị:

1. Giáo viên: Sách GK tin 12 - bài tập, Sách GV tin 12, đĩa chứa các chương trình minh họa (quản lý học sinh:gv biên soạn), máy tính, máy chiếu (nếu có).

2. Học sinh: Sách GK tin 12, vở ghi.

III. Tổ chức hoạt động

1. Ổn định tổ chức:

2. Kiểm tra:

- Kết hợp trong giờ học.

3. Bài mới:

Hoạt động 1: Tình huống xuất phát

- Nội dung: Tìm hiểu khái niệm biểu mẫu
- Phương pháp: Vấn đáp, tổ chức cho học sinh thảo luận nhóm (theo bàn).

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS	Nội dung
- Cho học sinh quan sát một số biểu mẫu, kết hợp nghiên cứu thông tin SGK - Biểu mẫu là gì? Biểu mẫu được dùng để làm gì?	- Theo dõi một số biểu mẫu trong SGK hoặc trên màn chiếu - Suy nghĩ và trả lời	**1. Khái niệm:** Biểu mẫu là một loại đối tượng trong CSDL Access được thiết kế để: - Hiển thị dữ liệu bảng dưới dạng thuận tiện để xem, nhập và sửa dữ liệu. -Thực hiện các thao tác thông qua các nút lệnh (do người thiết kế tạo ra).

Hoạt động 2: Hình thành kiến thức mới

- Nội dung: Tìm hiểu cách tạo biểu mẫu, các chế độ làm việc với biểu mẫu
- Phương pháp: Vấn đáp, tổ chức cho HS thảo luận nhóm

Tìm hiểu cách tạo biểu mẫu		
Hoạt động của GV	**Hoạt động của HS**	**Nội dung**
- GV: Có những cách nào để tạo biểu mẫu? - Cách tạo biểu mẫu nào nhanh và dễ tạo hơn? - GV nêu ra cách thường dùng để tạo biểu mẫu - HS nghiên cứu phần 2.1, 2.2 cho biết đó là cách tạo biểu mẫu nào? - GV: Yêu cầu các nhóm theo dõi các bước trong SGK, thảo luận và gọi 1 nhóm bất kỳ lên tạo biểu mẫu theo yêu cầu, các nhóm khác theo dõi và nhận xét thao tác - GV: Nhận xét, chính xác hóa thao tác - GV: Chỉnh sửa biểu mẫu trong chế độ thiết kế để làm gì? - Hướng dẫn HS có thể xem phụ lục P 23, P24.	- Có 2 cách: dùng thuật sĩ hoặc tự thiết kế - So sánh 2 cách tạo biểu mẫu và trả lời - HS nghe giảng - Sử dụng thuật sĩ - HS thảo luận và lên thực hiện thao tác theo yêu cầu - Theo dõi và ghi chép - Chuyển sang chế độ thiết kế để làm thay đổi hình thức biểu mẫu. Có thể thực hiện: Thay đổi nội dung các tiêu đề. Sử dụng phông chữ việt. Thay đổi kích thước trường. Di chuyển các trường.	**2. Tạo biểu mẫu mới:** - Nháy đúp vào ***Create Form in Design View*** nếu tự thiết kế biểu mẫu. - Nháy đúp ***Create Form by Using wizard*** nếu dùng thuật sĩ biểu mẫu. Tạo biểu mẫu dùng thuật sĩ: 1. Nháy đúp ***Create Form by Using wizard*** 2. Trong hộp thoại ***Form wizard*** • Chọn bảng từ ô ***Tables\ Queries***. • Chọn các trường đưa vào biểu mẫu từ ô ***Available Fields***). • Nháy ***Next.*** 3. Trong màn hình tiếp theo chọn Cách bố trí biểu mẫu và kiểu biểu 4. Gõ tên biểu mẫu. Có thể chọn ***Open the form to*** ***Or enter in formation*** để xem nhập dữ liệu hoặc chọn ***Modify the form's design*** để sửa đổi thiết kế biểu mẫu. Cuối cùng nháy nút ***Finish*** để kết thúc
Tìm hiểu các chế độ làm việc với biểu mẫu.		
Hỏi: Có những chế độ nào để làm việc với	- Có 2 chế độ: thiết kế và biểu mẫu.	- *Chế độ biểu mẫu*: Biểu mẫu trong chế độ này có

biểu mẫu? *Hỏi:* Để làm việc trong chế độ biểu mẫu ta thực hiện như thế nào? *Hỏi:* Để làm việc trong chế độ thiết kế như thế nào?	- Theo dõi hướng dẫn trong SGK và trả lời - Theo dõi hướng dẫn trong SGK và trả lời	giao diện thân thân thiện được sử dụng để cập nhập dữ liệu. Để làm việc trong chế độ biểu mẫu ta thực hiện: Cách 1: Nháy đúp chuột lên tên biểu mẫu hoặc nháy nút . Cách 2:Chọn biểu mẫu rồi nháy nút Open. Cách 3: Nháy nút View khi đang ở chế độ thiết kế. - *Chế độ thiết kế*: Có thể thiết kế mới, xem hay sửa đổi thiết kế cũ của biểu mẫu. Để xem hay sửa đổi thiết kế cũ ta thực hiện: Cách 1: Chọn biểu mẫu rồi nháy nút(Design). Cách 2: nháy nút( ) nếu đang ở chế độ biểu mẫu.

***Hoạt động 3: Luyện tập, vận dụng**

- Nội dung: Thực hiện tạo biểu mẫu đơn giản
- Phương pháp: Tổ chức cho HS thảo luận nhóm, thực hành

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS	Nội dung
- Mở CSDL Quanli_HS.mdb với bảng HOC_SINH đã tạo yêu cầu các nhóm thảo luận và cho biết để nhập và hiển thị dữ liệu của từng học sinh ta nên sử dụng đối tượng nào trong Access? Vì sao? - Yêu cầu đại diện các nhóm lên thực hiện lần lượt các công việc sau: tạo biểu mẫu để nhập, hiển thị chi tiết thông tin về học sinh như trong bảng học sinh, thay đổi nội dung các tiêu đề, thay	- Thảo luận và trả lời câu hỏi (Sử dụng biểu mẫu vì nhập dữ liệu thuận tiện, đỡ sai sót, nhầm lẫn, có thể hiển thị chi tiết thông tin của từng học sinh, thuận tiện cho việc theo dõi thông tin) - Thảo luận và cử đại diện lên thực hiện yêu cầu	- Luyện tập và vận dụng các kiến thức đã học để tạo và chỉnh sửa biểu mẫu theo yêu cầu.

đổi phông chữ, kích thước, vị trí các trường		

***Hoạt động 4: Tìm tòi, mở rộng**

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS	Nội dung
- Hướng dẫn học sinh thiết kế một số nút lệnh trên biểu mẫu	- Theo dõi hướng dẫn - Tự tìm hiểu thêm	- Thiết kế một số nút lệnh trên biểu mẫu

4. Củng cố:

- Giáo viên hệ thống lại kiến thức trọng tâm cho học sinh

Thanh Liêm, ngày ..... tháng …… năm 2018

Tổ trưởng kí duyệt

Ngày soạn: 5/1/18 *Lớp dạy: 12A6,A7,A8,A9*
Tiết số: 20,21 *Ngày dạy: 11/1/18*

Thực hành 4. TẠO BIỂU MẪU ĐƠN GIẢN

I. Mục tiêu

* Về kiến thức: Củng cố cho HS những kiến thức về cách tạo biểu mẫu để nhập dữ liệu, kết xuất thông tin.

* Về kĩ năng:

- Biết tạo biểu mẫu đơn giản (bằng cách dùng thuật sĩ sau đó chỉnh sửa thêm trong chế độ thiết kế)
- Biết dùng biểu mẫu để nhập dữ liệu và chỉnh sửa dữ liệu đã nhập trong bảng.
- Dùng biểu mẫu để cập nhật và tìm kiếm thông tin.
- Sử dụng các công cụ lọc, sắp xếp trên biểu mẫu.

* Về thái độ

- Nghiêm túc trong giờ học thực hành

II. Chuẩn bị:

* GV: Máy tính, giáo án, Projector.
* HS: Học bài cũ, đọc trước bài thực hành 4 ở nhà.

III. Tổ chức hoạt động dạy và học

1. Ổn định phòng máy

- Sĩ số lớp: Vắng: Có phép: Không phép:
- Tổng số máy: Số HĐBT: Số hỏng:

2. Nội dung thực hành

Nội dung	Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
Hoạt động 1: Tình huống xuất phát GV giao máy cho học sinh, yêu cầu học sinh kiểm tra máy, khởi động máy, khởi động chương trình, mở csdl quản lí học sinh chứa bảng HOC_SINH tiết thực hành trước		
Hoạt động 2: Hình thành kiến thức, luyện tập Phương pháp: Vấn đáp, cho hs thảo luận nhóm		
Bài 1: Tạo biểu mẫu để nhập dữ liệu cho bảng HOC_SINH theo mẫu 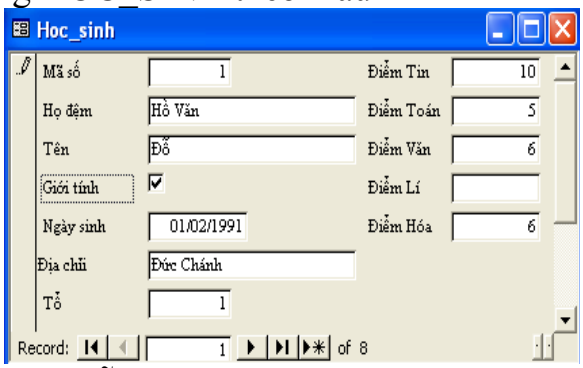 *Hướng dẫn*: - Tạo biểu mẫu bằng thuật sĩ. - Trong chế độ thiết kế chỉnh sửa các nhãn Label bằng Font tiếng Việt.	GV: Nhắc lại mục đích tạo biểu mẫu và yêu cầu hs làm theo yêu cầu, nhắc nhở hs trước khi tạo biểu mẫu hãy tạo các bảng làm nguồn cho biểu mẫu, cụ thể là bảng HOCSINH gồm các thong tin: Mã số, họ đệm, tên, giới tính, ngày sinh, là đoàn viên, địa chỉ, tổ, điểm toán, điểm lí, điểm	HS tạo ra bảng nguồn cho biểu mẫu nếu chưa có ở trên máy sau đó theo hương HS: Tạo biểu mẫu trên máy

<table>
<tr>
<td>- Di chuyển các trường để có vị trí đúng.</td>
<td>hoá, điểm văn, điểm tin.</td>
<td></td>
</tr>
<tr>
<td>Bài 2: Sử dụng biểu mẫu vừa tạo để nhập thêm các bản ghi cho bảng HOC_SINH theo mẫu sau:
<table>
<tr><th>MaSo</th><th>HoDem</th><th>Ten</th><th>GT</th><th>NgSinh</th><th>DiaChi</th><th>To</th><th>Toan</th><th>Van</th><th>Li</th><th>Hoa</th><th>Tin</th></tr>
<tr><td>1</td><td>Hồ Văn</td><td>Đổ</td><td>☑</td><td>01/02/1991</td><td>Đức Chánh</td><td>1</td><td>5</td><td>6</td><td></td><td>6</td><td>10</td></tr>
<tr><td>2</td><td>Nguyễn Cường</td><td>Quốc</td><td>☑</td><td>20/11/1990</td><td>Đức Nhuận</td><td>2</td><td>6</td><td>5</td><td></td><td>8</td><td>8</td></tr>
<tr><td>3</td><td>Trần Thị Đon</td><td>Đã</td><td>☐</td><td>30/04/1991</td><td>Đức Hiệp</td><td>3</td><td>9</td><td>8</td><td></td><td>5</td><td>6</td></tr>
<tr><td>4</td><td>Phan Văn</td><td>Nhật</td><td>☑</td><td>14/02/1990</td><td>Đức Lợi</td><td>1</td><td>5</td><td>7</td><td></td><td>7</td><td>7</td></tr>
<tr><td>5</td><td>Lâm Nhật</td><td>Tiến</td><td>☑</td><td>20/11/1990</td><td>Đức Chánh</td><td>2</td><td>7</td><td>7</td><td></td><td>9</td><td>8</td></tr>
<tr><td>6</td><td>Bùi Tấn</td><td>Thái</td><td>☑</td><td>10/05/1990</td><td>Đức Lợi</td><td>3</td><td>9</td><td>8</td><td></td><td>8</td><td>9</td></tr>
<tr><td>7</td><td>Lâm Trịnh Xuân</td><td>Trà</td><td>☐</td><td>22/12/1991</td><td>Đức Lợi</td><td>3</td><td>10</td><td>9</td><td></td><td>7</td><td>10</td></tr>
<tr><td>8</td><td>Bùi Thị Quỳnh</td><td>My</td><td>☐</td><td>19/12/1991</td><td>Đức Lợi</td><td>1</td><td>8</td><td>10</td><td></td><td>6</td><td>8</td></tr>
<tr><td>0</td><td></td><td></td><td>☐</td><td></td><td></td><td>0</td><td>0</td><td>0</td><td>0</td><td>0</td><td>0</td></tr>
</table>
</td>
<td>GV: Nhắc lại chức năng của thanh di chuyển đồng thời thực hiện nhập mẫu cho hs quan sát</td>
<td>HS: Tự thực hành.</td>
</tr>
<tr>
<td>Bài 3: Sử dụng các nút lệnh trên thanh công cụ để lọc ra các học sinh nam của bảng HOC_SINH.
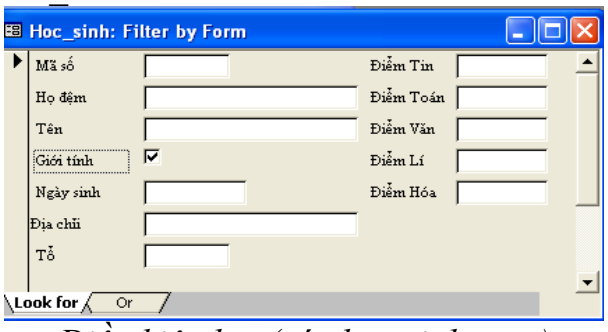

Điều kiện lọc (các học sinh nam)
Tìm hiểu và sử dụng các lệnh tương ứng trên bảng trên bảng chọn Record để:
a). Sắp xếp tên học sinh theo thứ tự tăng dần.
b). Lọc ra các học sinh nữ.</td>
<td>GV: Yêu cầu 1 hs nhắc lại cách lọc các bản ghi thoả mãn đk nào đó
GV: Yêu cầu hs nêu các bước thực hiện lọc ra các hs nam trong bảng
? Sử dụng kiểu lọc gì
?Các bước thực hiện
GV: Trong biểu mẫu việc lọc cũng tương tự trong bảng nhưng ngoài ra các em có thể thực hiện theo lệnh, GV đưa ra các lệnh lọc rồi hướng dẫn hs làm theo
- Records/Filter/Filter by form: Lọc theo mẫu
- Record/Filter/Filter by selection: Lọc theo ô dữ liệu đang chọn
GV nhắc lại những điểm hs còn mắc trong giờ thực hành</td>
<td>HS: Trả lời

HS: Trả lời và thực hành luôn</td>
</tr>
</table>

	sau đó yêu cầu hs thoat chương trình và tắt máy	
Hoạt động 4,5: Vận dụng, tìm tòi mở rộng Phương pháp: HS tự nghiên cứu thực hiện		
Bài 4 Biểu mẫu đã tạo ở bài 1, em hãy tạo các nút lệnh để đóng biểu mẩu, lưu biểu mẫu, di chuyển các bản ghi (về bản ghi đầu, về bản ghi cuối, bản ghi phía trước, bản ghi kế sau)	- GV nhắc qua lại thao tác tạo một nút lệnh và yêu cầu học sinh về thực hiện bài số 4	- Quan sát, lắng nghe và thực hiện yêu cầu

3. Cũng cố:

Nhắc lại một số lỗi mà nhiều hs còn mắc trong buổi thực hành, yêu cầu hs về luyện những thao tác cơ bản: Tạo biểu mẫu bằng thuật sĩ và các cách lọc dữ liệu

V. Rút kinh nghiệm và bổ sung

.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....

Thanh Liêm ngày tháng năm 2018

Tổ trưởng kí duyệt

Lại Thị Tuyết Lan

Ngày soạn: *Lớp dạy:*
Tiết số: *Ngày dạy:*

§7. LIÊN KẾT GIỮA CÁC BẢNG

I. Mục tiêu
1. Kiến thức
Làm cho HS nắm được:
- Biết khái niệm liên kết giữa các bảng, sự cần thiết và ý nghĩa của việc tạo liên kết.
- Biết cách tạo liên kết trong Access.
2. Kỹ năng
- Thạo cách tạo một csdl và liên kết cơ sở dữ liệu
3. Thái độ
- Nghiêm túc trong giờ học bộ môn
II. Chuẩn bị
* GV: SGK, giáo án,
* HS: SGK, vở ghi
III. Tổ chức các hoạt động dạy và học
1. Ổn định lớp.
Sĩ số: Vắng: Có phép:
2. Kiểm tra bài cũ.
* Hỏi:
- Nêu các bước tạo biểu mẫu?
- Thực hiện tạo biểu mẫu Nhap_hsinh để nhập dữ liệu vào cho bảng Hoc_sinh trong CSDL Qli_hs
3. Nội dung bài mới

Nội dung	Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
Hoạt động 1: Tình huống xuất phát Phương pháp: Thuyết trình Trong csdl có thể có nhiều bảng, và khi ta cần lấy thông tin từ nhiều bảng, buộc phải liên kết các bảng lại thông qua các trường chung. Tiết này ta sẽ tìm hiểu cách liên kết các bảng và lợi ích khi liên kết chúng.		
Hoạt động 2: Hình thành kiến thức Phương pháp: Vấn đáp. Diễn giải, tổ chức thảo luận nhóm		
1. Khái niệm: Là tạo mối liên kết giữa các bảng có quan hệ với nhau để tổng hợp dữ liệu từ nhiều bảng.	GV: Trong CSDL, các bảng thường có liên quan với nhau. Khi xây dựng CSDL, liên kết được tạo giữa các bảng cho phép tổng hợp dữ liệu từ nhiều bảng. GV minh hoạ bằng 2 ví	Chú ý nghe giảng và ghi chép bài

	dụ cụ thể trong sgk để hs hiểu	
2. Kĩ thuật liên kết giữa các bảng. Các bước tiến hành để thiết lập các mối liên kết giữa các bảng: ① Chọn Tool/ Relationships hoặc nháy nút lệnh Relationships ( ) trên thanh công cụ ② Trên hộp thoại Show table ta chọn các bảng và mẫu hỏi cần thiết lập liên kết, kích Add. Sau cùng kích chọn Close. (chú ý nếu không thấy có bảng show table có thể lấy ra bằng lệnh: Chuột phải rồi vào show tables). Sau đó các bảng được chọn trong liên kết sẽ xuất hiện trên màn hình ③ Chọn trường liên quan từ các bảng liên kết, rồi nháy Create để tạo liên kết, cuối cùng đóng của sổ relationship và lưu lại liên kết Ví dụ: (SGK)	GV: Đưa ra ví dụ. Ví dụ: Ta có CSDL: KINH_DOANH gồm có 3 bảng: - HOA_DON gồm: so_hieu_don, ma_khach_hang, ma_san_pham, so_luong, thanh_tien, ngay_giao_hang,…. - KHACH_HANG gồm: ma_khach_hang, ten_khach_hang, dia_chi. - SAN_PHAM gồm: ma_san_pham, ten_san_pham, don_gia. Yêu cầu: Đưa ra danh sách gồm: ten_khach_hang, ten_san_pham, don_gia, so_luong, thanh_tien,…. Thì ta cần phải tổng hợp từ 3 bảng trên. GV: Nêu các bước thiết lập liên kết giữa các bảng trong CSDL? GV: Thực hiện các bước liên kết để HS quan sát thông qua ví dụ B1: Thực hiện lệnh: Tool/ relationship B2: Chọn các bảng nằm trong liên kết trên hộp thoại Show table:	Quan sát gv hướng dẫn rồi ghi chép và lên bảng thực hiện trên máy chiều

<table>
<tr>
<td></td>
<td>bảng HOADON KHACH_HANG, SAN_PHAM bằng cách chọn tên bảng và nháy vào nút Add , cuối cùng đóng của sổ Show table bằng lệnh Close
B3: trên của sổ Relationship chọn các trường có liên quan đến nhau ở các bảng cụ thể: Kéo trươngf MA_KHACH-HANG của bảng HOADON sang trường MA_KHACH_HANG của bảng KHACH_HANG xuất hiện hộp thoại thì nhày vào create, lúc đó ta đã tạo được liên kết giữa 2 bảng, tương tự như vậy với bảng HOA_DON và bảng SAN_PHAM
GV: Cho HS lên thực hiện thiết lập liên kết giữa San_pham và Hoa_don.</td>
<td>HS: Thực hiện liên kết
- Nháy nút đóng của sổ lại rồi chọn yes khi thông báo xuất hiện để lưu lại liên kết</td>
</tr>
<tr>
<td colspan="3">Hoạt động 4,5: Vận dụng, tìm tòi</td>
</tr>
<tr>
<td>Tạo CSDL PHONE gồm hai bảng có cấu trúc sau:
<table>
<tr><th>Tên bảng</th><th>Tên trường</th><th>Khóa
hính</th><th>Kiểu dữ liệu</th></tr>
<tr><td rowspan="2">TIN</td><td>M
vu
g</td><td></td><td>Text</td></tr>
<tr><td>Tentinh</td><td></td><td>Te
t</td></tr>
<tr><td rowspan="3">SODANH BA</td><td>Mavung</td><td></td><td>Text</td></tr>
<tr><td>Sodt</td><td></td><td>Text</td></tr>
<tr><td>Ho</td><td></td><td>Text</td></tr>
</table>
</td>
<td>- Cho học sinh về tự nghiên cứu để thực hiện bài tập</td>
<td>- Ghi đề bài về làm</td>
</tr>
</table>

	en		Text
	Diachi		Text

Liên kết hai bảng trên thông qua trường Mavung

4. Củng cố.

Nhắc lại kiến thức trọng tâm của bài. .

IV. Rút kinh nghiệm và bổ sung

.....

.....

.....

.....

.....

Ngày soạn: Lớp dạy:
Tiết số: *Ngày dạy:*

Bài tập & thực hành 5. LIÊN KẾT GIỮA CÁC BẢNG

I. Mục đích, yêu cầu.
* *Về kiến thức:* Làm cho HS:
- Củng cố kiến thức về tạo CSDL có nhiều bảng.
- Các bước tạo liên kết giữa hai bảng.
* *Về kĩ năng::*
- Rèn luyện kĩ năng tạo lập CSDL, cấu trúc bảng.
- Kĩ năng tạo liên kết giữa các bảng, sửa liên kết giữa các bảng.
* *Về thái độ*
- Thái độ nghiêm túc khi thực hành

II. Chuẩn bị
* GV: Máy tính , giáo án, Projector, phòng máy.
* HS: Học bài cũ, đọc trước "Bài tập & thực hành 5. Liên kết giữa các bảng."

III. Tổ chức các hoạt động dạy học

1. Ổn định lớp

Sĩ số: Vắng: Có phép: Không phép:
Tổng số máy: Số máy hđbt: Số máy không hđbt:

2. Kiểm tra bài cũ.
- GV: Hãy nêu các bước tạo liên kết giữa hai bảng trong CSDL Access?

3. Nội dung thực hành.

<table>
<tr><th>Nội dung</th><th>Hoạt động của thầy</th><th>Hoạt động của trò</th></tr>
<tr><td colspan="3">Hoạt động 1,2,3: Tình huống xuất phát, Hình thành kiến thức, luyện tập
Phương pháp: Vấn đáp , hs tự thảo luận và thực hành</td></tr>
<tr><td>Bài 1: Tạo CSDL Kinh_doanh gồm ba bảng có cấu trúc như sau:
<table><tr><th>Tên trường</th><th>Kiểu d liệu</th></tr><tr><td>Ma_khach_hang
Ten_khach_hang
Dia_c
i</td><td>Text
Text
Text</td></tr><tr><td>Ma_san_pham
Ten_san_pham
Don_gia</td><td>Text
Text
Nu
ber</td></tr><tr><td>So_hieu_don</td><td>AutoNumber</td></tr><tr><td>Ma_khach_hang
Ma_san_pham
So_luong</td><td>Text
Text
Number</td></tr></table>Sau đó</td><td>- Phân máy đến học sinh, yêu cầu hs khởi động máy, khởi động chương trình.
-Yêu cầu học sinh nhắc lại kiến thức cũ:
+ Hai bảng trong một csdl khi nào thì liên kết được với nhau?
+ Nhắc lại các bước liên kết giữa 2 bảng</td><td>- Hs suy nghỉ trả lời
+ Hai bảng trong một csdl liên kết với nhau khi chúng có các trường chung (giống tên và kiểu</td></tr>
</table>

<table>
<tr>
<td>nhập dữ liệu theo mẫu trong sgk
Bài 2: Cho CSDL gồm 2 bảng
Bảng LOP gồm:
LOP, GVCN, SISO
Bảng DSHS gồm:
SBD, HOTEN, GIOITINH, NTNS, LOP
Bảng ĐIỂM gồm:
SBD, TOAN, LI, HOA, ANH
a. Tạo các bảng
b. Liên kết các bảng lại</td>
<td>- Trong csdl trên thì có bảng nào liên kết với bảng nào, và liên kết qua trường nào?
- Yêu cầu hs tạo bảng rồi mới liên kết
- Quan sát hs thực hành
- Gv giao đề cho hs làm rồi đi quan sát hs thực hành</td>
<td>dữ liệu)
- Trong csdl quản lí kinh doanh có 2 cặp bảng liên kết được là khách hàng và hóa đơn thông qua trường ma_khach_hang; bảng hóa đơn và bảng mặt hàng mặt hàng liên kết với nhau thông qua trường ma_mat_hang
- Hs tự thực hành theo đề bài</td>
</tr>
<tr>
<td colspan="3">Hoạt động 4,5: Vận dụng, tìm tòi và mở rộng
Phương pháp: hs tự nghiên cứu</td>
</tr>
<tr>
<td>- Tạo CSDL Thuvien gồm ba bảng sau: (chưa có dữ liệu), xác định khóa cho bảng
+ Bảng MuonSach:
<table>
<tr><th>SoThe</th><th>MaSach</th><th>NgayMuon</th><th>NgayTra</th></tr>
<tr><td>TV-02</td><td>TO-02</td><td>5/6/2004</td><td>10/6/2004</td></tr>
<tr><td>TV-04</td><td>TN-103</td><td>12/9/2004</td><td>25/10/2004</td></tr>
<tr><td>TV-02</td><td>TN-212</td><td>1/11/2004</td><td>6/11/2004</td></tr>
<tr><td>TV-01</td><td>TN-212</td><td>6/12/2004</td><td>23/12/2004</td></tr>
</table>
+ Bảng Sach:
<table>
<tr><th>MaSach</th><th>TenSach</th><th>SoTrang</th><th>TinhTrang</th></tr>
<tr><td>TN-103</td><td>Tin học</td><td>100</td><td>Mới</td></tr>
<tr><td>TO-02</td><td>Toán</td><td>200</td><td>Trung bình</td></tr>
<tr><td>TN-212</td><td>Tin học</td><td>234</td><td>Trung bình</td></tr>
</table>
+ Bảng NguoiMuon:
<table>
<tr><th>SoThe</th><th>HoTen</th><th>NgaySinh</th><th>Lop</th></tr>
<tr><td>TV-01</td><td>Hoàng Anh</td><td>21/2/1988</td><td>11B2</td></tr>
<tr><td>TV-02</td><td>Phạm Ha Mai</td><td>10/4/1987</td><td>12A2</td></tr>
<tr><td>TV-03</td><td>Cao Thị</td><td>23/9/1990</td><td>10A1</td></tr>
</table>
</td>
<td>- Nhắc nhở học sinh những lỗi nhiều hs cùng mắc
- Giao bài tập về nhà cho học sinh</td>
<td>- Chú ý khi giáo viên hướng dẫn
- Ghi bài tập về nhà</td>
</tr>
</table>

	Thấp		
TV-04	Trần Đã	10/10/1989	11B3

- Liên kết ba bảng trên.
- Nhắc hs kiểm tra lại máy, tắt máy, đóng cửa phòng thực hành.

4. Củng cố

- GV nhắc lại 1 số lỗi ma hs mắc phải khi thực hành để rút kinh nghiệm cho lần sau:
- Yêu cầu hs cần nắm vững các bước tạo liên kết giữa các bảng.

IV. Rút kinh nghiệm và bổ sung

.....

.....

.....

Ngày soạn: *Ngày dạy:*
Tiết số: *Lớp dạy:*

§8. TRUY VẤN DỮ LIỆU

I. Mục tiêu
* Về kiến thức: Làm cho HS nắm được:
- Hiểu khái niệm mẫu hỏi. Biết vận dụng một số hàm và phép toán tạo ra các biểu thức số học, biểu thức điều kiện và biểu thức lôgíc để xây dựng mẫu hỏi.
- Biết các bước chính để tạo một mẫu hỏi.
* Về kĩ năng:
- Tạo được mẫu hỏi đơn giản.
- Biết sử dụng hai chế độ làm việc với mẫu hỏi: chế độ thiết kế và chế độ trang dữ liệu.
* Về thái độ
- Có thái độ nghiêm túc trong giờ học bộ môn

II. Chuẩn bị
* GV: Máy tính, giáo án, Projector.
* HS: Học bài cũ, đọc trước §8 ở nhà.

III. Tổ chức các hoạt động dạy học
1. Ổn định, kiểm tra sĩ số lớp.
2. Kiểm tra bài cũ. (bỏ qua)
3. Nội dung bài mới

<table>
<tr><th>Nội dung</th><th>Hoạt động của thầy</th><th>Hoạt động của trò</th></tr>
<tr><td colspan="3">Hoạt động 1: Tình huống xuất phát
Phương pháp: Thuyết trình
Khi làm việc với CSDL thì nhu cầu tính toán dữ liệu từ những dữ liệu đã có, tổng hợp thông tin từ nhiều bảng, tìm kiếm dữ liệu thỏa mãn điều kiện nào đó...rất cần thiết. Các nhu cầu đó được thực hiện trên một đối tượng thứ 3 là mẫu hỏi. Tiết này ta sẽ tìm hiểu về đối tượng này

Hoạt động 2: Hình thành kiến thức
Phương pháp: Diễn giải, vấn đáp, tổ chức cho học sinh thảo luận</td></tr>
<tr><td>1. Các khái niệm.
a). Mẫu hỏi.
- Là công cụ hiệu lực của Access để tổng hợp, sắp xếp và tìm kiếm dữ liệu.
- Có thể sử dụng để:
+ Sắp xếp các bản ghi.
+ Chọn những bản ghi thỏa mãn các điều kiện cho trước.</td><td>GV: Trong Access có những loại biểu thức nào?
- Thế nào là biểu thức số học?
- Thế nào là biểu thức lôgic?
- Thế nào là biểu thức điều kiện?</td><td>- Thảo luận theo bàn và nghiên cứu sgk để trả lời giáo viên</td></tr>
</table>

+ Chọn các trường để hiển thị. + Tính toán các giá trị. + Tổng hợp và hiển thị thông tin từ nhiều bảng hay từ tập hợp các bảng và mẫu hỏi khác. - Có 2 chế độ làm việc với mẫu hỏi là chế độ thiết kế (xây dựng mẫu hỏi) và chế độ trang dữ liệu (xem kết quả tạo mẫu hỏi) b). Biểu thức. * Gồm có: biểu thức số học, biểu thức điều kiện và biểu thức lôgic. * Các kí hiệu phép toán thường dùng: - Các phép toán số học: +, -, *, /. - Phép so sánh: <, >, <=, >=, =, <>. - Phép toán lôgic: and, or, not. * Các toán hạng trong biểu thức: - Tên các trường (đóng vai trò các biến) được ghi trong dấu ngoặc vuông. Ví dụ: [G_TINH], [HO_TEN], [DTBINH], ... - Các hằng số. - Các hằng văn bản, được viết trong cặp dấu nháy kép. Ví dụ: "Nam", "Nu", "Hanoi",.... - Các hàm số (sum, avg, max, min, count, ...) * Biểu thức số học được sử dụng để mô tả các trường tính toán (tạo thêm trường mới) trong mẫu hỏi, mô tả này có dạng sau: <Tên trường> : <Biểu thức số học> * Cách tạo 1 trường mới: <tên trường mới>:<tên trường cũ> * Biểu thức điều kiện và biểu thức lôgic	- Những thành phần nào tạo nên biểu thức? Ví dụ: Trong bảng quản lí điểm đã có các trường Dtoan, Dly, Dhoa, muốn tạo mẫu hỏi có thêm trường tính tổng điểm ba môn thì thực hiện gõ vào ô trống ở dòng Field như sau: Tong : [Dtoan]+[Dly]+[Dhoa] Ví dụ:	- Chú ý quan sát và lắng nghe, ghi chép

được sử dụng trong các trường hợp sau: - Thiết lập điều kiện kiểm tra dữ liệu đưa vào. - Thiết lập bộ lọc cho bảng. - Tạo mẫu hỏi. 2. Tạo mẫu hỏi. Để làm việc với mẫu hỏi, chọn Queries trong bảng chọn đối tượng. Có thể tạo mẫu hỏi bảng cách: dùng thuật sĩ hay tự thiết kế. Các bước chính để tạo mẫu hỏi: B1:Tạo nguồn dữ liệu cho mẫu hỏi gồm các bảng và mẫu hỏi khác. B2: Chọn 1 trong 2 chế độ thiết kế là tự thiết kế (Create query in design view) hoặc dung thuật sĩ (Create query by using wizard) B3:Chọn các bảng làm ngồn dữ liệu bằng cách chọn các tên các bảng hoặc query rồi nháy vào Add trên hộp thoại Show table. Sau khi chọn xong thì nháy vào close để đóng hộp thoại show table lại B4: Chọn các trường trên nguồn cho vào mẫu hỏi. Có 2 cách chọn C1: Nháy đúp chuột vào tên trường cần cho vào biểu mẫu C2: Kéo thả trường trên nguồn đưa xuống vùng thiết kế của biểu mẫu B5: Tạo các trường tính toán trên biểu mẫu B6: Tạo các điều kiện để lọc hoặc sx hoặc điều kiện gôp nhóm theo yêu cầu của đề bài B6: Thực hiện lệnh View/Datasheet view Lưu ý: Không nhất thiết phải thực hiện tất cả các bước này. * Để xem hay sửa đổi thiết kế mẫu hỏi đã có: ① Chọn mẫu hỏi cần xem hoặc sửa. ② Nháy nút . Cửa sổ mẫu hỏi ở chế độ thiết kế gồm hai phần: - Phần trên (nguồn dữ liệu) hiển thị cấu trúc các bảng và các mẫu hỏi khác có chứa các trường được chọn dùng trong mẫu hỏi này. - Phần dưới là lưới QBE: Nơi mô tả mẫu	[G_tinh]="Nam" and [Luong]>1000000. - GV minh họa việc tạo biểu mẫu bằng một ví dụ cụ thể sau đó yêu cầu hs nhắc lại các bước thực hiện - Minh họa bằng ví dụ sau: *Cho csdl quản lí điểm gồm 1 bảng dshs có các trường: sbd, hoten, toan, li, hoa, van, anh. Hãy tính tổng điểm thi của từng học sinh* B1: Tạo bảng dshs và nhập dữ liệu cho bảng B2: Nháy chọn: Create query in design view B3: Tại hôp thoại Showtable chọn DSHS làm nguồn B4: Đưa các trường *sbd, hoten, toan, li, hoa, van, anh* từ bảng nguồn vào mẫu hỏi bằng cách nháy đúp chuột vào từng trường trên bảng nguồn B5: Nháy chuột vào cột trống và tạo trường mới: TD: *toan+ li+hoa+van+ anh* B6: xem kết quả Thực hiện lệnh View/Datasheet view - Hướng dẫn hs cách lọc	- Quan sát để thực hiện yêu cầu của gv: + Nhắc lại các bước thực hiện + Ghi chép kiến thức cần thiết vào vở ghi

hỏi. Một cột thể hiện một trường sẽ được sử dụng trong mẫu hỏi, gồm + Field: Khai báo tên các trường được chọn + Table: Tên bảng chứa trường tương ứng. + Sort: Trường sắp xếp. + Show: Trường tương ứng có xuất hiện trong mẫu hỏi. + Criteria: Điều kiện chọn các bản ghi đưa vào mẫu hỏi.	dữ liệu bằng ví dụ: Từ biểu mẫu vừa tạo trên hãy lọc ra những học sinh có tổng điểm từ 30 trở lên - Chú ý học sinh: Điều kiện lọc, nếu đồng thời xảy ra thì ghi đk trên một hàng của trường làm điều kiện, nếu hoặc xảy ra thì ghi từng điều kiện trên từng hàng của trường làm điều kiện lọc.	
Hoạt động 3: Luyện tập Phương pháp: Tổ chức cho hs thảo luận và tự thực hiện		
Ví dụ: Trong csdl quản lí điểm hãy: a. Lọc ra những hs có DTB>=5 b. Lọc ra những hs có ít nhất một môn thi dưới 5 c. Lọc ra những hs giỏi biết giỏi khi dtb>=8 và không môn nào dưới 5	- Cho hs thảo luận và lên thực hiện trên máy hoặc bảng (nếu bảng thì cho hs vẽ lưới tạo query) sau đó gv nhận xét và bổ sung, nếu hs làm tốt gv cho điểm để khuyến khích	- Hs dựa vào ví dụ minh họa của gv hãy thảo luận, nghiên cứu sau đó lên thực hiện bài tập
Hoạt động 4: Vận dụng, tìm tòi Phương pháp: GV hướng dẫn, hs tự nghiên cứu		
Tìm hiểu các hàm ở cuối sgk trang 111, 112 như: date, day, month, year, like, cách nối các trường….để thực hiện bài toán sau: Trong csdl quản lí điểm có bảng dshs gồm (sbd,hodem, ten, ntns, gioitinh, quequan, toan, lia, hoa, van, anh) hãy tạo biểu mẫu đưa ra điểm trung bình của học sinh nữ có quê tại thanh bình và thanh hà có ngày sinh từ 1/1/1998 đến 30/6/1998 gồm các trường: ho va ten, sbd, ntns, gioitinh, quequan, DTB	- Hướng dẫn hs tra các hàm sử dụng trong access rồi ra bài tập yêu cầu hs về nghiên cứu vận dụng vào bài toán	- Hs chú ý gv hướng dẫn rồi ghi bài tập về thực hiện

4. Củng cố

- Nhắc hs nắm một số bước tạo mẫu hỏi và các thành phần trên mẫu hỏi

IV. Rút kinh nghiệm và bổ sung

.....

.....

Ngaỳ soạn: Lớp dạy:
Ngày dạy:
Tiết số: BÀI TẬP

I.Mục tiêu
1. Kiến thức
- HS nắm rõ hơn về đối tượng mẫu hỏi, khi nào dùng mẫu hỏi
- HS biết làm một số mẫu hỏi đơn giản từ những CSDL đã làm quen từ trước
2. Kỹ năng
- Thực hiện thành thạo các bài tập tạo mẫu hỏi dạng cơ bản
3. Thái độ
- Nghiêm túc trong giờ học, có ý thức xay dựng khi thảo luận nhóm
II. Chuẩn bị
- GV: SGK, Bài soạn
- HS: Vở ghi, SGK
III. Tổ chức các hoạt động dạy học
1. Kiểm tra bài cũ
Câu hỏi 1: Mẫu hỏi là gì? Các loại biểu thức thường dùng trong mẫu hỏi?
2. Nội dung bài mới

<table>
<tr><th>Nội dung</th><th>Hoạt động của thầy</th><th>Hoạt động của trò</th></tr>
<tr><td colspan="3">Hoạt động 1,2,3: Luyện tập
Phương pháp: Vấn đáp, thảo luận nhóm</td></tr>
<tr><td>a. Lý thuyết
- Khi nào tạo mẫu hỏi
- Các bước tạo mẫu hỏi
b. Bài tập

Bài 1. Cho CSDL quản lí học sinh có bảng học sinh gồm các trường: sbd, hoten, gt, ntns, diachi, dtoan,dvan,dtin. Hãy tạo mẫu hỏi thực hiện:
a. Tính điểm trung bình các môn thi cúa từng học sinh.
b. Hãy lọc ra những hs là nam và có dtb>6.5.
Đáp án:
a.
<table><tr><td>field</td><td>sbd</td><td>hoten</td><td>Dtoan</td><td>dvan</td><td>Dtin</td><td>TB</td></tr><tr><td>Sort</td><td></td><td></td><td></td><td></td><td></td><td></td></tr><tr><td>show</td><td>V</td><td>V</td><td>V</td><td>V</td><td>V</td><td>V</td></tr><tr><td>criteria</td><td></td><td></td><td></td><td></td><td></td><td></td></tr></table>Với trường TB: (dtoan+dvan+dtin)/3</td><td>- GV đưa ra câu hỏi , yêu cầu hs thực hiện

- GV chia lớp làm 2 nhóm, mỗi nhóm thực hiện một bài, cho 5 phút để học sinh thảo luận nhóm tìm ra cách làm. Sau đó gọi hs lên thực hiện.

- Khi hs làm gv quan sát để bổ sung kịp thời và</td><td>- Thực hiện yêu cầu của gv

- Thực hiện phân nhóm, suy nghĩ và thảo luận rồi lên thực hiện.

- Những hs còn lại quan sát và nhận</td></tr>
</table>

b.

field	sbd	hoten	tenh	Dtoan	dvan	Dtin	TB
Sort							
show	٧	٧		٧	٧	٧	٧
criteria			‘nam’				>6.5

Bài 2.
Cho CSDL Kinhdoanh gồm 3 bảng:
Mathang (mamh,tenhang, dongia)
Khách hàng (makh,tenkh,diachi)
Hóa đơn (sodon,mamh,makh,soluong,nggiao)
Hãy tạo mẫu hỏi thực hiện:
a. Đưa ra tên mặt hàng bán được với số lượng>=20
b. Đưa ra những khách hàng mua hàng vào ngày 2/1/12
Đáp án:
a.

field	tenhang	soluong
table	mathang	Hoadon
Sort		
show	٧	٧
criteria		>=20

b.

field	tenkh	nggiao
table	mathang	Hoadon
Sort		
Show	٧	٧
criteria		2/1/12

nhận xét

xét
- Ghi chép bài đầy đủ

3. Củng cố

IV. Những bổ sung và rút kinh nghiệm

.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....

Ngày soạn:
Ngày dạy: *Lớp dạy:*
Tiết số:

BÀI TẬP & THỰC HÀNH 6

I. Mục tiêu
* Về kiến thức: Làm cho HS ôn lại:
- Các bước chính để tạo một mẫu hỏi.
* Về kĩ năng:
- Làm quen với mẫu hỏi kết xuất thông tin từ một bảng.
- Tạo được những biểu thức đơn giản.
- Làm quen với mẫu hỏi có sử dụng gộp nhóm: biết sử dụng các hàm gộp nhóm ở mức độ đơn giản.
* Thái độ:
- Có thái độ nghiêm túc trong giờ thực hành

II. Chuẩn bị.
* GV: Máy tính, giáo án, Projector.
* HS: Học bài cũ, đọc trước "Bài tập & thực hành 6" ở nhà.

III. Tổ chức các hoạt động dạy và học
1. Ổn định, kiểm tra sĩ số lớp.
2. Kiểm tra bài cũ. (bỏ qua)
3. Nội dung thực hành

Nội dung	Hoạt động của GV	HĐ của trò
Hoạt động 1,2,3: THXP, Hình thành kiến thức Phương pháp: Diễn giải, vấn đáp		
1. Hướng dẫn hs thực hành bài 1. Bài 1: Tạo CSDL Quanli_hocsinh, sau đó thực hiện tạo mẫu hỏi liệt kê và sắp thứ tự theo tổ, họ tên, ngày sinh của các bạn nam	- Sau khi giao máy đến từng học sinh, giáo viên chưa cho hs bật máy mà tất cả chú ý trên bảng để gv hướng dẫn phần lý thuyết về mẫu hỏi gộp nhóm	- Chú ý quan sát gv dạy phần lý thuyết, ghi chép nội dung chính
2. Giới thiệu về mẫu hỏi có gộp nhóm a. Khái niệm: Là mẫu hỏi thực hiện gộp các Record theo 1 giá trị nào đó thành 1 nhóm và tính tổng, đếm số record, tìm giá trị lớn	- Gv minh họa bằng ví dụ: Bài 2 (SGK trang 67): Tạo mẫu hỏi Thống kê	- Quan sát và lắng nghe

bai1_DSHS : Select Query

sbd	hoten	to	gioitinh	ngay sinh	toan	van
7		0				
3	trần hữu hùng	1	nam	5/9/1991	8	8
1	hà thị liên	1	nữ	12/2/1991	7	7
2	vũ thị lương	2	nữ	1/1/1992	6	7
4	lê xuân ngưu	2	nam	5/6/1992	9	9
5	Triêu quang chính	3	nam	3/26/1991	8	6
6	Trần xuân hoà	4	nam	3/20/1991	7	5
umber)		0			0	0

Record: 4 of 7

nhất và nhỏ nhất, giá trị trung bình.. trong nhóm b. Các thành phần của lệnh Total: - *Group by*: Thực hiện gộp các dòng có giá trị giống nhau trên cột thành 1 nhóm - *Sum*: Tính tổng của các giá trị trên cột của nhóm - *AVG*: Tính gttb của các giá trị trên cột của 1 nhóm - *Max (min):* Tìm gtmax (gtmin) trong các giá trị trên cột của nhóm - *Count*: Đếm số Record có trong nhóm mà tại đó cột có giá trị - *Expression*: Cho biết cột là một biểu thức tính toán - *Where:* Cho biết cột lá một bt điều kiện dùng để lọc record trước khi tính toán và không hiện nội dung khi xem kết quả c. Cách dùng lệnh Total Trong cửa sổ Design view của Query: B1: Nhấp vào biểu tượng Σ trên thanh *Query design toolbar* hoặc lệnh: *view->Total* B2: Chọn các giá trị trên dòng Total tuỳ theo cột B3: Nháy nút lệnh trên thanh công cu hoặc chọn lệnh: *Query ->run* B4: Lưu mẫu hỏi vừa tạo d. Cách thay tên của 1 trường *<Tên mới>:<tên cũ>* Ví dụ: TB toan: toan	- Trong bài 2 trường thực hiện gộp nhóm là trường *to* - Trong bài 2 thì trường dùng để tính toán là điểm toán và văn, sử dụng hàm avg GV: Hướng dẫn hs làm từng bước của bài 2: Sau khi tạo mẫu hỏi thongke gồm các trường to, toan, van. Tại cửa sổ thiết kê cuả biểu mẫu: B1: Thực hiện lệnh View->total B2: Chọn thành phần trên hàng total như sau: 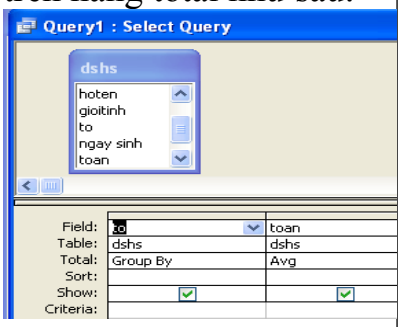 B3: Thực hiện lệnh Query->run B4: Lưu query với tên Thong ke ta được: 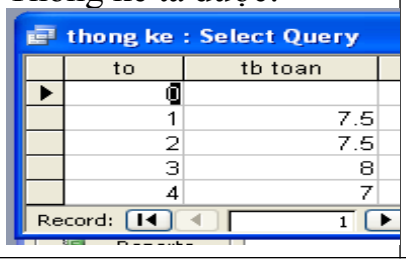	Quan sát và tranh thủ ghi chép
Hoạt động 3: Luyện tập Phương pháp: Vấn đáp, hs tự thực hành		
	Sau khi hướng dẫn bài 2, gv cho hs bất máy, khởi động chương trình rồi hành lại mẫu hỏi gộp	- Sau khi quan sát gv hướng dẫn phần lý thuyết, hs bắt đầu thực hành lại

Bài 3: Sử dụng CSDL QuanLi_HS tạo mẫu hỏi KiLucDiem thống kê các điểm cao nhất của tất cả các bạn trong lớp về từng môn (Toán, Lí , Hoá, Văn, Tin) 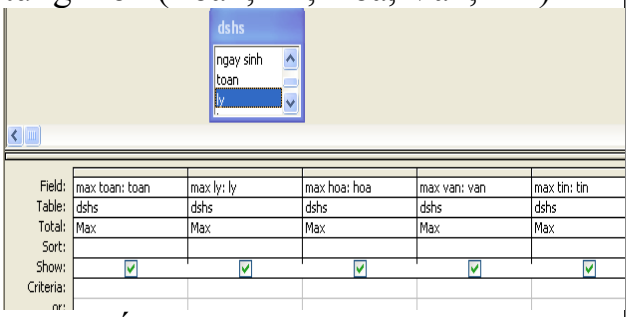 Được kết quả như sau: 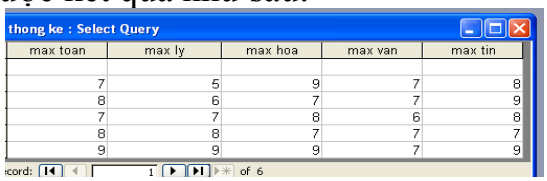 	nhóm bài số 2 GV: Sau khi cho hs thực hành bài số 2 gv đi quan sát và kiểm tra bài làm của hs , nếu cần nhắc nhở gì thì phổ biến cho cả lớp. nếu thấy kết quả làm tốt thì chuyển sang yêu cầu hs tthực hành bài số 3 GV: Mẫu hỏi này có gộp nhóm hay không? GV: gộp nhóm như thế nào? Hướng dẫn: hướng dẫn hs làm theo các bước để tạo mẫu hỏi gộp nhóm nhưng chú ý ở đây là các hàm sử dụng cho các trường đều là hàm max	nội dung bài 2 Thực hành bài số 3 theo sự hướng dẫn của gv HSTL. có gộp nhóm HS: Tự thực hành.
Hoạt động 4,5: Vận dụng, tìm tòi mở rộng Phương pháp: Học sinh tự nghiên cứu		
Bài 4: Thực hiện đếm số học sinh nữ và học sinh nam trong csdl quản lí điểm Bài 5: Bộ lọc trong bảng khác điều kiện chọn trong mẫu hỏi như thế nào? Bài 6: Nêu một ví dụ thể hiện sự cần thiết của trường tính toán.	- Gv giao nội dung cho hs về nhà vận dụng làm tiếp và suy nghĩ thêm	- Ghi nội sung về nhà làm tiếp

4. Củng cố, dặn dò.
   - Phân biệt mẫu có gộp nhóm và ko gộp nhóm.
   - Về nhà chuẩn bị: "Bài tập & thực hành 7"

V. Rút kinh nghiệm và bổ sung

.....

.....

.....

.....

.....

Ngày soạn:
Ngày dạy: *Lớp dạy:*
Tiết số:

BÀI TẬP & THỰC HÀNH 7

I. Mục tiêu

* Kiến thức: Làm cho HS ôn lại:
- Các bước chính để tạo một mẫu hỏi.
- Mẫu hỏi có gộp nhóm.
* Kĩ năng:
- Làm quen với mẫu hỏi kết xuất thông tin từ nhiều bảng.
- Củng cố và rèn luyện kĩ năng tạo mẫu hỏi.
* Thái độ
- Có thái độ nghiêm túc trong giờ thực hành bộ môn

II. Chuẩn bi

- GV: Máy tính, giáo án, Projector.
- HS: SGK.

III. Tổ chức các hoạt động dạy học

1. Ổn định, kiểm tra sĩ số lớp.
2. Nội dung thực hành

Nội dung	Hoạt động của GV	HĐ của trò
Hoạt động 1,2,3: THXP, HTKT, Luyện tập Phương pháp: Vấn đáp, hs tự thực hành dưới sự quản lí của giáo viên		
Bài 1: Sử dụng hai bảng HoaDon và MatHang, dùng hàm Count lập mẫu hỏi liệt kê các loại mặt hàng (theo tên mặt hàng) cùng số lần được đặt. Cấu trúc mẫu hỏi: 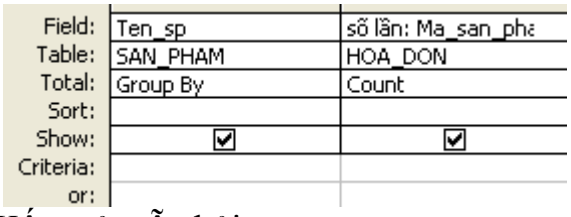 Kết quả mẫu hỏi: 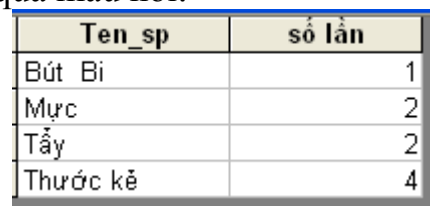	GV: Cho hs thực hành tạo ra CSDL Kinh doanh gồm 3 bảng: Khach hang: MAKH, HO TEN, DIA CHI Mat hang: MAMH, TENMH, DONGIA Hoa don: SODON, MAKH,MAMH,SOLUONG ,NGAYGIAO - Trong bài toán này ta cần lấy thông tin từ 2 bảng hóa đơn và mặt hàng nên cần làm gì trước khi tạo mẫu hỏi? - Mẫu hỏi này có gộp nhóm hay không? - Xác định các thành phần được sử dụng trong lệnh Total?	Hs tạo CSDL kinh doanh và liên kết, nhập dữ liệu cho bài theo yêu cầu của gv - Hs thảo luận rồi trả lời từng câu hỏi gv đưa ra gợi ý Trả lời: có gộp nhóm Nhóm theo trường *Tên san pham*, trường thực hiện

<table>
<tr>
<td></td>
<td>.- Cho hs thực hành và đi quan sát và nhận xét bổ sung cho hs thực hành</td>
<td>tính toán là trường ma san pham, hàm thực hiện tính toán là hàm count
- Thực hành hoàn chỉnh bài</td>
</tr>
<tr>
<td>Bài 2. Sử dụng hai bảng HoaDon và MatHang, dùng các hàm Avg, Max, Min để thống kê số lượng trung bình, cao nhất, thấp nhất trong các đơn đặt hàng theo tên mặt hàng.
Cấu trúc biểu mẫu:
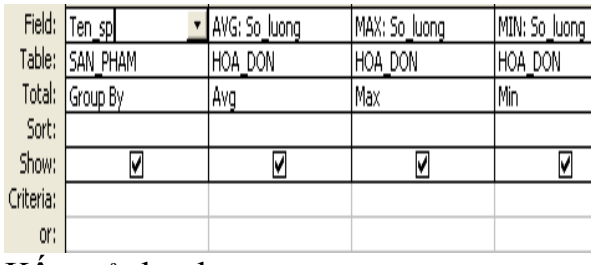
<table>
<tr><td>Field:</td><td>Ten_sp</td><td>AVG: So_luong</td><td>MAX: So_luong</td><td>MIN: So_luong</td></tr>
<tr><td>Table:</td><td>SAN_PHAM</td><td>HOA_DON</td><td>HOA_DON</td><td>HOA_DON</td></tr>
<tr><td>Total:</td><td>Group By</td><td>Avg</td><td>Max</td><td>Min</td></tr>
<tr><td>Sort:</td><td></td><td></td><td></td><td></td></tr>
<tr><td>Show:</td><td>☑</td><td>☑</td><td>☑</td><td>☑</td></tr>
<tr><td>Criteria:</td><td></td><td></td><td></td><td></td></tr>
<tr><td>or:</td><td></td><td></td><td></td><td></td></tr>
</table>
Kết quả thu được:
<table>
<tr><th>Ten_sp</th><th>AVG</th><th>MAX</th><th>MIN</th></tr>
<tr><td>Bút Bi</td><td>10</td><td>10</td><td></td></tr>
<tr><td>Mực</td><td>7.5</td><td>13</td><td></td></tr>
<tr><td>Tẩy</td><td>11.5</td><td>17</td><td></td></tr>
<tr><td>Thước kẻ</td><td>28.5</td><td>100</td><td></td></tr>
</table></td>
<td>GV: Mẫu hỏi này có gộp nhóm hay không? Và gộp như thế nào?
GV: Hướng dẫn rồi yêu cầu hs tự thực hiện để thu được mẫu hỏi như sau:
<table>
<tr><th>Ten_sp</th><th>AVG</th><th>MAX</th></tr>
<tr><td>Bút Bi</td><td>10</td><td></td></tr>
<tr><td>Mực</td><td>7.5</td><td></td></tr>
<tr><td>Tẩy</td><td>11.5</td><td></td></tr>
<tr><td>Thước kẻ</td><td>28.5</td><td></td></tr>
</table>
Gv tổng kết lại 2 tiết thực hành bài số 7, đưa ra những nhận xét về nội dung thực hành và khả năng thực hành của hs, yêu cần khắc phục những nhược điểm trong các tiết thực hành tới
Gv yêu cầu hs kiểm tra csvc rồi tắt máy về lớp</td>
<td>HS: mẫu hỏi có gộp nhóm
Trường thực hiện nhóm là trường tensp, trường thực hiện tính toán là trường so luong, hàm thực hiện tính toán là hàm max min , avg, các hàm đều sử dùng trên trường so luong nên phải 3 lần đưa trường soluong xuống mẫu hỏi</td>
</tr>
<tr>
<td colspan="3">Hoạt động 4,5: Vận dụng, tìm tòi và mở rộng
Phương pháp: Hs tự nghiên cứu</td>
</tr>
<tr>
<td>Trong CSDL QuanLi_HS, tạo các mẫu hỏi sau:
+ Tính số học sinh theo tổ.
+ Tạo trường mới có tên ĐTB và tính điểm trung bình tất cả các môn học cho từng học sinh.
+ Cho biết Họ tên, ngày sinh của những học sinh là đoàn viên.
- Đọc trước bài 9 ở nhà.</td>
<td>- Gv giao bài tập cho hs về nhà vận dụng thực hiện</td>
<td>- Hs ghi bài tập về nghiên cứu</td>
</tr>
</table>

3. Củng cố.

- Những chú ý khi tạo mẫu hỏi gộp nhóm.

+ Trường phân nhóm (Total: chọn Group by)

+ Trường điều kiện làm tiêu chuẩn phân nhóm (Total: where hoặc có biểu thức điều kiện trên ô Criteria)

+ Trường tính toán.

IV. Rút kinh nghiệm và bổ sung

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

Ngày

Trưởng kí duyệt:

Lại Thị Tuyết Lan

Ngày soạn:
Ngày dạy: *Lớp dạy:*
Tiết số:

BÁO CÁO & KẾT XUẤT BÁO CÁO

I. Mục tiêu
Về kiến thức:
- Thấy được lợi ích của báo cáo trong công việc quản lý.
- Biết các thao tác tạo báo cáo đơn giản.

Về kỹ năng:
- Tạo được báo cáo bằng thuật sĩ.
- Thực hiện được lưu trữ và in báo cáo.

Trọng tâm: Nắm được các bước tạo báo cáo, biết sử dụng thuật sĩ tạo báo cáo.

Về thái độ
- Có thái độ nghiêm túc trong giờ học bộ môn

II. Chuẩn bị
GV: Phòng máy, Bài soạn, SGK
HS: SGK.

III. Tổ chức các hoạt động dạy học
1. Ổn định lớp
- Sĩ số: Vắng: Có phép: Không phép:

2. Nội dung bài mới

<table>
<tr><th>Nội dung</th><th>Hoạt động của GV</th><th>Hoạt động của HS</th></tr>
<tr><td colspan="3">Hoạt động 1: Tình huống xuất phát
Phương pháp: Diễn giải.
Khi làm việc với dữ liệu của csdl thì ta cần tổng hợp dữ liệu và làm báo cáo theo một nguyên mẫu nào đó, đối tượng thứ 4 của access giúp chúng ta thực hiện công việc trên theo một khuôn dạng xác định tùy theo mục đích của việc báo cáo dữ liệu, đối tượng này gọi là đối tượng báo cáo. Tiết này chúng ta sẽ nghiên cứu về báo cáo cũng như cách sử dụng nó.
Hoạt động 2: Hình thành kiến thức
Phương pháp: Diễn giải, vấn đáp</td></tr>
<tr><td>1. Khái niệm báo cáo.
- Đ/n: (sgk)
- Báo cáo thường dùng để:
+ Thể hiện được sự so sánh, tổng hợp từ các nhóm dữ liệu.
+ Trình bày nội dung văn bản (hóa đơn, đơn đặt hàng, nhãn thư, báo cáo,....) theo mẫu quy định.
- Để tạo được một báo cáo, cần trả lời các câu hỏi sau:</td><td>GV: Yêu cầu HS đọc sgk, cho biết:
- Báo cáo là gì?
- Ưu điểm của báo cáo?
GV: Lấy ví dụ minh hoạ
Cho bảng sau: DSHS gồm các trường: SBD, Hoten, GT, T, L, H.</td><td>Hs trả lời</td></tr>
</table>

+ Báo cáo được tạo ra chứa những thông tin gì? + Thông tin lấy từ những bảng hay mẫu hỏi nào? + Dữ liệu được nhóm theo trường nào? - Có 2 cách tạo báo cáo: + Dùng thuật sĩ để tạo + Tự thiết kế Nhưng thường kết hợp 2 cách trên tức là tạo bằng thuật sĩ sau đó rồi sửa lại	Yêu cầu thống kê điểm môn T theo tổ ta được mẫu như hình 56 (SGK). Để tạo được báo cáo cần trả lời câu hỏi *1. Báo cáo được tạo ra để kết xuất thông tin gì?* *DTB môn T theo từng tổ* *2. Nguồn dữ liệu là gì?* *Bảng DSHS vừa tạo trên* *3. Dữ liệu được nhóm ntn?* *Theo To*	HS: Quan sát và lắng nghe
2. Các chế độ làm việc của báo cáo - Thiết kế: Dùng để thiết kê và sửa báo cáo - Báo cáo (hiển thị): Hiển thị báo cáo Cách chuyển đổi giữa hai chế độ: - Thiết kê -> báo cáo: View -> print preview - Báo cáo -> thiết kế: view -> design view 3. Dùng thuật sĩ để tạo báo cáo *B1: Tạo nguồn dữ liệu tạo báo cáo* *B2: Nháy đúp chuột vào Create report by using wizard xhht Report wizard.* *B3: Xác định các thông số trên hộp thoại Report wizard hình 58 (SGK)* *+ Tables/Queries: Chọn nguồn* *+ Chọn các trường có mặt trong báo cáo: nháy chuột vào tên trường ở bên ô Available Fields cho sang ô Selected Fields bằng cách nháy đúp chuột vào tên trường hoặc nháy vào các nut mũi tên.* *+ Nháy next sang bước tiếp theo.* *B4: chọn trường để gộp nhóm rồi nháy next* *B5: Chỉ ra các trường để sắp xếp thứ tự các bản ghi và các yêu cầu thống kê theo nhóm* *Một số hàm thường dung thống kê là:*	GV: Minh hoạ các bước bằng cách thực hiện trực tiếp trên máy chiếu ví dụ trong SGK hoặc có thể sử dụng các hình p28, p29, p30, p31, p32, p33 ở trang 126-129	HS: Quan sát và ghi chép bài

Sum, AVG, Min, Max *B6: Xác định cách bố trí báo các và kiểu trình bầy báo cáo ở các hộp thoại tiếp theo (có thể chọn cách ngầm định bằng cách nhấn next)* *B7: Trong màn hình cuối ta đặt tên cho báo cáo và nháy vào Finish*		
Hoạt động 3: Luyện tập Phương pháp: Tổ chức cho hs thảo luận nhóm và tự thực hiện		
Cho csdl quản lí học sinh, tạo báo cáo thống kê học sinh có điểm trung bình môn tin từ 8.5 theo tổ a. Đưa ra câu hỏi trước khi tạo báo cáo? b. Tạo báo cáo trên	- Cho hs thảo luận theo bàn trong 5 phút sau đó gọi hs thực hiện - Sau đó gv nhận xét bài làm của học sinh rồi bổ sung	HS thảo luận theo bàn, sau đó lên bảng thực hiện
Hoạt động 4,5: Vận dụng, tìm tòi mở rộng Phương pháp: Hs tự nghiên cứu		
Nghiên cứu việc sửa thiết kế và in báo cáo được hướng dẫn trang78,79 sgk	- Ra nội dung cho hs về nghiên cứu thêm	- Hs chú ý và ghi chép nọi dung gv yêu cầu về nghiên cứu

3. Củng cố, dặn dò:

- Các bước tạo báo cáo bằng thuật sĩ.
- Về nhà chuẩn bị bài thực hành số 8.

V. Những bổ sung và rút kinh nghiệm

.....

.....

.....

.....

Ngày

Tổ trưởng kí duyệt

Lại Thị Tuyết Lan

Ngày soạn:
Ngày dạy: *Lớp dạy:*
Tiết số

Thực hành 8. TẠO BÁO CÁO

I. Mục tiêu.
1. Kiến thức
- Củng cố những kiến thức về cách tạo báo cáo.
- Biết thực hiện các kĩ năng cơ bản về tạo báo cáo nhanh và đơn giản bằng thuật sĩ.

2. Kỹ năng
- Có kỹ năng khi tạo báo cáo trong csdl
- Sau đó biết chỉnh sửa báo cáo và in ra giấy thông qua những hoạt động trong phòng máy.

3. Thái độ
- Nghiêm túc trong giờ thực hành, có tinh thần xây dựng khi hoạt động nhóm

II. Chuẩn bị
GV: Phòng máy tính, giáo án, SGK
HS: SGK

III. Tổ chức các hoạt động dạy và học
1. Ổn định, kiểm tra sĩ số lớp.
- Kiểm tra máy: Tổng số máy: Số máy hđbt: Số máy hỏng:
Sĩ số: Vắng: Có phép: Không phép:

2. Nội dung thực hành

Nội dung	Hoạt động của GV	HĐ của trò
Hoạt động 1: Khởi động GV giao máy đến học sinh, yêu cầu học sinh khởi động máy, khởi động chương trình acess và mở csdl quản lí_HS đã thực hành ở những tiết trước. Hoạt động 2: Hình thành kiến thức, luyện tập Phương pháp: Vấn đáp, học sinh tự thực hành dưới sự quản lí của giáo viên.		
Bài 1: Từ bảng HOC_SINH trong CSDL QuanLi_HS, tạo một báo cáo để in ra danh sách các học sinh gồm họ tên, ngày sinh, địa chỉ. Hãy nhóm theo giới tính (nam, nữ) và tính số học sinh nam, nữ (sử dụng hàm Count) * Các bước chính: 1 Chọn cách tạo báo bằng thuật sĩ. 2 Chọn các thông số trên hộp thoại report wizard 3 Chọn phân nhóm theo giới tính. 4 Chọn sắp xếp theo tên. 5 Chọn cách bố trí các trường.	GV: Hướng dẫn. 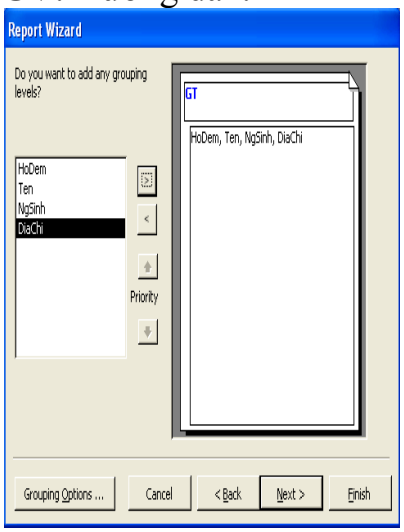	HS: Tự thực hành theo hướng dẫn của gv trên máy chiếu Tạo csdl học sinh rồi sau đó tạo nguồn cho báo cáo và tạo báo cáo

6 Chọn kiểu dáng, hình thức trình bày. 7 Đặt tiêu đề. 8 Sửa đổi báo cáo. - Thực hiện tính số người theo giới tính: B1: Vào View -> sorting and grouping sẽ xhht sau: 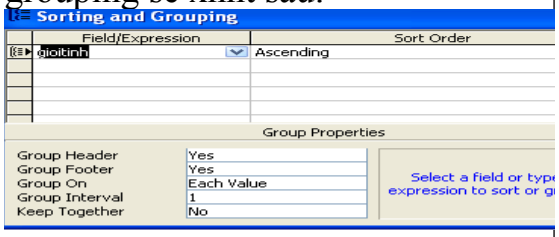 Tại ô Group Header và Group Footer ta chọn yes. B2: Tại mục gioitinh Footer ta them vào 1 text box và ghi =count(gioitinh) Chú ý: gioitinh phải ghi đúng theo tên của trường khi tạo bảng 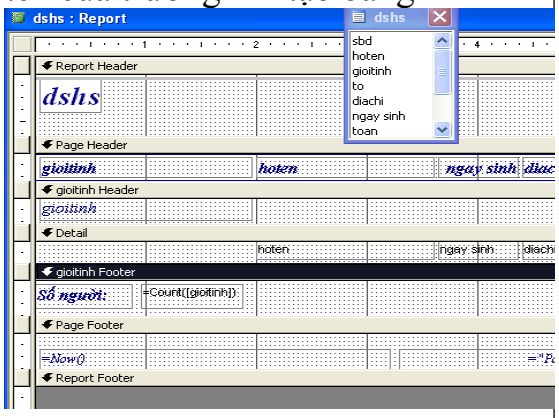	*Danh sách học sinh theo giới tính* *GT* *Ten* *HoDem* *Nam* Thuận Bùi Bình Hải Hoàng Xuân Bình Nguyễn Xuân An Nguyễn *Nữ* Hải Lê Thanh Hà Trương Hồng Anh Nguyễn Kim GV quan sát hs thực hành rồi nhận xét và sửa lỗi cho hs	- Nghe nhận xét của gv để sửa lỗi và rút kinh nghiệm cho bài của mình
Bài 2: Tạo báo cáo in danh sách học sinh khá (có điểm trung bình môn từ 6,5 trở lên) - Mẫu hỏi:	GV: Gợi ý: - Báo cáo này lấy nguồn từ bảng hay mẫu hỏi, nếu là mẫu hỏi thì mẫu hỏi này tạo thế nào? - Tạo mẫu hỏi cho danh	- Trả lời: báo cáo lấy nguồn từ mẫu hỏi gồm các thông tin: SBD, hoten, các môn học, mẫu hỏi lọc ra những hs có điểm các môn từ 6.5 trở lên HS: đặt đk ở phần

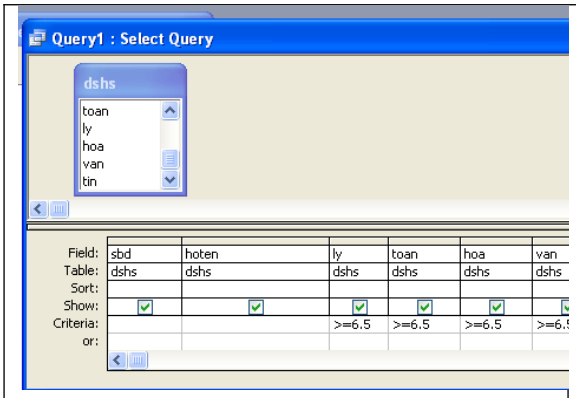	sách các học sinh khá. Hs khá là hs có điểm tb các môn từ 6.5 trở lên, vậy phải đặt điều kiện ở đâu? - Tạo báo cáo dựa trên mẫu hỏi này. - GV quan sát hs thực hành và đưa ra những lời nhận xét và hướng dẫn cho hs khi hs rút kinh nghiệm - Tổng kết 2 tiết thực hành, yêu cầu hs ghi nhờ và chuẩn bị bài mới, kiểm tra CSVC rồi cho hs tắt máy về lớp	criteria của các điểm toán,lý, hoá, văn, tin khi tạo mẫu hỏi - tạo mẫu hỏi làm nguồn và từ đó tạo báo cáo và chỉnh sửa báo cáo cho phù hợp - hs thực hành và rút kinh nghiệm từ lời nhận xét của gv - Tắt máy, đóng cửa, tắt điện về lớp
Hoạt động 4,5: Vận dụng, tìm tòi mở rộng		
Nghiên cứu việc sửa thiết kế và in báo cáo được hướng dẫn trang78,79 sgk	- Ra nội dung cho hs về nghiên cứu thêm	- Hs chú ý và ghi chép nọi dung gv yêu cầu về nghiên cứu

3. Củng cố, dặn dò.

- Về nhà chuẩn bị bài thực hành số 9.

V. Những bổ sung và rút kinh nghiệm

.....

.....

.....

.....

.....

Ngày soạn:
Ngày dạy: *Lớp dạy:*
Tiết số :

Thực hành 9. BÀI THỰC HÀNH TỔNG HỢP

I. Mục tiêu
1. Kiến thức
- Ôn lại kiến thức về tạo một csdl trong access
2. Kỹ năng
- Củng cố những kĩ năng cơ bản sử dụng Access.
- Rèn luyện để kĩ năng tạo csdl được thành thạo hơn
3. Thái độ
- Có thái độ nghiêm túc trong giờ thực hành

II. Chuẩn bị
- GV: SGK, giáo án, phòng máy
- HS: SGK

III. Tổ chức các hoạt động dạy và học
1. Hoạt động 2,3Ổn định, kiểm tra sĩ số lớp.
- Tổng số máy: Số máy hđbt: Số máy không hđ:
- Sĩ số: Vắng: Có phép: Không phép:

2. Nội dung:

<table>
<tr><th>Nội dung</th><th>Hoạt động của GV</th><th>HĐ của trò</th></tr>
<tr><td colspan="3">Hoạt động 1: Khởi động
Gv kiểm tra máy thì giao máy đến từng học sinh, yêu cầu hs khởi động máy, khởi động chương trình acess
: Hình thành kiến thức, luyện tập
Phương pháp: Vấn đáp, hs thực hành dưới sự quản lí của giáo viên</td></tr>
<tr><td>Bài 1:
a). Tạo CSDL mới có tên là học tập.
b). Tạo các bảng dữ liệu trong CSDL HOC_TAP với cấu trúc được mô tả trong bảng sau, đặt khoá chính cho mỗi bảng, mô tả tính chất của mỗi trường cho bảng.
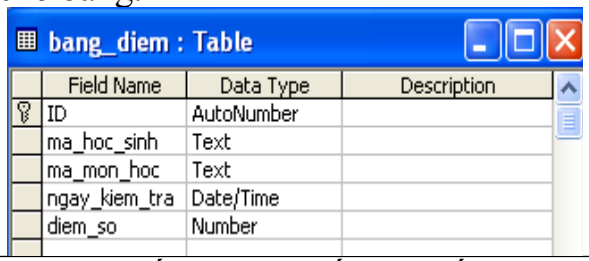
</td><td>GV: Hướng dẫn.
.
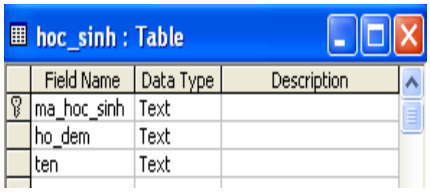

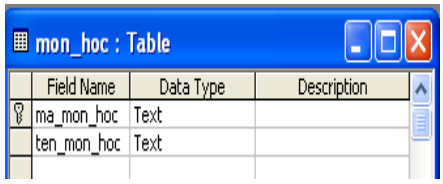
</td><td>HS: Tự thực hành</td></tr>
<tr><td>Bài 2: Thiết lập các mối liên kết:
- Giữa bang_diem và hoc_sinh.
- Giữa bang_diem với mon_hoc.</td><td>GV: Hướng dẫn
.</td><td>HS: Tự thực hành</td></tr>
</table>

<table>
<tr><td></td><td>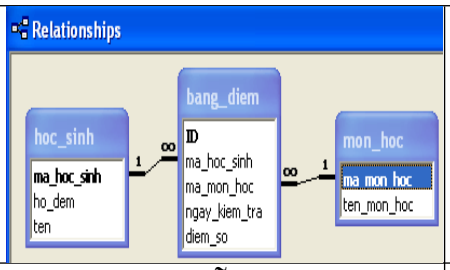
</td><td></td></tr>
<tr><td>Bài 3:
- Tạo biểu mẫu để nhập dữ liệu cho bang_diem.
- Nhập dữ liệu cho cả ba bảng (dùng cả hai cách: trực tiếp trong trang dữ liệu và dùng biểu mẫu vừa tạo).</td><td>GV: Hướng dẫn
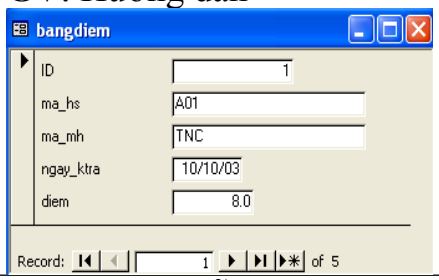
</td><td>HS: Tự thực hành.</td></tr>
<tr><td>Bài 4: Thiết kế mẫu hỏi để đáp ứng các yêu cầu sau:
a). Hiển thị họ tên của một học sinh (ví dụ: "Trần Lan Anh") cùng với điểm trung bình của học sinh đó.

b). Danh sách học sinh gồm họ và tên, điểm môn toán trong một ngày (ví dụ: ngày 12/12/2007)
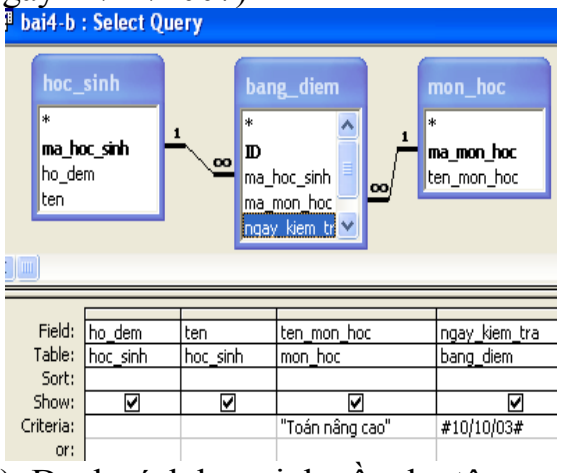

c). Danh sách học sinh gồm họ tên, điểm và sắp xếp theo ngày kiểm tra.</td><td>GV: Hướng dẫn
.
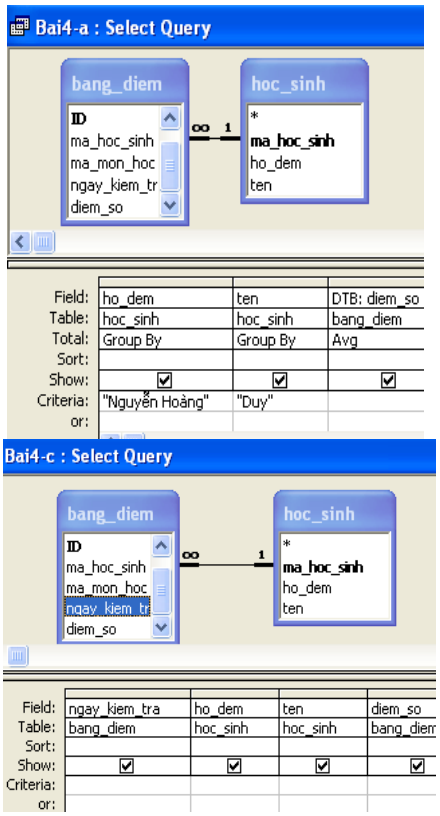
</td><td>HS: Tự thực hành.</td></tr>
<tr><td>Bài 5: Tạo báo cáo danh sách học sinh của từng môn gồm: họ tên, điểm và tính điểm trung bình theo môn.</td><td>GV: Hướng dẫn
- Tạo mẫu hỏi sau:</td><td>HS: Tự thực hành.</td></tr>
</table>

<table>
<tr>
<td>
Danh sach hoc sinh theo mon

<table>
<tr><th>ten_mon_hoc</th><th>Họ và tên</th><th>diem_so</th></tr>
<tr><td>Giải tích 1</td><td></td><td></td></tr>
<tr><td></td><td>Hoàng Hải</td><td>7.0</td></tr>
<tr><td></td><td>Nguyễn Hoàng Duy</td><td>9.0</td></tr>
<tr><td>Điểm trung bình theo môn:</td><td></td><td>8.0</td></tr>
<tr><td>Giải tích 2</td><td></td><td></td></tr>
<tr><td></td><td>Hoàng Hải</td><td>10.0</td></tr>
<tr><td>Điểm trung bình theo môn:</td><td></td><td>10.0</td></tr>
<tr><td>Toán nâng cao</td><td></td><td></td></tr>
<tr><td></td><td>Nguyễn Hoàng Duy</td><td>10.0</td></tr>
<tr><td></td><td>Nguyễn Hoàng Duy</td><td>8.0</td></tr>
<tr><td>Điểm trung bình theo môn:</td><td></td><td>9.0</td></tr>
</table>
</td>
<td>
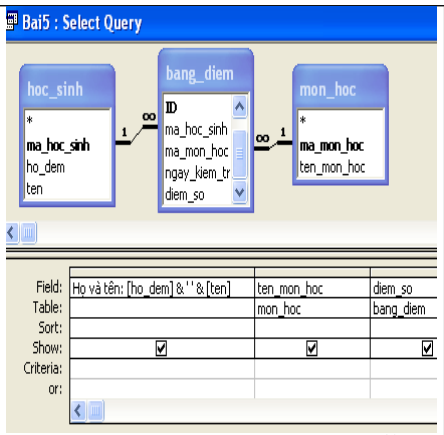

- Tạo báo cáo dựa trên mẫu hỏi này.

GV quan sát hs thực hành, và nhận xét đưa ra những lời nhắc nhở kịp thời để hs thực hành đúng
</td>
<td>HS: Tự thực hành.</td>
</tr>
<tr><td colspan="3">Hoạt động 4,5: Vận dụng và tìm tòi mở rộng
Phương pháp: hs tự nghiên cứu</td></tr>
<tr>
<td>Nghiên cứu phần sửa và in báo cáo ở sgk trang 78,79 để thực hiện các bài tập trong bài thực hành 9 hoàn thiện hơn, chuẩn mẫu hơn</td>
<td>- Yêu cầu hs nghiên cứu sgk và hoàn thiện nội dung gv yêu cầu
- Giao bài tập về nhà để hs ôn tập tiết sau kiểm tra thực hành</td>
<td>- Ghi chép nội dung gv yêu cầu về nhà hoàn thiện, ôn tập</td>
</tr>
</table>

3. Củng cố, dặn dò.

- Về nhà ôn tập các bài thực hành từ 2 đến 9.

4. Bài tập về nhà:

Câu1: Trong CSDL QuanLy_HS. Tạo các mẫu hỏi sau:

a). Tính số học sinh theo tổ.

b). Tính điểm trung bình của từng học sinh.

c). Cho biết họ và tên, ngày sinh của những học sinh là đoàn viên.

Câu2: Cho CSDL ThuVien.mdb có cấu trúc gồm ba bảng như sau:

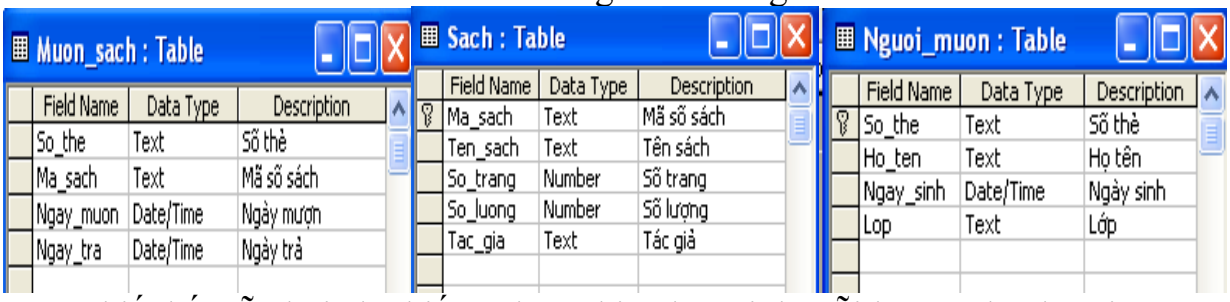

Câu1: Hãy thiết kế mẫu hỏi cho biết có bao nhiêu học sinh mỗi lớp có thẻ thư viện?

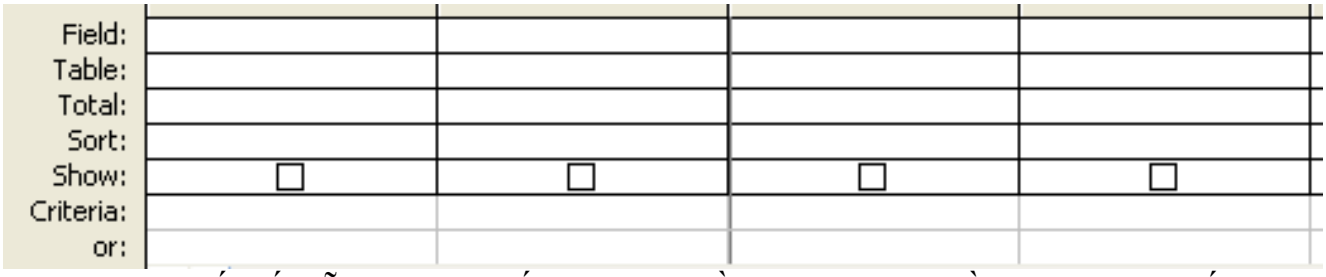

Câu2: Hãy thiết kế mẫu hỏi cho biết thông tin về các học sinh (gồm: họ và tên, số thẻ, tên sách đã mượn) đã mượn sách trong ngày 10/09/2005?

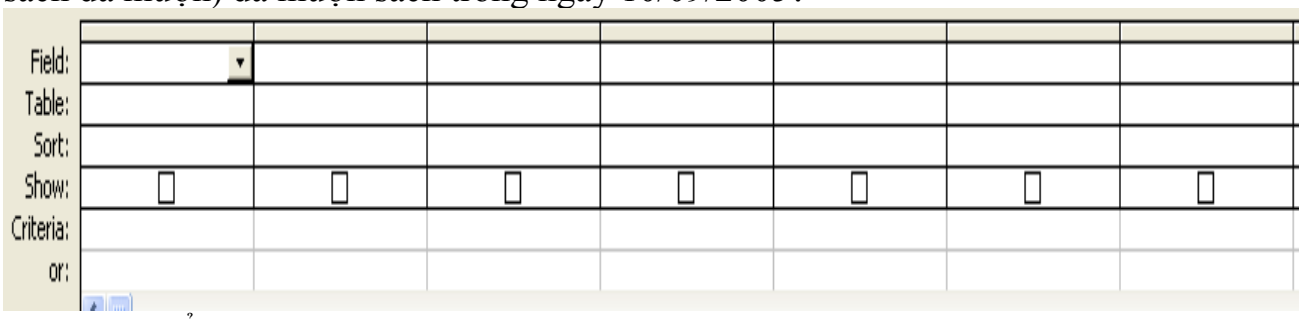

V. Những bổ sung và rút kinh nghiệm.

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

Ngày:
Tổ trưởng kí duyệt

Lại Thị Tuyết Lan

Ngày soạn:
Ngày dạy: *Lớp dạy:*
Tiết số:

BÀI TẬP CHƯƠNG II, ÔN TẬP

I. Mục tiêu
- Củng cố những kiến thức và kĩ năng cơ bản sử dụng Access thông qua các bài tập thực hành tổng hợp.

II. Chuẩn bị
- GV: Máy tính, giáo án, Projector, phòng máy
- HS: Chuẩn bị các bài tập đã cho ở nhà.

III. Tổ chức các hoạt động dạy học
1. Ổn định, kiểm tra sĩ số lớp.
2. Nội dung bài mới

Nội dung	Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
Hoạt động 1: Hình thành kiến thức, Luyện tập Phương pháp: Vấn đáp		
1. Lý thuyết - CSDL có 4 đối tượng - Bảng và cách tạo bảng - Cách liên kết các bảng - Các thao tác trên bảng - Biểu mẫu và cách tạo biểu mẫu - Mẫu hỏi và cách tạo mẫu hỏi từ 1 và nhiều bảng - Mẫu hỏi gộp nhóm và cách tạo - Báo cáo và cách tạo báo cáo	- Gv đưa ra các mục trọng tâm, yêu cầu hs ôn lại sau đó gv gọi học sinh lên vấn đáp	- Hs ôn tập phần lý thuyết để lên gv vấn đáp
Bài 1: Trong CSDL QuanLy_HS. Tạo các mẫu hỏi sau: a). Tính số học sinh theo tổ. b). Tính điểm trung bình của từng học sinh. c). Cho biết họ và tên, ngày sinh của những học sinh là đoàn viên. Bài 2: Trong CSDL Thu_Vien: a). Hãy thiết kế mẫu hỏi cho biết có bao nhiêu học sinh mỗi lớp có thẻ thư viện? b). Hãy thiết kế mẫu hỏi cho biết thông tin về các học sinh (gồm: họ và tên, số thẻ, tên sách đã mượn) đã mượn sách trong ngày 10/09/2005?	- Chia lớp làm hai nhóm, tự chuẩn bị bài sau đó gọi đại diện từng nhóm lên thực hiện bài của mình trên máy chiếu, sau đó mời học sinh nhóm khác nhận xét. Cuối cùng gv nhận xét và bổ sung , cho điểm	- Hs làm việc nhóm theo phân công của gv sau đó lên thực hiện trên máy chiếu lấy điểm

Hoạt động 3,4: Vận dụng, tìm tòi và mở rộng Phương pháp: Hs tự nghiên cứu		
Thực hiện tạo một CSDL quản lí các mặt hàng trong một cửa hàng tạp hóa với đầy đủ các đối tượng bảng, biểu mẫu, mẫu hỏi, báo cáo. Và các thao tác khai thác dữ liệu đơn giản như: tổng hợp, thống kê, tìm kiếm, lưu trữ….	- Cho nội dung hs về nhà vận dụng kiến thức cả chương và tìm tòi bên ngoài để thực hiện,	- Hs ghi chép về nghiên cứu

3. Củng cố, dặn dò.

- Về nhà ôn tập chương 1, chương 2.
- Tuần 17 thi học kì I.

IV. Rút kinh nghiệm và bổ sung

.....
.....
.....
.....
.....
.....

Ngày soạn:
Ngày dạy *lớp dạy:*
Tiết số: *KIỂM TRA THỰC HÀNH*

Đề bài:
Cho CSDL quản lý lương của công nhân gồm 1 bảng sau:
Danh sách nhân viên

Trường	Kiểu dữ liệu	Mô tả
MANV	TEXT	Mã nhân viên
HOTEN	TEXT	Họ và tên
GIOITINH	TEXT	Giới tính
NTNS	DATE TIME	Ngày tháng năm sinh
DIACHI	TEXT	Địa chỉ
PHUCAP	NUMBER	Tiền được hưởng thêm hàng tháng
NGAYCONG	NUMBER	Ngày công làm trong tháng
TO	NUMBER	Tổ làm việc

Yêu cầu:
1. Tạo CSDL trên với bảng đã cho, và nhập ít nhất 5 hàng dữ liệu
2. Tạo query1, đưa ra số ngày công lớn nhất, nhỏ nhất theo từng tổ
3. Tạo query 2 gồm các trường: MANV, HOTEN, NGAYCONG, PHUCAP, LUONG, với LUONG=PHUCAP+ NGAYCONG*200000. Rồi thực hiện sắp xếp LUONG tăng dần và lọc ra những nữ công nhân có lương trên 7 triệu hoặc nam công nhân lương trên 8 triệu
4. Tạo báo cáo gồm: MANV, HOTEN, NGAYCONG, NTNS, TO để đưa ra NGAYCONG trung bình theo tổ

Đáp án:
1. Khóa chính: MANV
2. Query 1:

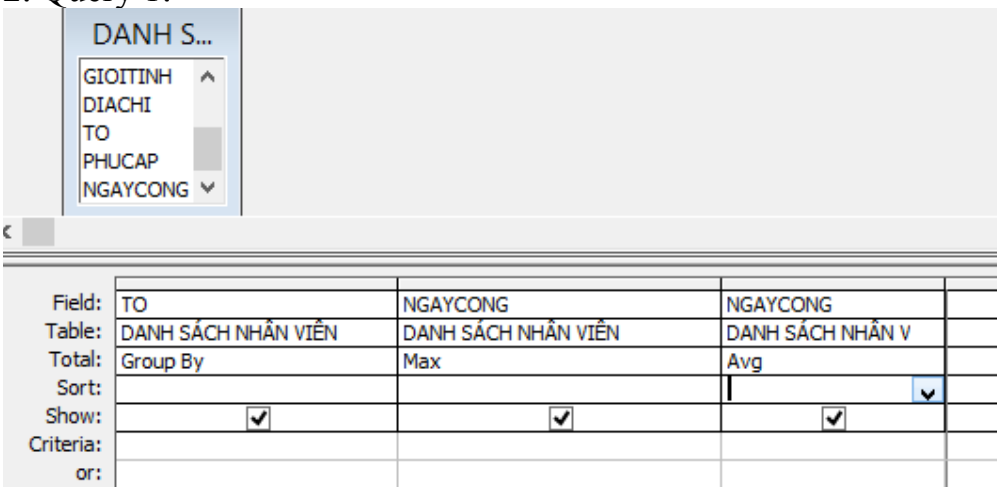

3. Query 2:

FIELD	MANV	HOTEN	PHUCAP	NGAYCONG	LUONG (1)
SORT					
CRITERIA					
OR					

Với (1) LUONG:NGAYCONG*200000+PHUCAP

4. Báo cáo:

- Báo cáo chứa: MANV, HOTEN, NGAYCONG, NTNS, TO
- Báo cáo lấy nguồn từ bảng Danh sách nhân viên
- Báo cáo nhóm dữ liệu:

+ Trường gộp nhóm: Trường TO
+ Trường tính toán: Trường NGAYCONG
+ Hàm tính toán: AVG

MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA

Chủ đề	Nhận biết Thơng hiểu	Vận dụng thấp	Vận dụng cao	Tổng
Tạo bảng và nhập dữ liệu Điểm	1 3			 3
Tạo query gộp nhĩm Điểm		2 2		 2
Tạo query lựa chọn Điểm			3 3	 3
Tạo báo cáo Điểm		4 2		 2
Tổng	3	4	3	10

Ngày soạn: *Lớp dạy:*
Tiết số: *Ngay day:*
Chương 3. CƠ SỞ DỮ LIỆU QUAN HỆ

§10. CƠ SỞ DỮ LIỆU QUAN HỆ.

I. Mục Tiêu.

* Kiến thức:
  - Biết khái niệm mô hình dữ liệu quan hệ và các đặc trưng cơ bản của mô hình này
  - Biết khái niệm CSDL quan hệ, khoá và liên kết giữa các bảng.
* Kỹ năng:
  - Có sự liên hệ với các thao tác cụ thể trình bày ở chương II.
* Thái độ
  - Có thái độ nghiêm túc trong tiết học bộ môn
  - Có tinh thần hợp tác khi tham gia hoạt động nhóm

II. Chuẩn bị

* GV: Máy tính, giáo án, Projector.
* HS: Đọc trước §10 ở nhà.

III. Tổ chức các hoạt động dạy học

1. Ổn định lớp
2. Nội dung bài mới

Nội dung chính	Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
Hoạt động 1: Tình huống xuất phát Chương trước chúng ta đã tìm hiểu về cách tạo và sử dụng một csdl, chương này chúng ta sẽ đi cũng cố lại nghiên cứu tiếp csdl để có thể phát triển csdl ở mức cao hơn Hoạt động 2: Hình thành kiến thức Phương pháp: Diễn giải, vấn đáp		
1. Mô hình dữ liệu quan hệ. - K/n: Mô hình dữ liệu là tập các khái niệm dùng để mô tả cấu trúc dữ liệu, các thao tác, phép toán trên dữ liệu, các ràng buộc dữ liệu. - Ngoài mô hình quan hệ, có một số mô hình khác như: mô hình thực thể liên kết, mô hình mạng, mô hình phân cấp, mô hình hướng đối tượng. * Các đăc trưng cơ bản của mô hình dữ liệu quan hệ (do Edga F.Codd đề xuất năm 1970): - Về mặt cấu trúc: dữ liệu được	- Các em đọc sgk và cho biết mô hình CSDL là gì? HSTL. - Nêu các đặc trưng của mô hình dữ liệu quan hệ? HSTL. - Chốt lại và nhấn mạnh:	- Chú ý quan sát và lắng nghe, ghi chép bài đầy đủ

thể hiện trong các bảng. Mỗi bảng bao gồm các hàng và các cột thể hiện thông tin về một chủ thể. - Về mặt thao tác trên dữ liệu: có thể cập nhật dữ liệu như: thêm, xoá hay sửa bản ghi trong bảng. - Về mặt các ràng buộc dữ liệu: dữ liệu trong các bảng phải thoả mãn một số ràng buộc	Hai đặc trưng về cấu trúc và các ràng buộc dữ liệu để phân biệt mô hình dữ liệu quan hệ với các mô hình dữ liệu khác.	
2. CSDL quan hệ. a). k/n(sgk) * Các thuật ngữ: - Quan hệ: chỉ bảng. - Thuộc tính: chỉ cột. - Bô (bản ghi): chỉ hàng. - Miền: chỉ kiểu dữ liệu của một thuộc tính. * Một quan hệ trong hệ CSDL quan hệ có các đặc trưng chính sau: - Mỗi quan hệ có một tên phân biệt với tên các quan hệ khác. - Các bộ là phân biệt và thứ tự các bộ là không quan trọng. - Mỗi thuộc tính có một tên phân biệt, thứ tự các thuộc tính không quan trọng. - Quan hệ không có thuộc tính đa trị hay phức hợp. b). Ví dụ.	- Gọi HS nêu khái niệm CSDL quan hệ. HSTL. Ví dụ: Miền của thuộc tính họ và tên trong CSDL Lop là tập các xâu kí tự, mỗi xâu không quá 25 kí tự. Các miền của các thuộc tính khác nhau không nhất thiết phải khác nhau. Lấy ví dụ CSDL ThuVien để giải thích cho HS. Lấy ví dụ CSDL ThuVien trang 83/sgk để	- hs đọc sgk, lắng nghe và ghi chép bài đầy đủ
c). Khóa và liên kết giữa các bảng. * Khoá: - Đ/n: Một tập hợp gồm một hay một số thuộc tính trong một bảng có tính chất vừa đủ "phân biệt được" các bộ và không thể loại bỏ bớt một thuộc tính nào để tập thuộc tính còn lại vẫn đủ "phân biệt được" các	- Các em đọc sgk, cho biết khóa là gì? - Chốt lại và giải thích thêm: - Một bảng có thể có nhiều khóa, trong các khóa của một bảng người ta thường chọn một khóa chính. - Dữ liệu trên trường	- tả lời câu hỏi và ghi bài

bộ trong bảng được gọi là một khóa của bảng đó. * Khoá chính: Một bảng có nhiều khoá. Trong các khoá của một bảng thường chọn (chỉ định) một khoá làm khoá chính (primary key). * Liên kết.	khóa chính không được để trống, không được trùng nhau. - .... - Cho HS đọc sgk và giải thích sự liên kết giữa các bảng.	

3. Củng cố.

Yêu cầu hs nắm được những điểm quan trọng của bài

IV. Rút kinh nghiệm và bổ sung

.....

.....

Ngày soạn: *Ngày dạy:*
Tiết số: *Lớp dạy:*

§11. CÁC THAO TÁC VỚI CSDL QUAN HỆ

I. Mục tiêu.
1. Kiến thức
- Biết được các chức năng mà hệ QTCSDL quan hệ phải có và vai trò, ý nghĩa của các chức năng đó trong quá trình tạo lập, cập nhật và khai thác hệ QTCSDL quan hệ.
2. Kỹ năng
- Liên hệ được với các thao tác cụ thể trình bày ở chương II.
3. Thái độ
- Có thái độ nghiêm túc trong giờ học

II. Chuẩn bị
* GV: Máy chiếu, giáo án.
* HS: Đọc trước " Các thao tác với CSDL quan hệ". ở nhà

III. Tổ chức các hoạt động dạy và học.
1. Ổn định lớp và kiểm tra sỉ số.
2. Kiểm tra bài cũ
* Khóa là gì? Trong một bảng có bao nhiêu khóa?
3. Nội dung bài mới

Nội dung chính	Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
Hoạt động 1: Tình huống xuất phát Phương pháp: Diễn giải Ở chương trước ta biết các công cụ của một hệ qtcsdl quan hệ cho phép thực hiện các việc: tạo lập và khai thác csdl, giờ ta sẽ ôn lại từng thai tác về mặt lý thuyết để cùng liên hệ lại kiến thức ở chương 2 Hoạt động 2: Hình thành kiến thức Phương pháp: Diễn giải, vấn đáp		
1. Tạo lập CSDL. * Tạo bảng. - Đặt tên các trường. - Chỉ định kiểu dữ liệu của mỗi trường. - Khai báo kích thước của trường. - Chọn khoá chính: bằng cách để hệ QTCSDL tự động chọn hoặc ta xác định khoá thích hợp (nó là khoá và số thuộc tính là ít nhất) - Đặt tên và lưu cấu trúc bảng. * Tạo liên kết giữa các bảng.	- Dựa vào sơ đồ trên, giải thích và hệ thống các chức năng của hệ QTCSDL. Hỏi: Lấy ví dụ ? - Thực hiện trên máy tính để giải thích. - Nêu các bước tạo bảng trong Access? - Những tiêu chí nào giúp ta chọn khoá chính? - Các bước đặt tên và lưu cấu trúc bảng. - Các bước tạo liên kết giữa	- HSTL - Quan sát và lắng nghe và trả lời

	các bảng.	
2. Cập nhật dữ liệu. - Có thể nhập dữ liệu trực tiếp từ các bảng. - Hoặc dùng biểu mẫu để nhập dữ liệu. - Dữ liệu nhập vào có thể được chỉnh sửa, thêm, xoá.	- Qua những nội dung đã thực hành hãy cho biết những đt nào có thể nhập được dữ liệu?	Hs trả lời
3. Khai thác CSDL a). Sắp xếp bản ghi b). Truy vấn CSDL. Để phục vụ được việc truy vấn CSDL, thông thường các hệ QTCSDL cho phép nhập các biểu thức hay các tiêu chí nhằm mục đích sau: - Định vị các bản ghi. - Thiết lập mối quan hệ hay các liên kết giữa các bảng đã kết xuất thông tin. - Liệt kê một tập con các bản ghi (lọc) - Thực hiện các phép toán. - Xóa một số bản ghi. - Thực hiện các thao tác quản lí dữ liệu khác.	- Các em liên hệ chương 2 để lấy ví dụ minh họa? - Giải thích thêm: Hệ QTCSDL quan hệ hỗ trợ việc khai báo truy vấn qua các cửa sổ với hệ thống bảng chọn thích hợp. Trong đó có thể chọn các bảng và các cột thuộc tính liên quan đến dữ liệu cần cho truy vấn. SQL là một công cụ mạnh trong các hệ QTCSDL quan hệ thông dụng hiện nay. Nó cho phép người dùng thể hiện truy vấn mà không cần biết nhiều về cấu trúc CSDL. - Thực hiện trên máy tính để giải thích.	HSTL - Quan sát và lắng nghe
c). Xem dữ liệu. Có nhiều cách để xem dữ liệu: - Có thể xem toàn bộ bảng. - Có thể dùng công cụ lọc để xem một tập con các bản ghi hoặc một số trường trong một bảng. - Có thể tạo ra biểu mẫu để xem các bản ghi.	Hỏi: Các em liên hệ chương 2 để lấy ví dụ minh họa? GV: Thực hiện trên máy tính để giải thích. .	HSTL. - Quan sát và lắng nghe
d). Kết xuất báo cáo. * Đ/n: Kết xuất báo cáo là chuẩn bị để đưa thông tin ra dưới dạng phù	Hỏi: Các em liên hệ chương 2 để lấy ví dụ minh họa? GV: Thực hiện trên máy	- HSTL

hợp với các quy định về văn bản giấy tờ. Thông trường báo cáo sẽ được in để gửi đi các nơi liên quan hoặc lưu trữ dưới dạng sổ sách. * Điều cần lưu ý khi kết xuất báo cáo là phải đảm bảo: - Hình thức hợp lí, đúng qui định (tiêu đề, kiểu chữ, kích thước,....). - Phù hợp với khổ giấy, thường là A4.	tính để giải thích.	- Quan sát và lắng nghe.
Hoạt động 3,4,5: Luyện tập, vận dụng, tìm tòi và mở rộng Phương pháp: Vấn đáp, hs tự nghiên cứu		
1. Hãy nêu một công việc có thể dùng máy tính để quản lí 2. Khi nào cần kết xuất thông tin từ csdl và những thông tin nào được kết xuất? Hãy phác thảo một số mẫu báo cáo cần có 3. Hãy cho một số ví dụng về truy vấn phục vụ cho việc kết xuất báo cáo thông tin ở bài toán này.	- Yêu cầu học sinh về nhà nghiên cứu nội dung đề ra	- Ghi nội dung về nghiên cứu và thực hiện theo yêu cầu của giáo viên

4. Củng cố, dặn dò
   - Các nhóm chức năng chính của hệ QTCSDL quan hệ.
   - Học kĩ:"Bài 10 và 11- có liên hệ chương II", để tuần sau kiểm tra một tiết.

IV. Rút kinh nghiệm và bổ sung

.....
.....
.....

Ngày soạn: *Lớp dạy:*
Ngày dạy:
Tiết số:

Bài tập & thực hành 10. HỆ CƠ SỞ DỮ LIỆU QUAN HỆ.

I. Mục tiêu
1. Kiến thức
- Biết chọn khoá cho các bảng dữ liệu trong một bài toán quen thuộc.
2. Kỹ năng
- Biết cách xác lập liên kết giữa các bảng thông qua khoá để có thể tìm được những thông tin liên quan đến một cá thể được quản lí.
3. Thái độ
- Có thái độ nghiêm túc trong giờ học bộ môn
2. Chuẩn bị
* GV: Phòng máy, SGK, bài soạn
* HS:SGK, vở ghi
III. Tổ chức các hoạt động dạy học
1. Ổn đinh lớp
2. Nội dung thực hành

<table>
<tr><th><u>Nội dung chính</u></th><th><u>Hoạt động của GV</u></th><th><u>Hđ của trò</u></th></tr>
<tr><td colspan="3">Hoạt động 1: Chuẩn bị</td></tr>
<tr><td></td><td>- Gv kiểm tra máy và phân công đến học sinh, giao nội dung thực hành cho học sinh</td><td>- tiếp nhận máy, khởi đọn máy, khởi động chương trình</td></tr>
<tr><td colspan="3">Hoạt động 2: Hướng dẫn thực hành (hình thành kiến thức), luyện tập
Phương pháp: Vấn đáp, học sinh thực hành dưới sự quản lí của giáo viên</td></tr>
<tr><td>Sở GD của một tỉnh tổ chức kì thi để kiểm tra chất lượng môn Toán cho các lớp 12 của tỉnh. Trong CSDL quản lí kì kiểm tra này có ba bảng dưới đây:
Bảng ThiSinh
<table>
<tr><th>STT</th><th>SBD</th><th>Họ & tên</th><th>Ng,Sinh</th><th>Trường</th></tr>
<tr><td>1
2
3
4
....</td><td>HA10
HA11
HA12
HA13
....</td><td>Đỗ Hà Anh
Lê Như Bo
Bùi Thị</td><td>2/1/90
14/2/90
5/2/91
3/4/90</td><td>Lê H Phong
Phan.Ch.Trinh
Lê H Phong
Phan.Ch.Trin</td></tr>
</table></td><td>- Đưa ra nội dung thực hành:
Bảng DanhPhach
<table>
<tr><th>STT</th><th>SBD</th><th>Phách</th></tr>
<tr><td>1
2
3
4
....</td><td>HA10
HA11
HA12
HA13
....</td><td>S28
S27
S26
S25
....</td></tr>
</table>
Bảng DiemThi
<table>
<tr><th>STT</th><th>Phách</th><th>Điểm</th></tr>
</table></td><td>- Chú ý quan sát GV đưa ra nội dung thực hành</td></tr>
</table>

	2 HA1 3	Tý Trần Là	....	h ....

Bảng ThiSinh được niêm yết cho tất cả các thí sinh biết. Bảng DanhPhach là bí mật chỉ có người đánh phách và chủ tịch hội đồng thi giữ. Bảng DiemThi có các giáo viên trong hội đồng chấm thi biết.

Bảng KetQuaThi

STT	SBD	Họ&Tên	Ng.Sinh	Trường	Điểm

* Yêu cầu:

1	S28	9
2	S27	6
3	S26	8
4	S25	10
....	....	....

Việc tạo ba bảng để đảm bảo tính bảo mật cho kì thi:
- Giáo viên chấm thi không biết bài thi mình chấm có số báo danh nào (của HS nào) mà chỉ biết số phách của bài thi đó.
- Chủ tịch hội đồng thi thì biết ứng với một số phách là số báo danh (học sinh) nào nhưng không được tham gia chấm thi.
- Có thể liên kết ba bảng trên để có được bảng KetQuaThi dưới đây.

Bài 1: Em hãy chọn khoá cho mỗi bảng trong CSDL trên và giải thích lí do lựa chọn đó. Đáp án: bảng THÍ SINH khoá chính có thể là STT hoặc SBD, bảng ĐIỂM khoá chính là Số phách hoặc STT, bảng PHÁCH có khoá chính là SBD hoặc Số phách hoặc SBD	- Cho HS làm theo nhóm. - Tổng hợp và đưa ra phương án thích hợp nhất.	- Thảo luận nhóm và trả lời cho GV qua giấy.
Bài 2: Em hãy chỉ ra các mối liên kết cần thiết giữa ba bảng để có được kết quả thi thông báo cho thí sinh Nhìn vào bảng Kết quả thi thấy có các trường STT, SBD, Họ tên, Trường, NTNS đều lấy từ bảng THÍ SINH, còn điểm lấy từ bảng Điểm, nhưng muốn lấy được điểm cần có số phách. Do vậy nguồn của bảng Kết Quả thi là cả 3 bảng: THÍ SINH, SỐ PHÁCH, ĐIỂM	- Cho HS làm theo nhóm. - Tổng hợp và đưa ra phương án thích hợp nhất.	- Thảo luận nhóm và trả lời cho GV qua giấy
Bài 3: Hãy dùng hệ CSDL Access để làm các việc sau:	- Cho HS thực hiện trên máy tính, mỗi máy	Thực hiện yêu cầu

- Tạo lập CSDL nói trên: gồm ba bảng (mỗi bảng với khoá đã chọn), thiết đặt mối quan hệ cần thiết, nhập dữ liệu giả định (ít nhất là 10 thí sinh) - Đưa ra kết quả thi để thông báo cho thí sinh. - Đưa ra kết quả thi theo trường (tạo báo cáo có nguồn là query Kết quả thi). - Đưa ra kết quả thi của toàn tỉnh theo thứ tự giảm dần của điểm thi	1-2 HS. Gợi ý: - Dùng mẫu hỏi.	
Hoạt động: Vận dụng, tìm tòi mở rộng		
Trong scdl trên hãy tạo 1. query tính trung bình điểm thi theo trường 2. Query đếm số học sinh theo trướng dự thi 3. Tạo bái cáo đưa ra các thông tin: trường, sbd, hoten, điểm thi rồi thống kê điểm trung bình, điểm lớn nhất, bé nhất theo trường.	Giao bài tập về nhà cho học sinh nghiên cứu thêm	Hs ghi bài tập về ôn

3. Củng cố, dặn dò:
   - Ôn lại cách tạo bảng, lkết giữa các bảng, tạo mẫu hỏi.
   - Chuẩn bị bài mới: "Các thao tác với CSDL quan hệ".

IV. Rút kinh nghiệm và bổ sung

.....

.....

Ngày soạn: *Ngày dạy:*
Tiết số:44 *Lớp dạy:*
Chương IV. KIẾN TRÚC & BẢO MẬT
CÁC HỆ CƠ SỞ DỮ LIỆU

§12. CÁC LOẠI KIẾN TRÚC CỦA HỆ CƠ SỞ DỮ LIỆU

I. Mục tiêu
1. Kiến thức
- Biết khái niệm về các cách tổ chức CSDL tập trung và CSDL phân tán.
- Biết ưu, nhược điểm của mỗi cách tổ chức.
2. Kỹ năng
- Có sự liên hệ với các thao tác cụ thể được trình bày ở chương II.
3. Thái độ
- Có thái độ nghiêm túc trong giờ học
II. Chuẩn bị:
* GV: Máy chiếu, giáo án, các tài liệu liên quan, SGK
* HS: Đọc trước " Các loại kiến trúc của hệ CSDL". ở nhà, SGK, vở ghi
III. Tổ chức các hoạt động dạy học
1. Ổn định lớp
Sĩ số: Vắng: Có phép: Không phép:
2. Kiểm tra bài cũ (bỏ qua)
3. Nội dung bài mới

Nội dung	Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
Hoạt động 1: Khi xây dựng csdl với một quy mô lớn lưu trữ dữ liệu trên các máy tính khác nhau, csdl gồm các csdl con, mỗi csdl được đặt ở các máy tính con ở xa nhau kết nối với nhau bằng mạng máy tính, khi xây dựng tùy theo mục đích sử dụng để chọn một loại kiến trúc phù hợp, có hai loại kiến trúc: tập trung và phân tán. Chúng ta sẽ đi tìm hiểu từng loại kiến trúc		
Hoạt động 2: Hình thành kiến thức		
Các loại kiến trúc hệ CSDL là tập trung và phân tán: 1. Các hệ cơ sở dữ liệu phân tán a. Khái niệm CSDL phân tán CSDL phân tán là một tập hợp dữ liệu có lien quan về mặt logic được dùng chung và phân tán về mặt vật lí trên một mạng máy tính Một hệ QTCSDL phân tán là một hệ	- GV: Lấy ví dụ về hệ CSDL phân tán Ngân hàng NN và PTNT có rất nhiều chi nhánh, ở mỗi thành phố, huyện có một chi nhánh, CSDL tại mỗi chi nhánh quản lí các tài khoản của dân cư tại khu vực đó, thông qua một	- Chú ý nghe giáo viên giảng bài và ghi chép.

thống phần mềm cho phép quản trị CSDL phân tán và làm cho người dùng không nhận thấy sự phân tán Ví dụ: Một ngân hang quốc gia có nhiều chi nhánh, ở mỗi thành phố có một chi nhánh, CSDL tại mỗi chi nhánh quản lí các tài khoản của dân cư và đơn bị kinh doanh tại thành phố này b. Một số ưu điểm và hạn chế của các hệ CSDL phân tán (SGK)	mạng truyền thông, các CSDL tại các chi nhánh tạo thành một hệ CSDL phân tán. một người muốn lập tài khoản hay gữi tiên vào tài khoản theo ngân hàng này không nhất thiết phải đi đến ngân hàng chính mà chỉ cần đến tại các chi nhánh đặt tại các huyện cũng có thể thực hiện được - Mạng điện thoại hiện nay cũng là hệ csdl phân tán GV: Yêu cầu hs lấy thêm ví dụ về hệ phân tán GV: Học sinh tự rút ra những ưu và hạn chế của hệ csdl phân tán	- Hs thảo luận và lấy thêm các ví dụ về csdl phân tán
Hoạt động: Vận dụng, tìm tòi mở rộng		
Tìm hiểu ngoài thực tế để lấy ví dụ về csdl phân tán	- Đưa ra yêu cầu cho hs về nghiên cứu	- Hs về nhà nghiên cứu nội dung gv đề ra

4. Cũng cố
   - Nhắc lại các kiến trúc của CSDL
   - Các khái niệm về CSDL phân tán

IV. Rút kinh nghiệm và bổ sung

.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....

Ngày soạn:
Ngày dạy:
Tiết số: 45 *Lớp dạy:*

§13. BẢO MẬT THÔNG TIN TRONG CÁC HỆ CƠ SỞ DỮ LIỆU

I. Mục tiêu
1. Kiến thức
- Biết khái niệm bảo mật và sự tồn tại các qui định, các điều luật bảo vệ thông tin.
- Biết một số cách thông dụng bảo mật CSDL.

2. Kỹ năng
- Biết một số cách thông dụng bảo mật CSDL

3. Thái độ
- Có ý thức và thái độ đúng đắn trong việc sử dụng và bảo mật CSDL.

II. Chuẩn bị
* GV: Máy chiếu, giáo án, các tài liệu liên quan, SGK
* HS: Vở ghi, SGK.

III. Tổ chức các hoạt động dạy học
1. Ổn định lớp
Sĩ số: Vắng: Có phép: Không phép:
2. Kiểm tra bài cũ (Bỏ qua)
3. Nội dung bài mới

Nội dung	Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
Hoạt động: Tình huống xuất phát Khi sử dụng csdl quan trọng nhất là tính bảo mật thông tin tức là ngăn chặn những truy cập không được phép, khôi phục dữ liệu khi có sự cố về phần mềm và phần cứng, hạn chế tối đa sự sai sót của người dùng…Vì vậy nên biện pháp để bảo mật thông tin là rất cần thiết. Tiết này ta sẽ đi tìm hiểu xem có những biện pháp nào để bảo mật thông tin khi sử dụng csdl. Hoạt động: Hình thành kiến thức		
1. Chính sách và ý thức: - Ở cấp quốc gia, Nhà nước phải có những chủ trương, chính sách, điều luật về bảo mật. Trong các tổ chức, người đứng đầu phải đưa ra những qui định, cấp tài chính, nguồn lực cho vấn đền bảo mật. - Người phân tích thiết kế và quản trị CSDL phải có những giải pháp tốt về phần cứng và phần mềm thích hợp để bảo mật	- Bảo mật trong hệ CSDL là: Ngăn chặn các truy cập không được phép, hạn chế tối đa các sai sót của người dùng, đảm bảo thông tin không bị mất hoặc thay đổi, không tiết lộ nội dung	- Chú ý quan sát và lắng nghe

thông tin thông tin, bảo vệ hệ thống. - Người dùng cần có ý thức coi thông tin là tài nguyên quan trọng, cần có trách nhiệm cao, thực hiện tốt các quy trình, quy phạm do người quản trị hệ thống yêu cầu, tự giác thực hiện các điều khoản do pháp luật quy định	dl và ct xử lí Các giải pháp để bảo mật hệ thống gồm những nội dung nào ta cùng nghiên cứu - Yêu cầu hs đọc sgk và trả lời câu hỏi *Các giải pháp chủ yếu khi bảo mật hệ thống CSDL?* - Nhấn mạnh các ý đúng của HS và giải thích thêm: * Nội dung công tác bảo vệ là: - Không được truy cập tới dữ liệu ngoài phạm vi quyền hạn mình được phép biết. - Không được xoá, bổ sung, sửa đổi dữ liệu ngoài phạm vi quyền hạn của mình. - Không được xoá hay thay đổi các mô đun chương trình trong hệ QTCSDL.	-: Đọc sách và trả lời tóm tắt
2. Phân quyền truy cập và nhận dạng người dùng:	- Điểm khó trong công tác bảo vệ là mỗi người dùng có những thẩm quyền khác nhau đối với dữ liệu trong CSDL. Chính vì vậy mà mỗi hệ CSDL phải quản lí người dùng, cấp phát cho họ các quyền truy cập và xử lí tương ứng. Một điểm khó thứ hai là: làm thế nào để HT biết được người đang	

	tra cứu thông tin chính là người được khai báo trong đăng nhập hệ thống. Ví dụ: Bạn phải phân phối các dụng cụ thể thao cho các bạn trong trường sinh hoạt ngoại khoá. Các dụng cụ chỉ giao cho những người trong đội chuẩn bị thi đấu ở môn tương ứng. Một bạn đến nhận vợt cầu lông. Làm thế nào bạn biết chắc chắn đó đúng là một bạn trong đội thi đấu cầu lông để giao? GV: Giới thiệu bảng phân quyền truy cập của CSDL Điểm trong sgk.	
3. Mã hoá thông tin và nén dữ liệu: Các thông tin quan trọng và nhạy cảm thường được lưu trữ dưới dạng mã hoá để giảm khả năng rò rỉ. Có nhiều cách mã hoá khác nhau.	- Em hãy chỉ ra những cách mã hoá thông tin và nén dữ liệu mà em biết? - Nhấn mạnh các ý kiến đúng và bổ sung.	HSTL.
4. Lưu biên bản. * Biên bản hệ thống cho biết: - Số lần truy cập vào hệ thống, từng thành phần của hệ thống, từng yêu cầu tra cứu,... - Thông tin về một số lần cập nhật cuối cùng: nội dung cập nhật, người thực hiện, thời điểm cập nhật,.... * Biên bản hệ thống dùng để: - Trợ giúp việc khôi phục dữ liệu khi có sự cố kĩ thuật trong hoạt động của hệ CSDL. - Đánh giá mức độ quan tâm của người dùng với các dữ liệu, dạng truy vấn. - Để phát hiện các truy vấn không bình	- Qua tìm hiểu SGK và thực tế em hãy lấy ví dụ về bảo mật bằng pp này	- Hs thảo luận và trình bầy

thường, từ đó có biện pháp xử lí hành chính.		
Hoạt động: Luyện tập, Vận dụng, mở rộng		
Với mỗi một giải pháp bảo vệ csdl, hãy lấy 3 ví dụ minh họa trong thực tế các csdl, ví dụ: quản lí tiền điện nước, quản lí điểm, quản lí tài khoản ngân hàng, quản lí bán hàng…	- Đưa yêu cầu cho hs về nhà nghiên cứu	- Tiếp nhận yêu cầu của hs về thực hiện

4. Củng cố
   - Học bài cũ.
   - Trả lời các câu hỏi trang 104 -sgk.
   - Chuẩn bị bài: "Bài tập & thực hành 11"

IV. Rút kinh nghiệm và bổ sung

.....

.....

.....

Ngày soạn: *Ngày dạy:*
Tiết số: *Lớp dạy:*

Bài tập & thực hành 11. BẢO MẬT CƠ SỞ DỮ LIỆU

I. Mục tiêu:

1. Kiến thức

Qua bài toán quản lí một cơ sở kinh doanh, HS cần đạt được các yêu cầu sau:

- Hiểu thêm khái niệm và tầm quan trọng của bảo mật CSDL.
- Biết một số cách thông dụng bảo mật CSDL.

2. Kỹ năng

- Biết bảo mật thông tin khi sử dụng ccsdl

3. Thái độ

- Có thái độ đúng đắn trong việc sử dụng và bảo mật CSDL.

II. Chuẩn bị

* GV: Máy chiếu, giáo án,SGK, phòng máy tính thực hành

* HS: Đọc trước " Bài tập & thực hành 11". ở nhà, SGK

III. Tổ chức các hoạt động dạy học

1. Ổn định lớp

Sĩ số: Vắng: Có phép: Không phép

2. Nội dung thực hành

Hoạt động 1: Chuẩn bị

GV sau khi kiểm tra máy giao cho học sinh thì yêu cầu học sinh khởi động máy, khởi động acess.

Hoạt động 2: Luyện tập, thực hành

Đề bài:

Một cửa hàng buôn bán hàng điện tử thường xuyên nhận hàng từ một số công ti và bán lại cho các khách hàng. Hàng nhập và xuất trực tiếp từ kho của cửa hàng (để bài toán đơn giản, hạn chế chỉ có một thủ kho kiêm người giao hàng). Cửa hàng này đã xây dựng một CSDL BAN_HANG (bán hàng) gồm các bảng sau:

Bảng MAT_HANG (mặt hàng - quản lí các mặt hàng)

MaHang	TenHang	DonVi	GiaMua	HangSX	GiaBan
(mã hàng)	(tên hàng)	(đơn vị tính)	(giá mua một đơn vị)	(hãng sản xuất)	(giá bán một đơn vị)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)

Bảng KHACH_HANG (khách hàng - quản lí khách hàng)

MaKhach	HoTen	DiaChiKh	DienThoaiKh	TaiKhoanKH
(mã khách hàng)	(họ và tên)	(địa chỉ)	(số điện thoại)	(tài khoản)

(1)	(2)	(3)	(4)	(5)

Bảng CONG_TI (công ti - quản lí các công ti cung cấp hàng)

MaCT	TenCT	DiaChiCT	ĐienThoaiCT	TaiKhoanCT
(mã công ti)	(tên công ti)	(địa chỉ công ti)	(điện thoại công ti)	(tài khoản công ti)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)

Bảng PHIEU_NHAP (phiếu nhập - quản lí phiếu nhập hàng)

SoPhieuNhap	MaCT	MaHang	SoLuong	NgayNhap
(số phiếu nhập)	(mã công ti)	(mã hàng)	(số lượng)	(ngày nhập)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)

Bảng PHIEU_XUAT (phiếu xuất - quản lí phiếu xuất hàng)

SoPhieuXuat	NgayNhap	MaKhach	MaHang	SoLuong	GiaBan
(số phiếu xuất)	(ngày nhập)	(mã khách hàng)	(mã hàng)	(số lượng)	(giá bán một đơn vị)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)

Các đối tượng sử dụng chương trình quản lí CSDL BAN_HANG là:
- Khách hàng.
- Thủ kho (kiêm người giao hàng)
- Kế toán
- Người quản lí cửa hang

NỘI DUNG	HĐ CỦA THẦY	HĐ CỦA TRÒ
Bài 1: Mỗi đối tượng sử dụng chương trình quản lí CSDL BÁN HÀNG trên sẽ yêu cầu chương trình có những chức năng gì?	Chia HS thành 4 nhóm, giả sử mỗi nhóm là một đối tượng sử dụng hệ CSDL BAN_HANG. Cụ thể là: - Khách hàng. - Thủ kho kiêm người giao hàng (hạn chế để chương trình không quá phức tạp) - Kế toán - Người quản lí cửa hàng. Hướng dẫn và gợi ý những kiến thức thực tế mà HS còn hạn chế để có kết luận đúng.	Mỗi nhóm tìm các chức năng cần có của chương trình phục vụ nhóm của mình. Sau đó các nhóm trình bày trao đổi ý kiến đã thống nhất trong nhóm với cả lớp. Các nhóm khác tham gia góp ý đi đến kết luận thống nhất cuối cùng.

Bài 2: Giả sử chương trình có các chức năng: - Khách hàng được biết tên, số lượng các mặt hàng còn trong cửa hàng, một số thông tin cần thiết về mặt hàng. - Thủ kho biết được tình hình hàng nhập, xuất và tồn kho. - Kế toán biết được tình hình thu, chi. - Người quản lí cửa hàng biết được mọi thông tin, trong đó đặc biệt quan tâm về tình hình xuất/nhập từng loại mặt hàng, tình hình kinh doanh của từng mặt hàng. - Bảo mật CSDL. Nếu chức năng bảo mật CSDL được thực hiện bằng bảng phân quyền, thì từng đối tượng nêu trên có thể được trao những quyền gì? Dưới đây là một bảng thể hiện phân quyền, theo em, những đặc điểm nào chưa phù hợp, vì sao? (Bảng phân quyền ở trang 107)	Khuyến khích các nhóm tranh luận khi ý kiến chưa thống nhất. Tuy nhiên, vì đã đơn giản hoá bài toán thực nên có thể sinh những tình huống khó thống nhất, khi đó nên theo một giả định nào đó thay cho thực tế (GV quyết định) - Chia nhóm như trên. - Tiếp tục giữ vai trò hướng dẫn và gợi ý khi cần thiết. Cố gắng để HS tự đi tới sự thống nhất giữa các nhóm trên cơ sở hiểu rõ chức năng của từng đối tượng và vai trò của bảo mật. - Tập trung những đề nghị sửa đổi trên bảng phân quyền và đưa ra hình thức sao cho cả lớp tập trung nhận biết.	- Trên các chức năng của mỗi đối tượng (tương ứng với mỗi nhóm HS), các nhóm trước hết tự tìm hiểu về quyền được trao cho nhóm mình trong bảng phân quyền nêu trong đề bài đã phù hợp chưa? Điểm nào phù hợp, điểm nào chưa? Vì sao? Đề nghị sửa đổi. Sau đó trao đổi thảo luận với các nhóm khác. - Cả lớp suy nghĩ và thảo luận rồi tìm ra câu trả lời - Cùng thống nhất ý kiến cuối cùng của GV
Hoạt động: Vận dụng, tìm tòi		
Bài 3: Khi xây dựng CSDL, người ta thường tạo giao diện có trang đầu tiên chứa các nút lệnh yêu cầu người dùng khai báo định danh (tên, mật khẩu) và xác định quyền truy cập. Sau khi khai báo,	- Chuẩn bị một chương trình ứng dụng Access đã dùng trong thực tế có thực hiện bảo mật bằng phân quyền. Sau đó thao tác để nhấn mạnh hơn về tầm quan trọng	

trang tiếp theo được mở sẽ hiển thị một danh sách các chức năng tương ứng với những quyền truy cập mà người dùng được phép sử dụng. Người dùng chỉ có thể sử dụng những chức năng này để truy cập phần dữ liệu với các mức phân quyền mà người lập trình đã dành cho. Theo em, vì sao người ta làm như vậy?	của bảo mật CSDL. - Khuyến khích HS đề xuất các ý tưởng khác về bảo mật	

4. Củng cố và dặn dò: (3')

- Nhắc nhở một số nội dung hs còn mắc nhiều trong bài thực hành

IV. Rút kinh nghiệm và bổ sung

.....
.....
.....
.....

Ngày
Tổ trưởng kí duyệt

Lại Thị Tuyết Lan

Ngày soạn:

Ngày dạy: *Lớp dạy:*

Tiết số:

BÀI TẬP

I. Mục tiêu

Nhằm đánh giá hs về các kiến thức trong nội dung chương 3,4.

II. Chuẩn bị

- GV: SGK, bài soạn
- HS: SGK, vở ghi

III. Tổ chức các hoạt động dạy học

1. Ổn định lớp

Sĩ số: Vắng: Có phép: Không phép:

2. Kiểm tra bài cũ

3. Nội dung ôn tập

NỘI DUNG	HĐ CỦA THẦY	HĐ CỦA TRÒ
Câu 1: Hãy nêu các công việc cần thực hiện khi tạo một bảng trong CSDL quan hệ? Câu 2: Hãy trình bày các ưu điểm của hệ CSDL phân tán?	- GV đưa ra câu hỏi và gọi hs lên bảng trình bầy. Cuối cùng gv đưa ra đáp án và chấm điểm Câu1: (2 điểm) Các công việc cần thực hiện khi tạo một bảng trong CSDL quan hệ: - Đặt tên trường. - Chỉ định kiểu dữ liệu cho trường. - Khai báo kích thước của trường. Câu2: (3 điểm) Các ưu điểm của hệ CSDL phân tán: - Cấu trúc phân tán dữ liệu thích hợp với bản chất phân tán của nhiều người dùng. - Dữ liệu được chia sẻ cho các nút trên mạng nhưng vẫn cho phép quản trị dữ liệu địa phương (dữ liệu đặt tại mỗi nút) - Dữ liệu có tính tin cậy	- HS suy nghỉ và chuẩn bị trong vòng 10 phút rồi thực hiện yêu cầu của gv - Hs khác nhận xét

	cao vì khi một nút gặp sự cố, có thể khôi phục được dữ liệu tại đây do bản sao của nó có thể được lưu trữ tại một hoặc một vài nút khác nữa. - Cho phép mở rộng các tổ chức một cách linh hoạt. Có thể thêm nút mới vào mạng máy tính mà không ảnh hưởng đến hoạt động của các nút sẵn có.	
Câu 3: Trong mô hình dữ liệu quan hệ, khoá là gì và tại sao cần có khoá?	Câu3: (2 điểm) - Khoá là một tập hợp gồm một hay mọt số thuộc tính trong một bảng có tính chất vừa đủ để "phân biệt được" các bộ hay không thể loại bớt một thuộc tính nào được gọi là một khoá của bảng đó. - Cần có khoá vì khoá dùng để phân biệt các bộ dữ liệu và phục vụ cho việc tạo mối liên kết giữa các bảng.	
Câu 4: Hãy nêu các giải pháp bảo mật thông tin trong hệ CSDL quan hệ?	Câu4: (3 điểm) Các giải pháp bảo mật thông tin trong hệ CSDL quan hệ: - Tạo tập dữ liệu con hoặc sơ đồ truy cập hạn chế tới dữ liệu trong CSDL. - Xây dựng bảng phân quyền truy cập để đảm bảo mỗi nhóm người dùng chỉ có quyền sử dụng một số dịch vụ nhất định của hệ QTCSDL. - Xây dựng các thủ tục thực hiện truy cập hạn chế theo bảng phân quyền đã xác định. - Mã hoá thông tin và	

	biểu diễn thông tin theo cấu trúc đã mã hoá. - Nhận dạng người dùng, xác định nhóm của họ để cung cấp đúng những dịch vụ mà họ được phép sử dụng.	

4. Củng cố

Gv tổng hợp lại kiến thức toàn bài

IV. Rút kinh nghiệm và bổ sung

.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....

Ngày soạn:
Ngày dạy:

KIỂM TRA 1 TIẾT

ĐỀ BÀI

Câu 1: Hãy nêu khái niệm CSDL phân tán là gì? Lấy ví dụ về CSDL phân tán
Câu 2: Nêu các biện pháp bảo mật thông tin trong CSDL, mỗi biện pháp hãy lấy ví dụ minh họa

ĐÁP ÁN:

Câu 1: Khái niệm CSDL phân tán:

CSDL phân tán là một tập hợp dữ liệu có lien quan về mặt logic được dùng chung và phân tán về mặt vật lí trên một mạng máy tính

Một hệ QTCSDL phân tán là một hệ thống phần mềm cho phép quản trị CSDL phân tán và làm cho người dùng không nhận thấy sự phân tán

Ví dụ: Một ngân hang quốc gia có nhiều chi nhánh, ở mỗi thành phố có một chi nhánh, CSDL tại mỗi chi nhánh quản lí các tài khoản của dân cư và đơn bị kinh doanh tại thành phố này

Câu 2: Các biện pháp bảo mật thông tin trong CSDL:

- Chính sách và ý thức

Ví dụ: nếu 1 ngân hàng quản lí các tài khoản bằng 1 CSDL và 1 nhân viên ngân hàng đã lợi dụng chức quyền và làm sai thông tin trong CSDL với mục đích tham nhũng thì khi bị phát hiện sẽ xử phạt theo điều luật của nhà nước về việc vi phạm bảo mật của CSDL

- Phân quyền truy cập và nhận dạng người dùng

Ví dụ: Trong CSDL quản lí tài khoản ở ngân hàng phải có người sự dụng cấp thấp nhất thì chỉ xem dữ liệu, thông tin tài khoản, còn việc thực hiện sửa đổi, cập nhập phải là người có quyền cấp cao hơn được cung cấp mật mã

- Mã hóa thông tin và nén dữ liệu

Ví dụ: Để bào mật thông tin về CSDL quản lí điểm người quản trị CSDL sẽ nén file này để hạn chế sự truy cập bừa bãi của mọi người

- Lưu biên bản

.....

Ma trận kiểm tra

Chủ đề	Nhận biết Thong hiểu	Vận dụng thấp	Vận dụng cao	Tổng
1. Cơ sở dữ liệu phân tán - Khái niệm - Lấy ví dụ	2	2		4
2. Các biện pháp bảo mật thong tin - Chính sách và ý thức + Khái niệm + Ví dụ - Phân quyền truy cập và nhận dạng người dùng + Khái niệm + Ví dụ - Mã hĩa thong tin + Khái niệm + Ví dụ - Lưu biên bản + Khái niệm + Ví dụ	0.5 0.5 0.5 0.5		1 1 1 1	6
Tổng	4	2	4	10

Ngày soạn:
Ngày dạy:
Lớp dạy:
Tiết số: 50 ÔN TẬP HỌC KỲ II

I. Mục tiêu
Ôn tập những kiến thức trọng tâm học kỳ 2
II. Chuẩn bị
- GV: SGK, bài soạn
- HS: vở ghi, SGK
III. Tổ chức các hoạt động
1. Ổn định lớp
2. Nội dung ôn tập

NỘI DUNG	HĐ CỦA THẦY	HĐ CỦA TRÒ
Hoạt động : Ôn tập kiến thức, luyện tập		
a. Cách tạo form b. Tạo mẫu hỏi - Cách tạo mẫu hỏi - Mẫu hỏi gộp nhóm từ 1 bảng - Mẫu hỏi gộp nhóm từ nhiều bảng c. Tạo báo cáo d. CSDL quan hệ và các đặc trưng e. CSDL phân tán và ưu điểm của nó f. Bảo mật thông tin là gì, nêu các biện pháp và ví dụ minh họa việc bảo mật thông tin? g. bài tập minh họa	GV đưa ra các vấn đề rồi yêu cầu hs nhắc lại kiến thức	- hs dựa vào từng chủ đề gv đưa ra rồi trả lời
đề bài: Cho CSDL quản lí thi nghề gồm 3 bảng sau: - bảng thí sinh (sbd, hoten, ntns, gt, diachi, uutien,lop) - bảng điểm thi(sbd,lythuyet, thuchanh) Yêu cầu: 1. Tạo bảng và liên kết 2. Tạo query đưa ra kết quả thi của hs biết, tongdiem=(thuchanh*3+lythuyet)/4 Ketqua: là đậu nếu tổng điểm>=10 và không điểm nào bị 0	GV đưa ra đề bài ôn tập rồi yêu cầu hs suy nghỉ để trả lời, cuối cùng gv nhận xét	Hs suy nghỉ và làm bài rồi lên bảng Hs khác nhận xét bài làm của bạn

3. tạo báo cáo thống kê tổng điểm trung bình, điểm cao nhất, thấp nhất theo từng lớp		

3. Củng cố và ra bài tập về nhà

IV. Rút kinh nghiệm và bổ sung

.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....

Ngày soạn:
Ngày dạy: Lớp dạy:
Tiết số:51 KIỂM TRA HỌC KỲ II

Đề bài

1. Nêu các bước tạo lập một CSDL.

2. Cho csdl Những người bạn gồm bảng sau:

Danh sách (họ tên, ntns, địa chỉ hiện tại , nghề nghiệp, sdt, giới tính, quê quán)

Yêu cầu: a. Tạo lập CSDL trên.

b. Hãy tạo mẫu hỏi đưa ra danh sach người bạn quê ở Liêm Sơn , là nữ mà là giáo viên, gồm các trường: họ tên, ntns, địa chỉ hiện tại, nghề nghiệp, giới tính, quê quán

c. Hãy tạo báo cáo đưa ra danh sách ntns của bạn theo địa chỉ: địa chỉ, stt, ntns, họ tên

Đáp án:

Bài 2:

a.

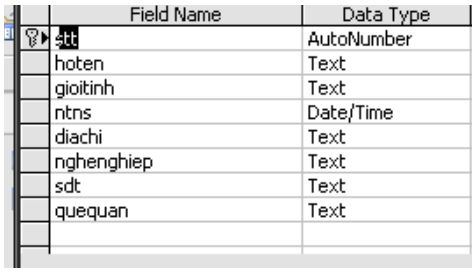

c.

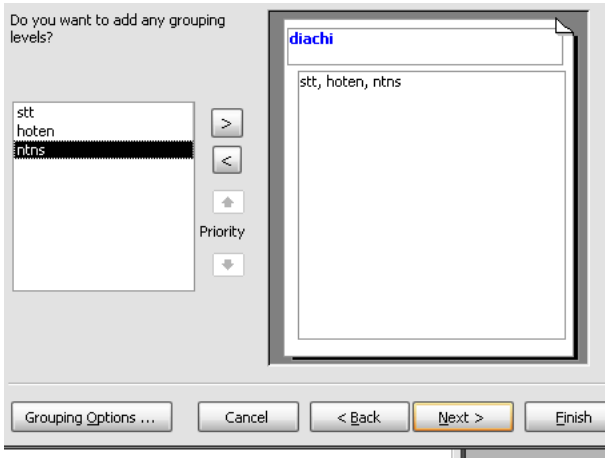

b.

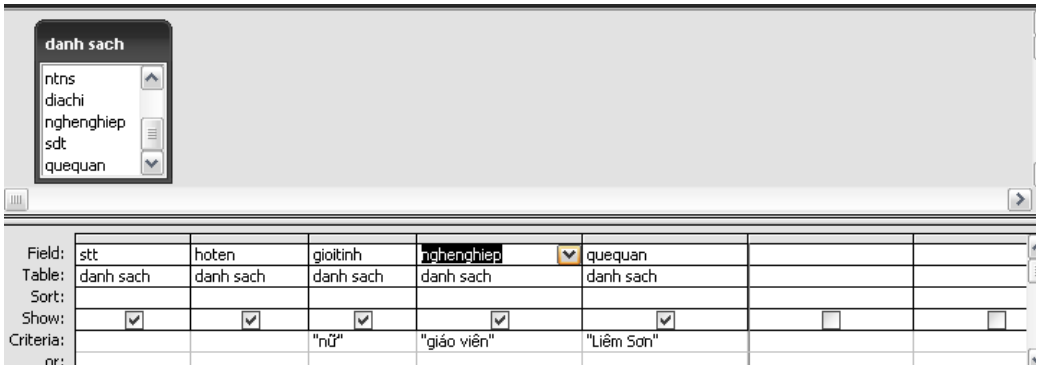

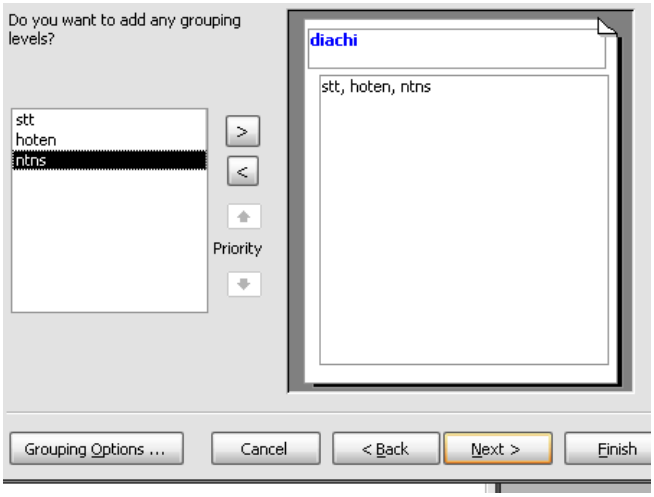

Ma trận đề kiểm tra

Chủ đề	Nhận biết Thong hiểu	Vận dụng thấp	Vận dụng cao	Tổng
1. Tạo CSLD - Tạo bảng, khĩa chính - Xác định kiểu dữ liệu cho các trường - Nhập dữ liệu	 1 1 1	1		4
2. Truy vấn dữ liệu - Đủ các trường - Điều kiện lọc	0	 1	 2	3
3. Kết xuất báo cáo - Đủ trường - Phân nhĩm		 1	 2	3
Tổng	3	3	4	10